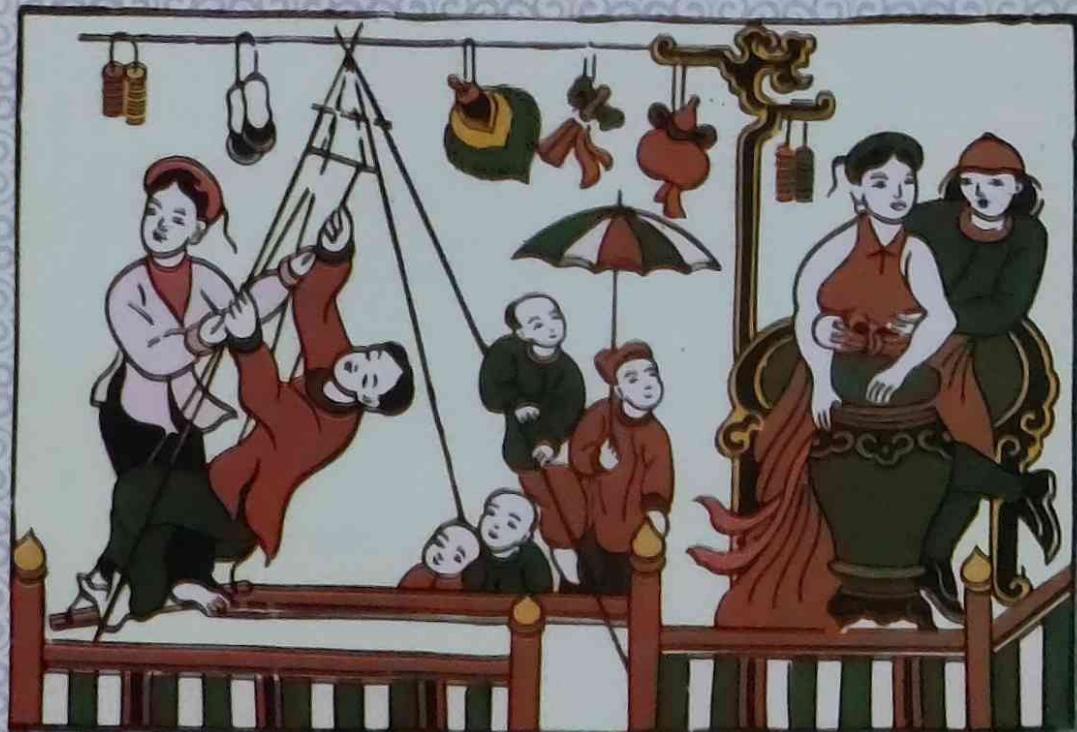


THẠCH PHƯƠNG - NGUYỄN CHÍ BỀN - MAI HƯƠNG
Sưu tập. Biên soạn. Giới thiệu

KHO TÀNG TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM



2



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

THẠCH PHƯƠNG - NGUYỄN CHÍ BỀN - MAI HƯƠNG

Sưu tập • Biên soạn • Giới thiệu

**KHO TÀNG
TRUYỆN TRẠNG
VIỆT NAM**

(Tập 2)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

IN LẦN THỨ 3

2002

TRUYỆN TRẠNG LỢN

Trong một làng quê có một trại lợn. Trại lợn này có một lợn cái tên là Trạng Lợn. Trạng Lợn là con lợn cái duy nhất trong trại lợn. Vì nó là con lợn cái duy nhất nên nó được mọi người trong làng kính trọng và thương yêu. Mọi người thường gọi nó là "Trạng Lợn".

Trạng Lợn là con lợn cái duy nhất trong trại lợn. Vì nó là con lợn cái duy nhất nên nó được mọi người trong làng kính trọng và thương yêu. Mọi người thường gọi nó là "Trạng Lợn".

Trạng Lợn là con lợn cái duy nhất trong trại lợn.

MẤY NÉT VỀ TRẠNG LỢN

Tương truyền rằng ở làng dừa tỉnh Hà Nam nay thuộc tỉnh Nam Hà, có nhà họ Dương vốn dòng khoa bảng. Đến đời ông Lương thì phải xoay sang nghề bán thịt lợn. Nhà ông hàng thịt ở làng buôn bán làm ăn ngày càng phát đạt. Vợ chồng đều lấy làm mừng, càng chịu tu nhân tích đức giúp đỡ kẻ nghèo khó nên được mọi người quý mến.

Một hôm, trời đã nhá nhem tối, bà vợ đi ra giếng gánh nước tắm, tự nhiên thấy một ông sao từ trên trời sa vào trong thùng, ánh sáng quáng lòa cả đôi mắt, trong bụng nửa mừng, nửa sợ. Bà gánh nước về tắm, từ đó bà cảm thấy xúc động, rồi có mang. Bấy giờ chính là giữa năm nhà vua cũng sinh hạ hoàng tử.

Các cụ kể chuyện lại rằng : ở đầu cổng làng ấy có cái gò cao to, trên đỉnh có một hòn đá, trông xa từa tựa như con dê đứng. Người trong làng có việc gì thường ra đó cầu khấn, và thường được ước thấy điều linh ứng. Trước khi chưa sinh Trạng, ông hàng thịt thường đi sớm qua đây, hôm nào cũng thấy có đứa bé gọi bảo rằng :

- Thầyơi ! Thầy đi chợ mua quà cho con với !

Ông ngoảnh đi ngoảnh lại thì không thấy ai, lúc đầu còn cho là thường không tin, đi chợ cũng không nhớ đến. Tối về đi ngang qua, ông lại thấy tiếng trách rằng :

- Con dặn, mà thấy chẳng mua cho con quà.

Ông lấy làm lạ, nói chơi rằng :

- Ủ, có phải thế thì mai thấy mua cho !

Từ ngày hôm sau trở đi, hôm nào ông cũng mua quà. Cứ về đến đây, là thấy có một đứa bé đứng chực đón sẵn. Ông đưa quà cho rồi thử dù xem chú bé đi đâu. Bao giờ cũng thấy đứa bé đi đến cái gò ấy thời biến mất. Ông đoán là thằn lằn ở trong gò hiện hình ra, nhưng vẫn để bụng không nói cho ai biết.

Chừng độ hai, ba tháng, ông vẫn đều dặn mua quà cho đứa bé mỗi khi đi chợ qua gò. Một hôm, ông mới bảo đứa bé :

- Con có ăn quà thời về nhà thấy cho, chử ở đây thời thấy chẳng lấy đâu mà cho được mãi. Đứa bé đứng ngắn ngơ một chốc rồi gật đầu nói :

- Xin khát thấy mười lăm hôm à !

Tối hôm sau, ông về, không thấy cậu bé ra đón, trong bụng lấy làm áy náy. Cách mười lăm hôm, về qua đó, ông bỗng lại nghe thấy tiếng gọi :

- Thầy đợi cho con về với !

Vừa ngoảnh lại đã thấy cậu bé ở đằng sau, mừng quá sức, ông hỏi rằng :

- Lâu nay sao con đi đâu mà thầy không thấy ?
Hay là con giận thầy ?

Đứa bé đáp :

- Con đi chơi với chúng bạn, đánh cờ, uống rượu,
đánh vật ở vùng kia, chứ làm sao mà con lại giận thầy.

Ông lại hỏi :

- Vậy có muốn về với thầy thì phải làm nên chức
tước gì thời thầy mới bằng lòng.

Đứa bé thưa :

- Xin làm đến chức tổng trấn.

Ông lại gặng rằng :

- Có làm được Trạng thì thầy mới thích, chứ tổng
trấn thì chưa hay.

Đứa bé gật đầu :

- Vậy con sẽ làm Trạng.

- Thế thời con ở với thầy bao lâu ?

- Thầy cho con bao nhiêu lần quà, thời con xin ở
với thầy đúng bấy nhiêu năm.

Ông tính đưa quà cả thầy bảy mươi hai lần, nên
gật đầu cho chú bé theo về. Về đến sân thì ông nghe
trong nhà bà vợ vừa đẻ, ông ngoảnh lại, không thấy
đứa bé đâu nữa.

Từ đây con gò đâu làng không thấy được linh ứng như trước. Có người bảo rằng ông thần ở chỗ ấy đã giáng sinh vào nhà nào rồi.

... Đến lúc cậu bé lớn độ ba tuổi, bố mẹ thấy tướng mạo khôi ngô, ăn nói hoạt bát, lấy làm mừng lăm. Họ đặt tên cho cậu là Chung Nhi. Chung Nhi chính là tên tục của Trạng Lợn sau này.

Câu chuyện trên được truyền ngôn trong dân gian và như ta biết, dân gian vốn giàu óc tưởng tượng, đã huyền thoại hóa một nhân vật có thật, từng bị phong kiến coi là kẻ bất trị, ngang ngược, trong khi đó lại được nhân dân yêu mến và ủng hộ. Cũng từ đó, họ gán cho nhân vật mà họ yêu mến tất cả những điều hư cấu từ óc sáng tạo, thông minh của mình, cả những gì ngẫu nhiên và khó tin. Nhưng tin hay không, điều ấy đối với họ không quan trọng. Cái chính là họ muốn có một Trạng Lợn trong đời.

1. TRẠNG “NGUYÊN” HAY TRẠNG “DƠ”

Khi Chung Nhi lên ba thì có hai người đỗ đại khoa vinh quy bái tổ về làng. Cả làng đổ ra đón rước. Chung Nhi được bố cho đi đón cùng. Thấy ông tân khoa ngồi trong kiệu đi trước, mồ mang cản đai chĩnh chện, Chung Nhi chỉ vào kiệu hỏi :

- Bố đi, ông này là gì hả bố ?
- Đấy là quan Trạng. Người bố trả lời.
- Còn ông kia ? Chung Nhi chỉ vào người ngồi chiếc kiệu đi sau.
- À, quan Bảng đấy con ạ.
- Ông nào to hơn hả Bố ?
- Quan Trạng.
- Thế to hơn Quan Trạng là ai ?
- Quan Trạng là nhất, chẳng ai to hơn.
- Vậy thì con sẽ làm quan Trạng bố nhé. Người bố xoa đầu Chung Nhi, cười, nhân đó nói đùa :
- Quan Trạng của bố cũng vinh quy như ông kia chứ ?

Chung Nhi gật đầu :

- Nhất định như thế !

Giữa lúc đó, có ông hàng xóm đứng sau, nghe hết câu chuyện của hai cha con, xen vào hỏi đùa :

- Đỗ Trạng "nguyên" hay Trạng "dở" ?

Chung Nhi quay lại, nhận ra bác hàng xóm quen thuộc, bèn nói :

- Tưởng người lạ hóa người quen !

Ông hàng xóm vừa kinh ngạc thấy thằng bé mới lên ba mà nói nồng nặc gọn thành một vế đối rất chỉnh với lời nói của ông. Ông bảo bố Chung Nhi nên cho em đi học. Từ đó ai cũng gọi Chung Nhi là *Trạng*.

2. THIÊN TÍCH THONG MANH

Năm Chung Nhi lên sáu, bố mẹ cho đến học ở một thầy đồ làng bên. Chung Nhi hỏi mẹ :

- Mẹ ơi, thầy đồ giỏi hay Trạng giỏi ?

- Trạng giỏi nhất. Mẹ trả lời.

- Vậy thì con không học thầy đồ đâu.

Mẹ chú dỗ dành :

- Cố nhiên là Trạng giỏi nhất, thầy đồ không giỏi bằng. Nhưng muốn làm Trạng, trước hết phải học thầy đồ.

Nghe mẹ nói vậy, Chung Nhi bỗng lòng đi học.

Hôm làm lễ nhập môn, thầy bảo Chung Nhi lễ đức thánh Khổng Tử. Chung Nhi hỏi :

- Thưa thầy, Đức thánh Khổng to, hay Trạng to ?

- Đức Thánh Khổng Tử to hơn Trạng. Thầy trả lời.

Nghe thầy nói vậy, Chung vào lễ, nhưng không lễ thầy, vì có ý cho rằng không giỏi bằng Trạng. Bố phải dỗ mãi, cháu mới chịu lễ thầy. Lễ xong, Chung Nhi hỏi thầy :

- Thưa thầy, học mấy hôm thì thành Trạng ?

Thầy phì cười, nói đùa :

- Dăm hôm !

Nghe nói vậy, Chung Nhi khoái lắm, vì tưởng dăm hôm nữa mình sẽ trở thành Trạng thật.

Chung Nhi bắt đầu học. Thầy dạy câu “*Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng*”, nghĩa là : trời ban cho trí thông minh, thánh giúp cho làm nên sự nghiệp. Vì không tập trung nghe thầy dạy, nên thầy vừa đọc xong câu đã quên ngay và đọc trêch là : “*Thiên tích thong manh, thánh nằm chổng gọng*”. Thầy dạy đi dạy lại, năm lần bảy lượt mà câu vẫn đọc trêch như vậy. Thầy tức quá, lấy roi nọc ra đánh. Nhưng hễ thầy vừa giơ roi lên là Chung Nhi lại nằm ngửa ra, chổng bốn vó lên trời, miệng rít rít đọc.

- ...Thánh nằm chổng gọng ! Thánh nằm chổng gọng !

Thầy vừa tức, vừa buồn cười, thôi không đánh nữa.

3. TRỜI CÓ HAI NGƯỜI, ĐẤT CÓ MỘT NGƯỜI

Tính Chung Nhi hay mải chơi. Ở nhà học, khi vắng mặt thầy lại rủ trẻ làm cờ, chiêng trống, rước xách inh ỏi. Một ngày kia đang rước, thầy ở ngoài về bắt được. Đứa thời đang thổi sáo miệng: đứa thời cầm cờ, cầm quạt: đứa thời vác tàn, vác tán... rầm rĩ.

Thầy thấy về, đứa nào đứa ấy đều tái mặt mày, sơ hết vía, bỏ cả mà chạy. Chỉ còn Chung Nhi vẫn đứng trơ ra ở đấy. Thầy bắt vào, hỏi :

- Sao các trò dám đùa nghịch như vậy hả ?

Chung Nhi nói ráo hoảnh :

- Thưa thầy, chúng con đang tập lễ nghi.

Thầy thấy nói vậy, bật cười mà tha cho.

Lại một hôm thầy đi chơi, giao Trạng giữ nhà. Có một ông khách đến chơi, vào đến sân, hỏi :

- Thầy đồ có nhà hay đi vắng đây ?

Chung Nhi ở trong nói vọng ra :

- Thầy đi vắng. Chỉ có Trạng ở nhà thôi ! Mời ông !

Ông khách dòm vào, chỉ thấy một đứa bé ngồi đấy, không thấy ai nữa, mới ngạc nhiên hỏi :

- Trạng đâu ?

Chung Nhị ứng khẩu đáp ngay rằng :

- Trạng đây chứ Trạng đâu.

Nói chưa dứt lời thì thầy đồ về, ông khách đem kể chuyện lại. Thầy đồ, từ sau cái vụ "Thánh nambi chỏng gọng", không còn dám khinh thường thằng bé, vội bảo bạn :

- Thưa, nó là con nhà hàng thịt đấy ạ. Ô ! Ai ngờ "đất sỏi lại có chạch vàng". Nói thời ra dáng thông minh, học thời một chữ bέ đôi nhận mãi không vào, nhưng được cái tài ứng đối linh hoạt.

Ông khách không tin, bắt bέ :

- Con nhà hàng thịt lớn mà dám ví với chạch vàng, ông cứ quá lời. Có giỏi làm lòng với tiết canh thì có.

Không phải. Người ta đều có tài riêng, như hoa nhiều mùi, nhiều vẻ. Trông đứa này mặt mũi khôi ngô, biện bác linh lợi, sau này lấy tài ấy mà tiến thân thì không phải kém thua chúng mình đâu. Ông khách quay lại nói với cậu bé, ra ý thăm dò :

- Ô Trạng đây ư ? Trạng đã học đến đâu rồi ?

Chung Nhị ứng dung trả lời :

- Học đến "trời, đất".

Khách lại giả vờ ngỡ ngẩn hỏi tiếp :

- Trời là gì ? Đất là gì ?

Trạng vỗ tay cười ầm lên rằng :

- Thôi ông này không đi học rồi ! Chả biết Trời, biết đất là gì ! Trời là "thiên", đất là "địa" mà cũng không biết, còn ra cái gì.

Ông khách giận lắm, nói lắp liếm chưa ngưng :

- Thằng này trẻ con thực !

- Còn ông thì người lớn ! Đã là người lớn thời tôi đố ông biết : Trên trời có gì ? Dưới đất có gì ?

- Trời có trăng sao, đất có sông núi chứ gì ? Vậy cũng hỏi.

- Ông nói không phải. Trên trời có hai người, dưới đất có một người học trò.

- Ai bảo thế ?

- Thánh bảo chứ ai bảo. Ông chưa học chữ "thiên", chữ "địa" à ? "Nhị nhân" là chữ "thiên". "Sĩ dã" là chữ "địa" chẳng phải thế là gì ?

Nguyên chữ "thiên" tựa như gồm hai chữ "nhị" và "nhân" nghĩa là hai người; chữ "địa" gồm hai chữ "sĩ" (đúng ra là chữ thổ) và chữ "dã". Mà chữ "sĩ" là học trò. Quênh quạng thế nào, Chung Nhi lại thánh túng như người đang "chiết tự" ấy.

Ông khách nghe vậy, lấy làm phục, lại hỏi :

- Trên trời có hai người là những ai ? Còn dưới đất có một người học trò là ai ?

Chung Nhi đáp :

- Hai người là ông trời, bà trời. Còn một người học trò ở dưới đất là tôi chứ ai !

Ông khách nghe nói vậy, rơm tóc gáy, than rằng :

- Minh rõ không bằng một đứa trẻ.

4. MUA LỢN

Năm mươi ba tuổi, Chung Nhi học hành vẫn không đâu vào đâu, chỉ giỏi nghịch ngợm. Ông bố thấy vậy, rất buồn, tự nhủ : "Giả nhà ai quai nhà này, cung cách này dành cho theo nghề mổ lợn vậy".

Từ đó, Chung Nhi bỏ học theo bố làm nghề mổ lợn và chú bé cảm thấy thích thú lắm, thuộc vanh vách những câu nói lái, cách mời chào trong nghề.

Một hôm, hai cha con sang làng bên mua lợn. Chủ nhà đang ngủ, nghe tiếng ầm ĩ, bực mình, ra xem có việc gì. Thấy nói có người đến mua lợn, ông ta chẳng nói chẳng rằng, lau mặt, vuốt râu, rồi bỏ vào nhà trong. Chung Nhi vội xông vào chuồng, trói nghiến lợn lại, rồi đặt tiền trước thềm nhà và giục bố khiêng lợn về. Ông bố chưa hiểu đâu đuôi ra sao cả, thì vừa lúc ấy, bà chủ về. Thấy có người bắt lợn, bà ta hô hoán lên. Chung Nhi nói rằng, ông nhà đồng ý bán và mình đã chẵng đủ 18 quan tiền. Bà chủ hốt hoảng vào gọi chồng ra, bảo rằng sao lợn đáng trăm quan lại bán có 18 quan. Ông chủ chạy ra, quát :

- Ta bảo bán bao giờ mà mi dám đặt điều như vậy
hả thằng bé con kia ?

Chung Nhi lẽ phép thưa :

- Bẩm ông, quả là ông đã bảo bán và bán giá 18 quan. Chắc ông còn nhớ, khi ông từ trong nhà bước ra, con có hỏi ông : Lợn giá bao nhiêu ? Ông lảng lặng lấy khăn lau ngang mặt, sau đó lấy tay vuốt từ trên trán xuống đến râu. Một vạch ngang, một vạch dọc, chẳng phải chữ "thập" là gì ! Ông lại lấy tay rẽ râu làm đôi, một nửa vuốt sang trái, một nửa vuốt sang phải. Đó là chữ "bát". "Thập bát" là 18, đúng là 18 quan còn gì nữa.

Ông chủ nghe thằng bé nói ngô ngô mà có lý, lòng thấy khoan khoái, bèn đồng ý cho hai cha con khiêng lợn về.

Bà chủ vốn là người biết chữ nghĩa, quý Chung Nhi còn nhỏ mà có tài, lại ngày thơ kiếu trẻ con, chứ không phải có ý lừa lọc, nên cũng thuận bán.

5. BẮT TRỘM

Mùa đông năm sau, ông Lương mất. Ba năm mẫn tang rồi. Chung Nhi vẫn buồn rầu, đi lang thang hết nơi này chốn khác, chẳng thiết gì làm ăn. Mẹ thấy thế càng thương càng chiêu, nhưng Chung Nhi không chịu

ở nhà. Ngày càng đậm hư, rượu chè bê bét, bà ai cũng đánh bạn, sà đâu ngủ đấy, tỏ vẻ chán đời. Người ngoài chả ai muốn dây vào.

Một hôm Chung Nhi vừa đi chơi về, người chị dâu nói mát, nhắc đến cái ý nguyện ngông cuồng của Chung Nhi ngày xưa :

- A chú đỗ Trạng, vinh quy về đó à ? Trạng rượu hay trạng thịt đấy ? Thật là nhà này có phúc được nhờ quan Trạng.

Thấy chị dâu nói mỉa mai như thế, Chung Nhi trong lòng ấm ức, bức bối, quyết bỏ nhà ra đi, bèn vào lạy mẹ mà rắng :

- Con xin từ tạ mẹ. Phen này nếu không làm nên danh giá, thì con quyết không trông thấy mẹ nữa. Mong mẹ lo toan sức khỏe, gắng đợi con về, mẹ con sẽ một nhà để huề sum họp.

Nói xong, nước mắt chan hòa, Chung Nhi lạy mẹ rồi đi, dẫn thân vào trường đời may rủi.

Vừa ra đến cổng thì gặp ngay hai người khăn áo chỉnh tề, trước thầy sau tớ, vác lều chông đi qua. Chung Nhi liền từ tốn hỏi :

- Chẳng hay hai ngài đi đâu mà thầy tớ để huề bầu rượu túi thơ làm vậy ?

Hai người kia liền đáp, giọng khoan hòa, lịch sự :

- Chúng tôi trẩy kinh đi thi đây. Còn thầy thì đi đâu, có cùng chúng tôi nhập bọn cho có bạn có bè.

Chung Nhi thừa dịp may hiếm có, bèn cười nói :

- Thế thì may mắn quá ! Chúng ta cùng đi cho vui. Tôi cũng trẩy kinh đi thi. Đang lo một mình thui thủi đường xa.

Ba người nhập bọn cùng đi, chẳng kể thân sơ.

Tính Chung Nhi cởi mở, vui vẻ, hay nói hay cười, hai người kia rất mến. Dọc đường mọi chi phí họ đều đỡ cho cả, vì vậy Chung Nhi thoát được cảnh cơ nhỡ, sẩy nhà ra thất nghiệp.

Trời tối rồi mà đường còn xa, ba người tìm vào một cái quán nghỉ. Suốt ngày đi mệt, cả bọn lăn lóc, ngủ say như chết, chẳng kể gì muỗi, rệp.

Đêm đến, có hai tên kẻ trộm mò vào. Giữa lúc đó, Chung Nhi nằm mơ thấy mình đương bắt lợn, mà con lợn lại sổng mất, liền hét to lên, kinh động cả quán trọ :

- Đây rồi, bắt, bắt trói... lại... chọc tiết ! Phen này đừng hòng thoát với ông.

Câu nói mơ về nghề nghiệp ai dè có tác dụng. Hai tên trộm tưởng khách trọ hô hoán bắt mình, hốt hoảng vứt bỏ đồ đạc lại mà chạy bán sống bán chết. Hai người kia cũng chồm dậy, kiểm tra lại hành lý, thấy không suy suyển gì mừng quá, rồi rít cảm ơn Chung Nhi. Từ đấy họ lại càng kết thân, hễ Chung Nhi trọ đâu, thì họ cũng trọ lại nơi ấy, không rời nhau một bước.

6. THÂM TÌNH HUYỀN LÝ

Đi qua một ngôi chùa thâm nghiêm, tĩnh lặng, thấy phong cảnh đẹp, Chung Nhi và hai người bạn rủ nhau vào vãn cảnh. Họ dạo quanh một lúc thì đã tối. Vừa khi trăng lên, nhà sư ra mời vào trai phòng uống trà. Ba người mừng lắm, nhận lời. Trai phòng sạch sẽ, phong quang, gió đưa mùi hương thơm ngát. Nhìn cảnh trăng soi đáy nước, liêu rū phất phơ, thấp thoáng sen hồ, ba người tưởng như lạc vào nơi bồng lai tiên cảnh.

Nhà sư thấy khách vãn cảnh chùa ra đáng học trò đi thi, bèn đem giấy bút ra, xin ba thầy đề thơ làm kỷ niệm.

Hai người bạn lĩnh giấy bút đề luôn hai bài thơ túc cảnh. Chung Nhi nghĩ bụng, không nhẽ mình cứ ngồi ý ra, e không tiện, liền cầm bút định viết bốn chữ tiếng lóng của lái lợn : "Thâm tình lập lái", nghĩa là "Ba quan và mười hai quan". Nhưng vì không nhớ mặt chữ, nên chữ "lập" viết ra chữ "huyền", chữ "lái" viết ra chữ "lý". Thế là định viết "Thâm tình lập lái" thì lại thành ra "Thâm tình huyền lý", nghĩa là "Hiểu sâu lẽ nhiệm mầu".

Nhà sư nhìn bốn chữ tuy nét bút không phải rồng bay phượng múa, nhưng ý nghĩa thì thật sâu sắc, tẩm tắc khen mãi :

- Văn từ hàm súc mà ý nghĩa lại rất hợp với cảnh chùa. Bần tảng lấy làm ái mộ lắm.

Hai người bạn đồng hành cũng hết sức khâm phục và tôn đùa Chung Nhi là Trạng, còn Chung Nhi cũng nghiêm nhiên tự cho mình là Trạng thật. Hôm ấy nhà sư lưu ba thầy trò ở lại thết đãi trọng thể, tất nhiên là ăn chay.

Ngâm vịnh thơ văn, luận bàn thi phú hết một đêm, Chung Nhi nhập tâm được nhiều lý lẽ cao siêu của nhà sư và hai bạn đồng hành. Sớm mai, ba người cáo từ lên đường, nhà sư đem oản chuối nhét đầy một tay nải, gọi là có chút lẽ mọn tiễn hành. Chắc cũng là bởi quá xúc động vì cái câu “Thâm tình lập lái” viết sai mà lại thành “Hiểu sâu lẽ nhiệm mầu ấy”. Thật là “Thâm tình huyền lý” vậy !

7. DỐT CHỮ ... THÀNH THẦN

Hôm sau, ba người đi đến một làng kia, trời nhá nhem tối. Ba người bàn nhau vào trong làng tìm nhà trọ. Khi qua cổng làng họ thấy ở cổng đê ba chữ : “Thủ chư dự” nghĩa là “Lấy trong quẻ dự”, chữ ở *Kinh Dịch*. Chung Nhi thấy bạn đọc như thế lại làm ra là “thủ trư” là “thủ lợn” nên bảo ngay :

- Tối nay anh em ta được chén thủ lợn.

Thật ra là Chung Nhi dốt. Không những chỉ theo âm mà đoán mò, lại không biết cả ngũ pháp tiếng Hán. Thủ lợn thì phải là "trư thủ" chứ không phải thủ trư. Hai người kia đang cơn đói nghe thoảng qua là có người khoán đãi thì rất mừng.

Họ không ngờ là họ đang ở trọ nhà ông tiên chỉ, gấp ngày té xuân, làng đêm biểu ông ta cái thủ lợn. Nhận có khách, ông ta pha thủ lợn thết khách. Hai người kia đâm ra phục lăn, nói với Chung Nhi :

- Bác có phép tiên tri hay sao ? Thật quá chúng tôi được nhờ bác nhiều lắm.

Chiều hôm sau, ba người qua một làng khác, thấy đầu làng có biển đá khắc hai chữ "Hạ mã" chữ Hán, nghĩa là "Xuống ngựa". Do nhìn sót mấy nét, Chung Nhi lại đọc "Hạ mã" thành ra "Bất yên", cũng là chữ Hán, rồi lại hiểu lầm là "chẳng lành" bèn khuyên hai bạn đồng hành : Làng này sắp có chuyện chẳng lành. Chúng ta nên đi qua làng khác rồi hãy nghỉ lại, an toàn hơn.

Hai người bạn mỉm cười không tin, nhưng nể Chung Nhi, cũng chiều theo. Ai ngờ vừa đi được một quãng thì nghe tiếng kêu la và trống mõ àm ĩ. Thị ra làng đó đang có đám cháy lớn.

Từ đấy, hai ông bạn phục lăn, cho rằng việc gì Chung Nhi cũng biết trước cả, giỏi như thần, gieo quẻ nào ứng nghiệm quẻ ấy !

8. LÀM THƠ

Buổi nọ, cả bọn đi qua một trang trại, tùng cúc tốt tươi, trúc mai sầm uất. Giữa cảnh ấy, Chung Nhi trông thấy một tiểu thư nhan sắc tuyệt vời đang cùng hai người thị tỳ hái hoa trong vườn. Chung Nhi ngắm nghía, mê mẩn tâm thần. Hiếm vì tường cao cổng kín, khó nôii tìm vào.

Đi một quãng, Chung Nhi bèn lập mèo từ biệt hai người bạn kia, nói dối là phải vào thăm một người bà con ở gần đấy, nhân thể mời hai bạn cùng rẽ vào chơi.

Hai người kia đang lo về thi cử, vội vàng từ chối :

- Đường còn xa, nhật kỳ gần tới, quá vui lỡ bước, sau nữa làm sao. Thôi bác ở lại, chúng tôi đi trước.

Lúc chia tay, Chung Nhi dặn :

- Vậy thì xin mời nhị huynh trẩy kinh trước, mai kia dê sê theo sau, Ngày hội ngộ hẳn cũng không xa.

Trở lại nơi trang trại, Chung Nhi hỏi thăm mới hay trại đó là của quan trí sĩ họ Bùi.

Bùi tướng công chỉ sinh được một gái, đặt tên là Phấn Khanh. Tiểu thư rất đoan trang, lại làu thông kinh sử và khéo léo trong mọi công việc tề gia, nên Bùi tướng công có ý kén rể hiền. Bữa ấy, tướng công đang ngủ trưa, chợt nằm mơ thấy có người gọi : "Tướng công dậy ! Đón

Trạng rể mới lại chơi vườn". Tỉnh giấc, lấy làm kỳ dị lắm, nghĩ bụng : "Xưa nay ta có người rể nào là Trạng mà mơ là thế ? Hay ta thử ra xem sao". Đúng lúc Chung Nhi đang nghiêng nghiêng ghé mắt dòm vào chỗ tiểu thư và đám thị tỳ đang hái hoa, chợt tướng công chống gậy ra thăm vườn. Trông thấy người lạ, tướng công liền sai gia nhân ra gọi vào hỏi :

- Thầy người đâu lại ? Đứng đấy muốn hỏi gì ?

Chung Nhi luống cuống, toát mồ hôi, ấp úng trả lời:

- Bẩm, tôi là học trò. Nhân trẩy kinh qua đây, thấy cảnh đẹp, trộm đứng ngoạn cảnh, có điều gì sơ suất, xin tướng công tha tội cho.

Tướng công thấy Chung Nhi ăn nói nhún nhường, lại thấy mặt mũi khôi ngô, liền mời vào "Uyên ương đình" là nơi tướng công dựng lên để kén rể hiền, rồi sai dọn rượu thết đãi.

Rượu ngà say, Chung Nhi nhìn "Uyên ương đình" thấy phong cảnh hữu tình, sực nhớ tới mấy bài thơ của hai người bạn đường làm khi vãn cảnh chùa, bèn rung đùi ngâm lên. Bùi tướng công nghe thơ hay, vui lắm, sai gọi tiểu thư lấy giấy hoa tiên chép lại để họa vần. Thật là một cuộc gặp gỡ kỳ thú, trăm năm mới có một lần. Giữa cảnh trăng trong gió mát, người đẹp hoa thơm, Chung Nhi cảm thấy hân hoan trong lòng dạ. Thế là tay nâng chén, miệng ngâm thơ, tuy chỉ là thơ nhập tâm của người khác, song cũng bội phần tâm đắc. Còn Phấn Khanh thì nâng bút họa lai, lời thơ cũng uyển chuyển, tỏ ra con nhà dòng dõi thi thư.

Họa xong, tướng công ướm hỏi Chung Nhi :

- Lão có tiễn nữ đây, muốn cùng tuấn sĩ gá nghĩa
sắt cầm, liệu có nên chăng, xin cho lão rõ ?

Chung Nhi khiêm tốn trả lời :

- Kẻ hèn này được tướng công thương đến, đâu
dám chối từ. Hiềm vì khoa thi sắp tới, xin tướng công
cho hẹn đến ngày ra bảng. Nếu kẻ hèn này công
thành danh toại, lúc đó sẽ trở về bái kiến tướng công,
tướng cũng không muộn.

Tướng công vui vẻ gật đầu, càng phục Chung Nhi
là người có chí, không vì nỗi nữ thường tình mà quên
nghề nghiệp lớn. Phấn Khanh cũng từ tốn thưa rằng :

- Dẫu năm chờ tháng đợi, thiếp mong chàng bέ
quế vinh quy, sẽ được nương nhờ dưới gối.

Thật là :

Một phen tri kỷ gặp người

Ba sinh chắc có duyên trời chi đây .

9. XỨNG TÀI ĐỐI ĐÁP

Canh khuya tàn cuộc, người nhà Bùi tướng công
đưa Chung Nhi vào thư phòng nghỉ, chợt trông thấy
trên tường có một vế câu đối : "Bát đao phân mẽ

phấn", bốn chữ trên là từ chữ "Phấn" mà ra⁽¹⁾. Phấn Khanh viết mấy chữ này có ngầm thách những chàng trai đến hỏi nàng đổi lại, nhằm "sát hạch" tài ba của ý trung nhân.

Chung Nhi nhìn năm chữ ấy, đọc thấy chữ "Phấn", biết đó là tên của tiểu thư, săn trên án có nghiên bút, cũng ngoặc một cái thật to tên mình là "Chung" vào. Viết xong chàng quẳng bút lăn kềnh ra ngủ, không còn biết trời đất là gì.

Đến sáng, Phấn Khanh vào trông thấy chữ "Chung", cho rằng Chung Nhi đã đổi là : "Thiên lý trọng kim chung", bốn chữ này là từ chữ "Chung" mà ra. Nghĩa đen cả hai vế câu đổi là :

"Tám đao chia hột gạo", "Nghìn dặm nặng chuông vàng", Chỉnh quá ! Chỉnh quá ! Nàng nức nở khen hay, cho là tài Chung Nhi đáng bậc khôi nguyên.

Bùi tướng công truyền gia nhẫn bày tiệc ở Thủy đình trên hồ bán nguyệt, cho tiểu thư một số vàng để biếu Chung Nhi làm lễ tiến hành. Nàng lại đưa cho Chung Nhi một phong thư chúc chàng thượng lộ bình an.

⁽¹⁾ Theo phép chiết tự, chữ Phấn – tên nàng con gái Bùi tướng công – là do chắp chữ phân và chữ mẽ mới thành; nàng lại chia chữ phấn ra làm ba chữ ; chữ bát, chữ dao chắp vào chữ mẽ đặt ra thành một vế đối. Còn chữ Chung – tên của Trạng Lợn sẽ nhắc đến ở đoạn dưới – có thể tách ra theo phép chiết tự thành : thiên + Lý = trọng, ghép với chữ kim thành chữ chung, cũng là một vế đối rất chỉnh về luật, về chữ và về nghĩa.

Chung Nhi lèn đường lòng mừng rõ vô cùng. Nàng Phấn Khanh cũng đi theo tiên mấy dặm đường, mới quay trở lại.

10. TRẠNG GẶP NGƯỜI TIÊN

Chung Nhi từ khi ở nhà Bùi tướng công bước chân ra, trong bụng vui sướng như là lên núi Bồng Lai gặp tiên vậy. Đi đường, nghĩ ngợi lấy làm thích quá, chàng đi quanh đi quẩn thành ra lạc vào một cái miếu, bốn bề vắng ngắt không một bóng người. Bồng Chung Nhi thấy một ông cụ đầu râu tóc bạc, chống gậy thơ thẩn tự đằng xa đi đến, ngả nón đặt gậy dưới gốc cây ngồi nghỉ. Chung Nhi đến trước mặt, chắp tay chào, tự nhiên ông cụ hỏi ngay chàng rằng :

- Nhà ngươi trẩy kinh, sao lại quanh quẩn vào đây làm gì ?

Chung Nhi thấy hỏi, ngạc nhiên đáp rằng :

- Lạ, sao cụ biết con đi kinh ?

- Thê mà lão biết.

- Thưa cụ, quả con trẩy kinh thực. Nhưng không phải đi đường này, thời cụ dạy đi đường nào ?

Ông cụ túm tím cười mà rằng :

- Ồ, đi thi ! Nào, lão thủ xem trong bụng có chữ gì không mà cũng đi thi nào !

Rồi cầm gậy chọc vào bụng Chung Nhi bảo :

- Nay, chân lão mỏi lắm. Có muốn biết đường trầy kinh, chịu khó bóp hộ lão, rồi lão bảo.

Chung Nhi lom khom quỳ xuống bóp chân cho cụ. Cụ vuốt râu nói :

- Ồ, anh này khá, bảo được.

Chung Nhi thấy nói bảo được, hơi có ý không bằng lòng. Nhưng cũng cố chịu mà bóp. Ông cụ bảo rằng :

- Nay, có muốn làm Trạng nguyên thời từ đây lên đến kinh, cõng lão rồi lão bảo.

Chung Nhi bình nhật vẫn chăm chăm về chữ trạng, nghe thấy thế, nhẽ nào không muốn, liền ghé vai vào cõng, trọng bụng tựa hồ có ý vui lắm. Chạy đi vùn vút một mạch, bất giác một chốc thế nào lại đến ngay kinh. Cụ cười bảo rằng :

- Khi ở trong đình Uyên Ương, hồ bán nguyệt nhà Bùi tướng công, sung sướng nhỉ ?

Chung Nhi nghe thấy thế giật nãy mình lên, lập tức cúi đầu chắp tay, sụp xuống lê cụ mà nói rằng :

- Lạy cụ, cụ thực là một ông thánh, không có cái gì là không biết trước.

Cụ đáp :

- Lão bảo cho biết : Nhà ngươi là một vị thiên tinh giáng hạ. Người con gái ấy cũng là một thiên nữ giáng sinh. Chính là trời sinh người ấy giúp nhà ngươi sau này đó. Nhưng mà duyên cầm sắt trong hai năm mới họp.

- Thưa lạy cụ, cụ đã có tài biết trước, xin cụ dạy vận mệnh chúng con sau này thế nào ? Chung Nhi nói.

Cụ bảo :

- Nhà ngươi tuy không phải lấy văn chương khoa mục làm được Trạng nguyên, nhưng cái chức Trạng nguyên chắc là làm được.

- Thế bao giờ thời vận mới đến ?

- Hiện bây giờ, tướng tinh nhà ngươi còn hậm, chưa được xuất sắc. Và hoàng thượng thánh thể không an, *khoa thi này tất là hoãn*. Sau này chắc có biến cố, ngày ấy tháng ấy cứ nhớ mà ra góc thành *đằng đông*, *hễ thấy người nào như thế, cứ công mà chạy*. Từ đó trở đi mới đại phát. Bây giờ thời vận chưa đến. Lão hãy truyền khẩu cho mấy phép bói toán, để làm một cái lối giao kết bè bạn, lừng lẫy danh tiếng, rộng đường thi thố về sau.

Trạng mừng lắm, lẽ xin chịu dạy. Ông cụ mới đem ngũ hành bát quái, tinh vi độ số, thập nhị thời thần, thiên la địa sát, toàn những thuật ngữ, khái niệm trong phép bói toán; rồi lại lấy lẽ mèo thuật pháp nói qua một lượt, dạy Chung Nhi cách tính toán.

Chung Nhi tuy không có mấy hột chữ, nhưng cũng thông minh về mặt ăn nói, nghe những mèo đoán,

mẹo nói của ông cụ truyền cho, nói đến đâu nhớ đến đấy, nhập tâm cả. Ông cụ thấy Chung Nhi thông minh, linh hoạt, mừng lắm, bảo rằng :

- Thời bây giờ bao nhiêu thuật pháp của lão, người đã nuốt hết được tất cả vào trong bụng. Thế cũng đã đủ thi thoả với đời đó. Lão để cho mấy chữ biển ở đây mà lập cửa hàng bói, để lão đi chơi nơi khác.

- Cụ đi bao giờ thời trở lại ? Chung Nhi hỏi.

Cụ bảo :

- Lão đi vân du bốn phương, nay đây mai đó. Chưa biết bao giờ lại đây được.

Chung Nhi nắn nì xin cụ ở lại, thế nào cụ cũng không ở. Khi sắp bước chân ra, lại quay lại dặn suốt từ đầu đến cuối. Năm ấy thế ấy, năm nọ thế nọ, việc này thế này, việc kia thế kia, phải nên nhớ kỹ. Sau này tuy cũng có gặp lắm việc hiểm hóc bất thần, khắc có thần trợ cũng được trọn suốt tất cả không ngại. Chung Nhi sụp xuống đất, xin tên họ. Cụ cười mà không nói, ngâm vọng mấy câu rằng :

Mình còn phải hỏi chi ta,

Kiếp xưa âu đây cũng là kiếp tiên.

Ai ơi đã muốn biết tên,

Mai sau hỏi bái Tự Nhiên ấy là.

Ngâm xong, cụ đứng dậy vùn vụt một chốc đã thấy khuất trong mây, không thấy bóng đâu nữa.

Ông cụ ấy là Chữ Đồng Tử hiện lên để dạy Chung Nhi. Và ngẫm trong ý tứ câu ca, thời Trạng kiếp trước cũng đã hóa thân làm tiên, cho nên nói kiếp xưa cũng là kiếp tiên, kiếp thần. Chuyện truyền ngôn chỉ có thể.

11. TRANG BÓI

Chung Nhi đến kinh đô trước hôm thi vài ngày. Nhân lúc nhàn rỗi, chẳng có việc gì làm, chàng dựng quán xem bói. Có mấy thí sinh vào quán, xin thầy xem cho mình khoa này đỗ đạt ra sao. Chung Nhi gieo quẻ, lẩm bẩm nói :

“Quần long vô chủ”! A, nghĩa là năm nay hoãn thi.

Ai nấy đều cho là chàng nói láo, bỏ ngoài tai. Nào ngờ ngay ngày hôm sau, quan yết bảng báo tin kỳ thi năm nay hoãn. Bấy giờ, người ta mới giật mình, nhớ tới lời Chung Nhi. Thế là từ đó tiếng tăm nhà tiên tri vang khắp kinh thành. Người ta náo nức kéo đến nhờ thầy xem cho hậu vận.

Giữa lúc đó, quan thương thư bộ Binh mất con ngựa quý ngày đi vạn dặm, gọi là con “thiên lý mã”. Quan sai lính rước Chung Nhi vào dinh để thầy bấm quẻ xem con ngựa hiện nay đang ở đâu, do ai lấy...

Nằm trên nệm gấm nhà quan thương thư, lúc nào cũng có kẻ hầu người hạ mà Chung Nhi ngày đêm

nơm nớp lo âu. Lần “ăn thủ lợn” là do chàng hiểu sai nghĩa chữ rồi nói mờ; biết được “bắt yêng” vì trời tối đọc nhầm chữ; lại ngẫu nhiên nằm mơ mà “bắt được trộm” thật; còn lần “hoãn thi” là do chàng vô tình nghe được các quan kháo nhau ngoài chợ.

Bây giờ thì biết làm sao tìm ra ngựa? Chàng vẫn vơ suy nghĩ. Gần sáng rồi mà vẫn không sao ngủ được. Chàng ngồi dậy, thắp đèn, giờ quyển *Tam tự kinh*⁽¹⁾ ra đọc chơi cho khuây khỏa. Giờ sách ra đúng vào trang có câu “... mã, ngưu, dương, thủ lục súc, nhân sở tự”, nghĩa là “... ngựa, trâu, dê... là sáu loài động vật mà con người nuôi dưỡng”, chàng ngâm to câu đó lên.

Lúc ấy, tên ăn trộm ngựa đang núp ở ngoài theo dõi xem chàng có bói ra mình không. Tên này vốn không biết chữ, nhưng nghe chàng đọc thấy có “mã”, có “tự” thì hoảng lăm. Hắn cho là “mã” là con “thiên lí mã”, còn “tự” thì đích thị là tên hắn. Sợ quá, Tự bèn xô cửa xông vào, quỳ dưới chân Chung Nhi khai hết đầu đuôi và xin đem trả con ngựa quý, chỉ yêu cầu chàng đừng nói tên mình với quan thương thư để khỏi bị trị tội. Trạng gật đầu đồng ý và cho phép y ra về.

Sáng hôm sau, chàng đến gặp quan thương thư và cứ nguyên văn lời khai của tên Tự mà nói lại. Quan

⁽¹⁾ *Tam tự kinh* là sách “võ lòng” của người học chữ nho thời xưa. Trạng Lợn đi thi Trạng nguyên mà chỉ đem theo mỗi quyển “võ lòng” đó, thật là hài hước.

tìm thấy ngựa quý, mừng lăm, thường cho chàng rất nhiều vàng bạc. Tên tuổi của chàng càng lừng lẫy. Cả kinh đô ai cũng gọi chàng là *Trạng Bối*.

12. QUÝT LÀM CAM CHỊU

Việc tìm ngựa vừa xong, thì việc khác lại xảy ra. Hôm đó, ở trong cung, công chúa út bỗng dung mắt chiếc vòng ngọc. Chiếc vòng này vua rất quý, bởi nó không chỉ bằng ngọc do nước ngoài tiến cống, mà nó còn có một đặc tính kỳ lạ : ai đeo vào sẽ không bị ốm đau, bệnh tật. Vua quý công chúa út nhất, nên mới ban cho nàng. Được tin này, quan thương thư liền tiến cử Chung Nhi vào cung để tìm vòng ngọc giúp vua.

Vua cho chàng ở riêng một nơi, sai người ngày đêm hầu hạ chàng. Suốt mười ngày sống trong cung vua, tất cả sơn hào hải vị, miếng ngon vật lạ... không thức gì là chàng không được nếm qua. Nếu tìm được vòng ngọc cho công chúa, thì có lẽ chàng là người hạnh phúc nhất trên thế gian này. Nhưng tìm đâu ra vòng ngọc ? Chàng bỗng bật cười tự chế giễu mình :

- Đúng là “quýt làm cam chịu” !

Vừa nói xong, cửa bỗng bật tung, một người lao vào quỳ dưới chân chàng, van xin :

- Thưa Ông, việc này quả thằng Quýt làm. Nó chủ mưu lấy cắp, rồi sai con đi giấu. Nhưng chẳng lẽ, Quýt làm Cam chịu ? Con xin chỉ nơi giấu vòng ngọc, mong

Ông xá tội, đừng khai tên chúng con, kẻo chúng con mất đầu.

Nói xong, tên Cam đập đầu xuống đất xin chàng. Đến đây, Chung Nhi mới hiểu sự tình. Thị ra, suốt mười ngày qua, thằng Cam và thằng Quýt thay nhau theo dõi xem chàng có bói ra việc chúng ăn cắp vòng ngọc không. Hôm đó, thằng Cam đang rình bên ngoài theo dõi nghe chàng nói đến tên cả hai đứa thì sợ hãi, hắn phải lao vào thú tội. Chàng tức lưỡi, gật đầu :

- Ủ thì ta tha cho, hãy nói mau xem, vòng ngọc ở đâu ?
Tên Cam khai hết sự thật.

Sáng hôm sau, chàng đến gặp vua, chỉ rõ nơi giấu chiếc vòng ngọc. Vua sai người đi tìm, quả nhiên thấy lại vật quý. Nhà vua hết sức vui mừng và dâng thưởng cho chàng rất nhiều vàng bạc.

13. BỐN ANH EM NỐI KHỐ

Trạng bói được mấy quẻ minh bạch rạch rời như thế, cho nên từ trong cung phủ cho đến ngoài thành phố đều khen là Quý Cốc⁽¹⁾ phục sinh. Văn nhân, võ sĩ, kẻ xa người gần đua nhau đến như nước chảy. Lắm người không biết mặt Trạng là thế nào.

⁽¹⁾ Tên một người nổi tiếng bói toán giỏi thời trung cổ ở Trung Quốc.

Bấy giờ có một người họ Lê túc Trạng Ăn - Lê Nại; một người họ Nguyễn túc là Trạng Cờ - Nguyễn Huyền; một người họ Vũ túc Trạng Vật - Vũ Phong, đều là danh sĩ ở trấn Hải Dương. Nhân đi thi đến Thăng Long, thấy nói Trạng có tài biết trước, cùng rủ nhau đến hỏi công danh sớm muộn. Trạng hỏi lần lượt tất cả thì các ông ấy cùng đồng niên⁽¹⁾ với mình, nên cười mà bảo rằng :

- Trong các ngài trạng mạo như thế này còn lo gì chẳng có công danh mà còn phải bói toán. Nhưng các quan anh muốn biết vận số, có bụng hỏi đến đàn em thì đàn em cũng phải xin nói. Bây giờ hãy xin các quan anh uống với đàn em một vài chén rượu để tự tình cái nghĩa đồng niên đã.

Ba người thấy Trạng có bụng hào phóng như vậy, đều bảo nhau xin kết làm bạn nối khố, hoạn nạn sinh tử cũng phải có nhau. Đêm hôm ấy, bốn người cùng uống rượu vui vẻ. Tiệc xong, Trạng bảo cho ba người rằng :

- Hiện bây giờ thánh thể mỏi mệt. Và xuân thu lại cao, không lâu tắt là tới kỳ rồng ngự châu trời. Và có cái biến cố lạ. Qua hồi ấy rồi, mới có ông thái bình thiên tử ra đời, thời may chúng ta mới có đường bay nhảy, dựng công lập nghiệp. Bấy giờ giao long gấp

⁽¹⁾ Đúng ra “đồng niên” là bạn đỗ cùng khoa thi. Đây ý nói là cùng tuổi. Vì ba ông này và Trạng Lợn là bốn vị tá tinh cùng giáng trần một lúc.

mưa, cánh hồng thuận gió, tự nhiên công danh hiển hách, can gì phải số với toán.

Ba người hỏi :

- Quan anh đã có tài biết trước, chắc hẳn không sai, nhưng tình hình lâu hay chóng, xin quan anh cho biết.

Trạng nói :

- Tôi xem số vận, tính cũng không lâu, chỉ độ trong một, hai năm. Chỉ sợ không có tài mà thôi, chứ có tài thời ngại gì ! Thôi, ta hãy nêu gắng chí trau mài, chờ đợi gió mây.

Từ đó bốn người chơi bời, giao kết với nhau thân tình.

Hôm khác, đang ngồi với nhau, tự dung ông Trạng họ Lê than thở rằng :

- Hình dung trạng mạo như thế này mà chỉ khỏe sức ăn thôi. Nay lần mai lữa, cốt đầy cốt voi, bao nhiêu cũng hết. Chẳng biết về sau có được nên cơm cháo gì hay không ?

Trạng nói đùa và dỗ rằng :

- Văn hay chữ tốt, lo gì không có người dùng. Thôi cứ yên trí, trời cho ngày sau tôi có làm nên, hẽ đi sứ thời tôi cử làm phó.

Ông Trạng họ Vũ ngồi bên tẩm tẩm cười hỏi rằng :

- Ấy chứ như tôi bé nhỏ thế này, thời ông cắt cho tôi làm gì ?

Trạng lại nói đùa rằng :

- Tưởng ông ngũ đoản, người văn dặng vĩnh. Hết về sau tôi có làm quân sự thời tôi cử làm tiên phong.

Nói xong, họ cười ầm cả lên. Sực thấy Trạng Cờ từ ngoài vào bảo rằng :

- Chết rồi, các ông không biết chuyện gì ư ? Còn sướng cái gì mà cười lầm vây !

Ông Trạng họ Vũ hỏi :

- Ở ngoài có việc gì lạ hẳn ?

Trạng Cờ nói :

- Vừa nghe thấy tin trong nội đình nói rằng hoàng thượng băng hà, đương nghị lập vua mới, đảng nọ đảng kia đang lung tung àm ī cả lên.

Trạng nói :

- Từ đây trở đi sẽ xảy ra nhiều việc...

14. CỨU VUA

Một đêm, vào khoảng canh ba, tự nhiên hoàng cung phát hỏa, lửa cháy rực trời. Quân nổi loạn kéo vào đánh phá kinh thành. Nhân dân ngoài phố xôn xao náo động, kêu khóc như ri, kẻ chạy ngược, người chạy xuôi, hỗn loạn.

Bốn Trạng đang đi ngoài đường phố, thấy biển cũng vội vã dắt nhau chạy về phía cửa Đông. Lửa cháy chiếu sáng, Trạng Bói trông thấy một người mặc áo long bào màu xanh, từ trên mặt thành nhảy xuống kêu cứu, nhở đến lời ông tiên dặn hối nọ, liền đến ghé vai cõng người đó chạy trốn. Gặp một bọn mang binh khí cản lại vây đánh, Trạng Vật, Trạng Ăn, Trạng Cờ phải nỗ lực phá vòng vây cho Trạng Bói cõng vị áo xanh chạy tít về mạn chùa Thầy. Mấy ngày sau, binh hỏa nghe đã tạm yên, Trạng Bói cắt Trạng Vật và Trạng Ăn ở lại hộ giá, còn mình cùng Trạng Cờ trở về kinh thành dò la tin tức. Thì ra Nghi Dân tiếm vị, sát hại trung thần, may nhờ có Nguyễn Xí và Đinh Liệt chiêu binh mộ sĩ trừ được. Triều đình đang cho người đi tìm hoàng đế (chỉ Tư Thành, em Nghi Dân, sau này lên ngôi gọi là Lê Thánh Tông), nhưng tìm đâu cũng không thấy.

Trạng Bói nghĩ kế, dâng sớ xin thứ hậu cho vào gieo quẻ. Thứ hậu mừng lắm, truyền gọi Trạng vào. Trạng thấy có hai vị quan đứng đó, còn trù trừ, thì thứ hậu đã nói :

- Nhị vị trung thần đây là những người một lòng vì nước trừ gian. Người cứ nói không e ngại điều chi !

Trạng liền tâu :

- Trong khi binh biến, chúng tôi đã nghênh tiếp được hoàng đế chạy qua khỏi vòng binh hỏa và đưa đến một chỗ yên ổn.

Rồi Trạng kể lại đầu đuôi câu chuyện, từ lúc Trạng chợt đến góc thành đằng đông, thấy một vị mặc áo long bào màu xanh, chân đi hài màu trắng vừa chạy đến đây, miệng kêu "cứu mạng, cứu mạng", liền ghé vai công; rồi đến cuộc hỗn chiến giữa ba Trạng nỗi khổ của mình với những kẻ mưu phản diễn ra như thế nào, cuối cùng tất cả đã phá được vòng vây, đưa hoàng đế về chùa Thầy yên ổn ra sao.

Thứ hậu nghe xong mừng lắm :

- Thật là phúc đức nhà Lê hãy còn thịnh. Nhà ngươi quả là một vị tá tinh cực trung nghĩa.

15. CHÂN TRẠNG NGUYÊN

Thứ hậu lập tức sai quan quân đi đón hoàng đế về, rồi lập đàn để hoàng đế lên ngôi vua, lấy hiệu là Thánh Tông. Vua Thánh Tông phong thưởng cho hết thảy công thần, duy có Chung Nhi, vua phong cho gì cũng không nhận, một mực tấu trình :

- Bề dưới hèn hạ, không dám nhận những chức ấy.

Vua phán rằng :

- Thần nhờ phúc tổ tông mới được như thế này, cũng thực bởi có người cố sức cứu giúp, phò tá, không thì còn đâu đến giờ mà vua vua, tôi tôi. Có lẽ đâu vua

an hưởng phú quý mà tôi lại không được cùng hưởng lộc trời.

Nói mãi, Chung Nhi đành trình tâu :

- Muôn tâu Thánh thượng, quan sang chức trọng xin để phong cho những có kẻ có công lớn, còn kẻ hạ thần chỉ xin Thánh thượng ban cho hai chữ Trạng nguyên để hạ thần vinh quy là đủ phỉ chí cả một đời.

Vua Thánh Tông vui lòng giáng chỉ phong Chung Nhi là Trạng nguyên, được ra vào hầu chục dưới bệ rồng.

Có một ông quan văn quỳ tâu :

- Muôn tâu thánh thượng danh vị Trạng nguyên là dành cho các bậc văn tài, còn kẻ có công thì thưởng vàng bạc, vóc nhiễu, hay phong quan tước là cùng, lẽ nào lại phong Trạng nguyên cho một kẻ không hiểu việc văn từ.

Vua Thánh Tông bác đi.

Giữa lúc đó, theo lệnh vua, chùa Thầy đã được tu sửa xong. Vua ngự giá đến chùa làm lễ tạ Thần Phật.

Lúc treo chuông lên gác thì chuông nặng quá, không sao treo nổi. Chung Nhi liền cho Trạng Vật và Trạng Ăn vào giúp một tay mới treo được. Vua thấy vậy bèn đọc một câu : "Thiên lý trọng kim chung"⁽¹⁾ và bảo các quan đổi lại. Ai này đứng đực như phỗng, không nghĩ ra.

⁽¹⁾ Xem giải nghĩa ở truyện số 9 : Xứng tài đổi đáp..

Chung Nhi nhớ tới câu của Phán Khanh khi trước, liền đọc : "Bát dao phân mẽ phẩn". Vua khen nức nở và bảo các quan :

- Ứng đối như mây bay nước chảy, tài ấy thật đáng Trạng nguyên !

Sau khi xa giá hồi cung, vua xuống chiếu phong cho Chung Nhi ba chữ "Chân Trạng Nguyên" và ban cờ biển cho Trạng.

16. ÂN OÁN KHÔN LƯỜNG

Hôm phụng sắc, Trạng vào ngọc bệ bái mệnh. Lĩnh cờ biển, áo mũ xong, vua cho Trạng ra vườn Ngự xem hoa, thị yến, rồi trở ra bái yết các điện đài, cung phủ. Trạng đi bái yết tất cả. Có một ông quan thái sư thượng trụ họ Dương, trên vua yêu dùng, thần thể đương mạnh, có một người con gái. Nhân thấy Trạng chưa có vợ, muốn gả con gái cho để thêm cứng vây cánh, quan sai người bảo Trạng rằng :

- Thái sư thấy ngài thiếu niên tuấn tú, có lòng yêu mến, quý trọng lắm. Nhân có một người con gái tên là Hương Nương, tuổi trẻ, đủ cả tài sắc. Nay muốn ngài

làm đông sàng quý khách⁽¹⁾, thêm vẻ già mòn, thời thái sư lấy làm quý hóa lắm.

Trạng vốn nghe thái sư là người gian xảo, bụng vẫn ghét sẵn, làm điệu khiêm tốn, nói rằng :

- Cửa thái sư là cửa quyền quý. Chúng tôi là bậc ti tiện. Có lẽ đâu cú lại dám đậu với phượng hoàng, kẻ tục lại sánh với tiên bao giờ ? Xin ngài tâu với thái sư hộ.

Người ấy lại nói :

- Không phải thế. Nếu thái sư có quản kề sang người hèn, thời ngài đã chả bảo tôi lại đây. Xin ngài cứ nhận trước vu quy rồi sau sẽ vinh quy, lại được là quý tế quan thái sư nhất triều, dư thần dư thế, chả hoá hay thêm ra ư ?

Trạng nói :

- Được vậy thế thời cũng hay thực. Nhưng tôi thiết tưởng, thái sư là họ Dương tôi cũng họ Dương. Ngài dạy như thế chúng tôi sợ tai mắt thiên hạ quan chiêm, tránh làm sao khỏi người ta chê cười phi nhổ được. Vả, tôi cũng đã có nơi ước nguyện từ lúc tấm cám, có đâu dám phụ tình. Đa tạ thái sư, quyết không dám nhận.

Người mới thấy Trạng khăng khăng một mực như vậy, về tâu với thái sư, thái sư cười nói rằng : "A ! Thằng này dám vô lê với ta" ! Từ đó thái sư đêm ngày chỉ tìm kế hại Trạng.

⁽¹⁾ Con rể quý.

Nói về khi Trạng vinh quy, quân gia, xe ngựa đi đến trang trại Bùi tướng công. Tướng công được tin mừng lắm, cùng với con gái là Bùi Phấn Khanh ra nghênh tiếp Trạng vào trang nghỉ ngơi, truyền mở tiệc hoa đón tiếp rể hiền. Trạng vào trang, cầm tay Phấn Khanh cười mà bảo rằng :

- Người đời thường nói : "Có chí làm quan, có gan làm giàu". Có làm nên được như thế này, rồi chǎn loan gối phượng mới thích ! Chứ say hoa đắm nguyệt chỉ quyền luyến về mặt tài sắc, còn ai gọi là người anh hùng.

Phấn Khanh cúi đầu cười nụ, sē ngâm rằng :

Tặc nhật sổ ngôi tương biệt xứ

Tiền trình vạn lý dī tiên chi.

(Ý là lúc đưa chàng đi, tôi cũng đã biết trước ắt được như thế).

Bùi tướng công muốn lưu Trạng nghỉ ở trang rồi làm lễ cưới, để Phấn Khanh cùng về bái tổ. Trạng xin về bái tổ đã, rồi chọn ngày hoàn hôn sau. Bùi tướng công y lời. Ngày hôm ấy cũng cho Phấn Khanh cùng về vinh quy.

Trạng về đến nhà bái tổ xong, đem Phấn Khanh lạy mẹ xin làm lễ hoàn hôn. Mẹ Trạng khi đó đã đầu bạc răng long, thấy con và dâu mừng lắm, nói với họ hàng rằng :

- Ủ, Chung Nhi từ bé đã có chí lớn. Không trách quả nhiên bây giờ làm được thực.

Bấy giờ, anh ruột và chị dâu cùng ngồi đó cả. Trạng cười bảo rằng :

- Nào, trước anh chị bảo em làm trạng rượu, trạng thịt. Bây giờ anh chị xem em có làm được Trạng không nào ?

Họ hàng làng nước đều khen Trạng là người có chí.

17. CHỐNG GIẶC NGOÀI

Trạng cùng nàng Phấn Khanh ở quê nhà vài tháng, rồi tạ từ mẹ và anh chị lai kinh. Khi qua trang trại Bùi tướng công, hai vợ chồng vào thăm. Chưa được một ngày thì nhận được chiếu chỉ vua sai đi dẹp giặc.

Trạng biết ngay cơ sự, thưa với nhạc phụ :

- Việc này do âm mưu của Thái sư họ Dương, bởi vì trước đây lão ép gã con gái chò tiểu tể không được, nay thấy sảnh duyên cùng lệnh ái, nên để tâm thù. Nhân có giặc đương thả voi trận quấy rối miền biên cương vùng Thanh - Nghệ, lão muốn đẩy tiểu tể đến nơi nguy hiểm. Nhưng xin nhạc phụ chớ lo !

Hôm sau, Trạng cùng vợ lai kinh. Trước lúc lên đường, vua ban cho Trạng cờ biển và dặn rằng :

- Khanh đi kinh lược vùng Thanh - Nghệ, trẫm trao cho chức "Tiết chế quân vụ". Trong hàng quân, kẻ nào trái lệnh, khanh được phép "tiền trẫm hậu tấu".

Trạng cho mời Trạng Cờ, Trạng Vật, Trạng Ăn đến bàn kế chống giặc. Xong đâu đấy phong Trạng Vật làm tướng tiên phong. Trạng Cờ đốc thúc thủy bộ. Trạng Ăn coi việc vận chuyển và binh lương. Nàng Phấn Khanh cũng cương quyết lĩnh án, đeo gươm theo chồng đi dẹp giặc.

Tới Thanh - Nghệ, Trạng phân quân sĩ thành cờ đội, rồi đóng trại quanh núi. Thám tử về báo : "Giặc đóng tại Bố Chính, Quy Hóa trở vào, đông như kiến cỏ, thả voi phá hoại mùa màng, quấy nhiễu nhân dân, mà địa thế lại rất hiểm trở."

Trạng Vật nói :

- Làm trai có chí lập công lớn thì đâu nguy hiểm bao nhiêu cũng không quản. Ta quyết đem thùng xô mõi chúng lôi về !

Trạng mừng lắm, giao cho Trạng Vật ba nghìn quân đi tiên phong. Trận đầu, khi Trạng Vật vừa cho cắm trại, thì thình lình quân giặc kéo đến vây đồng vô kể. Chúng dùng tên bắn như mưa và thả voi xông bừa vào. Trạng Vật cùng quân lính chống đỡ tới chiều vẫn không phá được vòng vây. May sao có Trạng Cờ và Trạng Ăn thúc quân tới kịp, cùng hiệp lực mới thu được quân về...

Trạng sai bốn đạo quân mở nhiều trận đánh lớn làm cho giặc thua to, từ đấy cứ lẩn hùt trong rừng sâu. Nhưng hễ quân Trạng xông vào là chúng bắn tên ra như mưa.

Giặc thủ thế, ta khiêu chiến, chúng cũng không ra. Đến đêm, Trạng ngầm sai quân lính để nhựa thông vào những đống củi khô chất sẵn và cho quân mai phục. Quả nhiên đầu canh năm, giặc kéo ra cướp phá. Trạng Vật lập tức nổ hiệu phóng lửa từ phía, rồi bắn tên vào như mưa. Voi ngựa xô nhau sa hổ gần hết, còn binh tướng giặc bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết.

Sau đó, Trạng dẫn quân vào trận tiền, bắt sống được tướng giặc, đóng cũi giải về kinh đô.

Nhà vua nghe tin mừng lắm, ngự giá ra khỏi hoàng thành đón rước về triều, khao thưởng quân sĩ, ban phong chức tước. Khi đem tướng giặc ra tra hỏi, mới hay là chính viên thái sư đã ngầm tư thông với giặc, xui chúng đem quân xâm lược đất đai vùng Thanh - Nghệ, rồi tâu vua sai Trạng đi dẹp giặc, định nhờ tay giặc trừ khử Trạng, để báo thù việc Trạng không lấy con gái lão.

Vua dùng dùng nỗi giận, ra lệnh đem tướng giặc ra chém trước cửa thành, rồi lập tức thiết triều, nghị xét Dương thái sư. Nhà vua giáng chỉ, bắt thái sư bỏ ngục, cách hết quan chức, tịch ký gia sản bao gồm rất nhiều ngà voi, sừng tê và vàng bạc châu báu của hai động đem tiền, không biết bao nhiêu mà kể.

18. CẦM ĐẦU SỨ BỘ SANG TÀU

Khi các động đã thản phục, biên giới đã yên, nhà vua sai sứ sang Tàu để củng cố sự giao hảo.

Lần này, vua cử Trạng làm chánh sứ để tạ ơn vua Tàu đã phong vương cho mình. Trạng nghĩ bụng : "Nước Tàu là nước văn hiến, mà mình thì chữ nghĩa không nhiều, không hay. Âu là ta xin vua cho cả Trạng Ăn, Trạng Vật, Trạng Cờ cùng đi để hỗ trợ.

Vua chuẩn y, cắt ba Trạng cùng đi theo. Tới ải Nam Quan, lính canh Tàu không chịu mở cửa. Một chốc, họ đem ra một cái biển trên viết chữ "thập", rồi lấy tay chỉ đông, chỉ tây. Trạng bức mình, quay lại bảo viên phó sứ :

- Nó muốn dọc, muốn ngang, thì ta khoanh một cái vòng tròn cho nó hết đường dọc ngang.

Nói xong, Trạng sai khoanh một vòng lớn vào biển rồi giơ ra. Quan coi ải giật mình, nghĩ bụng : "Ta viết chữ "thập" là ý muốn nói "Tung hoành vũ trụ", thế mà sứ An Nam biết, đổi lại là "Bao quát càn khôn", thì tài thật. Viên quan đó đành ra lệnh cho mở cửa ải, để sứ bộ nước ta vào.

Qua cửa ải rồi, sang đến đường đất nước người, Trạng thấy phong cảnh lạ, trong lòng lấy làm thích thú.

Chợt đi đến quang đồng, thấy có một người con gái đang vạch quần đái, Trạng chỉ tay nói đùa với phó sứ rằng :

- Kìa quan lớn xem : "Nong tay dí bẹn đở hăm hăm".

Nói xong, cùng cười àm cả lên. Lệ đi sứ, hé ông chánh nói câu gì, thời ông phó phải ghi câu ấy. Trạng nói nôm, ông phó theo tiếng mà ghi, bằng chữ Hán, đọc chêch ra là : "Đông Tây chí Biện đở hân hân", nghĩa là Người miền Đông, người miền Tây đi đến Biện thấy (quang cảnh) rất vui vẻ, (đất Biện tức Biện Kinh, kinh đô Trung Hoa thời nhà Tống).

Khi đi qua đến đất Biện Kinh, quan sở tại nghe thấy sứ đến, ra nghênh tiếp, có ý muốn lấy chữ nghĩa ra thử sứ, bèn ra một câu đối rằng : "Nam Bắc lai triều dạ tể tể" nghĩa là : Người Phương Nam, người Phương Bắc đến triều rất rầm rộ.

Vừa đọc khỏi miệng, Trạng ngoảnh lại bảo ông phó sứ rằng : "Kìa, cái câu hôm nọ đâu, ngài đem ra đối đi". Ông phó sứ cứ sẵn thể đưa ra, thời quả nhiên thực là một câu đối khá chỉnh. Quan Tàu thấy thế, phục sứ An Nam thâm thông, có tài hiểu biết rộng, trong bụng kính phục lắm, khoản đãi rất trọng hậu.

Sang đến Yên Kinh, vào yết kiến vua Tàu. Vua Tàu muốn thử sứ, ngầm sai một người trang hoàng một chỗ trong cung quán rất lịch sự, để hai chữ "kính thiêng" treo gian giữa, đặt một đài sập thắt bảo rất cao, xung quanh bày nghi vệ sang trọng lắm, như là một chỗ giường ngự của thiên tử, để xem Trạng có dám

ngồi hay không. Khi sắp đai yến, họ đưa Trạng và phó sứ đi xem khắp các nơi rồi mới đưa đến đấy. Trạng tưởng chõ ấy là để khoản đai mình, leo phắt lên ngồi. Ông phó sứ ngửa lên thấy hai chữ "kính thiên" liếc mắt trông lên, khẽ trỏ tay lên bảo. Trạng mới ngửa lên nhìn, rồi lại thủng thỉnh phó sứ rằng :

- Đó chẳng phải là chõ đợi chúng ta ngồi là gì ? Ngài cứ lên đây !

Ông phó sứ chưa hiểu thế nào, cũng cứ lên ngồi, nhưng vẫn có ý nhút nhát, mà cứ cười nói thung dung. Có một quan Tàu bước ra, chỉ tay lên đấy, hạch rằng :

- Cớ sao An Nam lại ngược vô lẽ như vậy ? Không trông lên các chữ trên kia để xem chõ này là chõ thế nào, mà dám nhảy lên ngồi chẽm chệ ở đây là nghĩa làm sao ?

Trạng nói :

- Thưa, đại thần lấy tội gì mà lại cho hạ quan ngược. Hạ quan nhân thấy biển đề rõ là ba chữ "kính nhị nhân"⁽¹⁾. Thực là bản ý thương quốc muối đem cái ngồi này để hậu đai sứ thần xa lại, chứ không phải lỗi tiểu sứ. Và nghe cổ nhân có nói : Đai người phương xa

⁽¹⁾ Chữ "Thiên" nghĩa là trời. Vua Tàu vẫn tự xưng mình là thiên tử (con trời). Cái dốt, cái giỏi của Trạng Lợn là đã nhận nhầm, hay cố tình biện bác chữ "thiên" thành "Nhị nhân" là hai người, hai ông chánh, phó sứ. Xem thêm cách diễn dịch trong đoạn "Trời có hai người, đất một người".

cốt lấy bụng thực. Tôi nghe thánh triều lấy thành tín
đãi người ngoại quốc. Thế mà người phương xa tới, lại
đem cái bụng trí thuật làm oai. Tôi sợ người ta nghe
tiếng dẫu có thực lòng ngưỡng mộ, cũng sinh bụng
nghi mà không lại nữa.

Quan Tàu thấy Trạng nói chè hoe như là đã biết
gan ruột họ rồi, vội vàng đáp lại rằng :

- Thôi xin quý sứ xá lõi, xá lõi ! Nghĩ là buổi mới,
thử xem có phải là bậc tài giỏi không mà thôi. Nhưng
mà quý sứ là bậc thông minh thực ! Đã giỏi, mà còn
biết trước được như thế, thì có hề gì.

Một lát sau có người bưng hai cỗ xôi, hai con lợn
ra đặt ở giường chánh sứ và ở giường phó sứ, rồi
truyền chỉ thiêu triều ban yến. Hai người đều mặc triều
phục, bái mạn xong, ngồi lên ăn. Nguyên con lợn là
một cỗ toàn đồ ăn, còn cỗ xôi, đều là lấy bột đắp giả
làm hình, gồm những đồ trân cam, mỹ vị ở trong.
Trạng tưởng là con lợn với cỗ xôi thực, cầm dao ra cắt
ngay cái thủ trước, rồi rạch ra làm đôi, lại pha ra làm
tư, lật ra thấy bên trong thức nào thức ấy, lẩm mùi vị lạ
lùng. Trạng lấy dao cắt nhỏ rồi mới ăn. Còn cỗ xôi,
Trạng để lui lại, dùng về sau.

Các quan Tàu khen sứ An Nam ăn uống như thế
mới thực là phải phép. Rõ ràng là : "Thái cực sinh
lưỡng nghi, lưỡng sinh tứ tượng, tứ tượng biến
hóa vô cùng" !

Ông phó sứ vốn là người có tiếng ăn khoẻ. Tiệc
yến hôm ấy có đông mặt những quan Tàu, ông lại

khoe sức ra oai ăn như vũ bão, chỉ một chốc hai cỗ hết tận, không còn thừa một tí nào.

Các quan Tàu thấy thế lắc đầu lè lưỡi, xì xồ bảo nhau rằng : "Bậc ấy không biết trong bụng chứa chất như thế nào?", nên gọi "Thực Trạng nguyên", tức là "Trạng nguyên Ăn".

Một hôm vua Tàu hội các sứ ngoại quốc ở vườn Ngự chơi hoa, ban yến. Vua Tàu đi trước, các sứ tùy giá theo sau. Đến một chỗ, dưới có cái hồ thả sen, trên trồng các thứ hoa lạ, cảnh vật thanh tú, giữa có cái đình, bên trong treo một bức ngự thư đề hai chữ "Trùng nhị". Vua Tàu hỏi sứ các nước có hiểu là thế nào không? Các sứ còn đương nghĩ chưa biết tâu là gì, Trạng tự nhiên nói rằng :

- Rộng thánh hoàng muôn tuổi, đây thực là phong nguyệt vô biên.

Vua Tàu thấy Trạng, ứng đối nhanh nhẹn và hiểu được hai chữ ấy, khen mãi, phán rằng :

- Sứ An Nam thực là thông minh có mệt, đáng tài Trạng.

Xét vua Tàu viết hai chữ "trùng nhị", vốn lấy nghĩa là : chữ "phong" và chữ "nguyệt" không có bên ngoài thời thành ra chữ "phong nguyệt vô biên". Trạng không biết ý sâu xa như vậy, chỉ vì đương lúc bấy giờ thấy phong cảnh mát mẻ, nhớ đến chữ "phong nguyệt vô biên" ở chùa khi trước. Chẳng qua tâu lên để tán tung mà thôi, nào biết đâu lại trùng.

Năm sau, trời làm hạn hán to, nhân có sứ các nước cùng đến triều cống, vua Tàu nhờ các nước sứ lập đàn cầu đảo. Trạng bèn làm ra vẻ khiêm tốn nhường sứ các nước làm lễ cầu đảo trước. Sứ các nước thay nhau cầu đảo mà trời vẫn không mưa.

Trong lúc đó, Trạng lẩn ra vườn xem cỏ gà, rễ si, vì theo kinh nghiệm của nhà nông ta, hễ khi nào cỏ gà lốm đốm trắng, rễ si nhú ra là trời sắp mưa. Hôm thấy cỏ gà lốm đốm trắng, rễ si nhú mầm, Trạng liền xin vua Tàu cho mình vào lễ cầu đảo. Trạng bắt làm một cái chòi cao mười trượng, quanh chòi bày la liệt nào là ngũ phương, bát quái, lục giáp, lục định... trông thật oai nghiêm, bí hiểm.

Đàn lập xong, Trạng rũ tóc, chống kiếm, bước lên chòi, bắt quyết, rồi đọc một tràng phù chú, nào là "mộc tinh", "thâm tinh", "mục tinh", "khươn tinh", "kẹo tinh"... nghe rất lạ tai, rặt những câu nói lái, nói lóng của hàng thịt bấy lâu cớp nhặt được, đọc ra vanh vách cho hết. Cuối cùng, phù chú đã xong mà trời chua vẫn vụ chuyển gió, Trạng làm tiếp ngay một lèo "tinh tinh tinh tinh" nghe ú ớ như lời phù thuỷ hô phong hoán vũ, để chờ thời. Vừa may, gió chuyển bốn bề, trời tối sầm lại. Trạng thôi "niệm chú", tay cầm bát nước vẩy khắp bốn phương. Quả nhiên, mây đen ùn ùn kéo tới, một trận mưa như trút nước đổ xuống, sấm chớp sáng lóe.

Vua Tàu và sứ thần các nước đều bái phục, bảo với nhau :

- Sứ An Nam quả là bậc phi thường, chẳng những giỏi về từ chương mà lại có tài hô phong hoán vũ nữa. Bao nhiêu tinh tú trên trời đều thuộc lâu lâu. Gia Cát Lượng ngày xưa cũng chỉ giỏi đến thế là cùng !

Vua Tàu thấy Trạng tài giỏi quá, liền lưu Trạng ở lại dạy hoàng tử. Trạng phần nhớ nhà, nhớ nước, phần sợ dạy học sẽ lời cái dốt ra, nên một mực xin về nước. Nhưng vua Tàu ép mãi, Trạng bất đắc dĩ phải vâng mệnh ở lại. Tuy vậy, Trạng đã lập mèo săn, liền tâu vua :

- Học muốn chóng thành tài thì thứ nhất *lễ* phải nghiêm, thứ hai *tâm* phải tĩnh.

Vua Tàu cho là phải.

Trạng xin vua làm một tòa lâu rất cao để hoàng tử học cho tĩnh. Vua bắc lòng. Ngày khai tâm, hoàng tử leo lên lâu thụ giáo. Xưa nay vốn ở nơi cung cấm, không quen leo trèo, nên hoàng tử leo lên được nửa lâu thì đã mệt bở hơi tai, chỉ đứng thở dốc, quên cả chào thầy. Trạng liền lập uy, nổi giận quát to :

- "Tiên học *lễ*, nhì hậu học *văn*". Vô *lễ* như thế thì còn học hành gì !

Rồi, cầm roi vụt cho hoàng tử một trận nện thân. Hoàng tử bị đánh đau quá, lúc được tha, lại quên cả lễ tạ thầy. Trạng liền quật cho thêm một trận nữa. Quan hậu cận đi theo hoàng tử, sợ xanh mắt, vội vàng sụp xuống lạy Trạng, xin tha cho hoàng tử. Lúc đó Trạng mới thôi.

Từ đó, Trạng chỉ dạy toàn những phép tắc đứng ngồi, chào thưa, xét nét từng ly, từng tí. Hoàng tử sợ đòn, về mách với hoàng hậu. Hoàng hậu thương con, nên tâu với vua :

- Sứ An Nam xa nước đã lâu, ý chừng nhớ nhà, nhớ nước nên tính tình đậm ra nóng nảy, không yên tâm dạy học. Chi bằng vua cho về quách đi là hơn. Nếu cứ giữ lại, thì e rằng con ta sẽ ốm vì đòn mắng.

Hôm sau, vua phải giáng chỉ cho Trạng về nước.

19. ĐOAN KẾT

Khi Trạng trở về, vào chầu vua. Vua thương Trạng đi xa, đường đất nước ngoài đã lâu ngày, bây giờ mới được thấy mặt, mừng lắm, vội vàng xuống thềm cầm tay giải bày những sự nhớ mong và hỏi chuyện khi ở bên nước người. Trạng cúi đầu quỳ tâu, kể suốt từ đầu đến cuối, khi ứng việc nọ, khi đối việc kia, đều được thanh thỏa cả.

Vua nghe tâu, khen rằng :

- Người như thế thực là ông Mạc Đĩnh Chi của trâm.

Ngày hôm ấy vua ban yến, cho múa, nhạc ăn mừng, vui vẻ suốt ngày. Xong rồi, Trạng tạ ơn vua trở về.

Hai năm sau, Trạng đúng tuổi sáu mươi, bèn tâu vua xin về trí sĩ. Vua thấy Trạng có công với xã tắc nhiều lắm, gia phong làm Thượng quốc công trí sĩ, cắm đất lập ấp để Trạng làm cỗ ăn lộc, phong tặng phụ mẫu, gia phong Phấn Khanh làm Nhất phẩm phu nhân. Các con đều được tập ám. Một nhà vinh hiển phú quý.

Một hôm thong thả, Trạng cùng với phu nhân ngồi đàm đạo, chuyện mới, chuyện cũ. Phu nhân thong dong bảo Trạng rằng :

- Nhà ta bây giờ kể ra ơn nước, lộc trời đã nhiều. Chỉ hiềm lũ con thơ dại, ít học hành mà chàng thời lúc thì xuất chinh, lúc đi sứ. Thiếp chưa chăm lo dạy bảo chúng được bao nhiêu. Nay nhờ thánh triều được công thành danh toại, cũng nên nghĩ lại trông xuống đàn con. Kéo để chúng nó ngu dốt, sợ sau này người cười là con nhà thất giáo.

Trạng nghe đến chuyện dạy học, thì lảng đi mà bảo phu nhân rằng :

- Kể như phu nhân nói thế rất phải. Cha mẹ yêu con còn gì bằng dạy cho chúng nó học hành. Sách có chữ rằng : "Ngọc bất trác, bất thành khí, Nhân bất học, bất tri lý"⁽¹⁾. Chính lẽ ra, tôi dạy cho chúng nó là phải. Chỉ vì công việc chung mà kinh sử biếng nhác. Bây giờ nhờ ơn nước mới được nghỉ tay, ví như chim bay

⁽¹⁾ Chữ trong sách Tam tự kinh nghĩa là : Ngọc không dưa không thành vật gì, người không học thì không biết gì.

vừa được ngưng cánh, người gánh mồi vừa được nghỉ vai, rất thèm những sự giao du sơn thủy để tĩnh dưỡng tinh thần. May có phu nhân gánh vác đã rời, thật là quý hóa lắm. Thời thời phu nhân tiếp tục dạy bảo lấy con cũng là một việc tốt.

Từ đó trở đi, Trạng chỉ ngày ngày đàm sáo, ca hát, dong thuyền đi chơi, hết bến nọ đến bến kia để xem phong cảnh.

Một đêm, trăng sáng trăng tỏ, thuyền đến bến Tự Nhiên, Trạng ngồi bên cạnh thuyền, trông thấy giữa sông có một bãi cát, ở trên có một cái miếu, phong cảnh lạ lùng, bèn hỏi người lái đò :

- Chỗ này là chỗ nào ?

Người lái đò đáp :

- Bẩm là bến Tự Nhiên. Khi xưa ông Chủ Đồng Tử hóa tiên ở đó. Bãi này là di tích của ngài.

Trạng thấy chữ Tự Nhiên, chợt nhớ đến câu hát của ông cụ khi trước. Còn đương ngẫm nghĩ, bỗng thấy ông cụ xuất hiện trên một chiếc thuyền đến hỏi Trạng rằng :

- Có phải Dương Đinh Chung đó hay không ? Lâu nay đã thỏa chí hay chưa ? Lão cho mượn sách từ khi ấy đến giờ mà bây giờ đã được vinh hiển rồi, thời các phép của lão hãy đem trả lão !

Trạng thấy gọi tên mình, vội vàng nhìn xem, thì ra ông cụ dạy mình bói khi trước. Trạng toan cất lời lên; chưa kịp hỏi đã thấy ông cụ quay thuyền đi. Gọi với

Ông cụ lên thuyền nói chuyện, thế nào cũng không thấy cụ lại.

Trạng bắt lái thuyền cổ chèo cho kịp thuyền cụ. Xa xa, thấy bóng cụ ghé thuyền lên bờ rồi biến mất. Trạng cũng lên bờ, tìm khắp cả không thấy dấu vết gì. Trạng ngẩn ngơ than thở, rồi vào miếu lê tạ. Xuống thuyền trở về, Trạng tâu chuyện với vua. Vua lấy làm kinh dị lắm, ban cho Trạng tiền để sửa sang đèn miếu ông Chữ Đồng Tử, Trạng phụng chỉ việc sửa sang xong. Tháng tám năm ấy, Trạng tắm gội vào triều, về nhà tự nhiên không có bệnh gì mà mất. Sóng lâu 72 tuổi, ứng với 72 lần được người dương thế cho quà ở cái gò đất đầu làng, khi Trạng còn là cậu bé ẩn hiện bất ngờ mỗi lần ông Lương, thân sinh Trạng sau này đi chợ về qua. Trong một lần, ông Lương có hỏi cậu bé sau này đầu thai làm con trai gia đình ông :

- Thế thời con ở với thầy bao lâu ?
- Thầy cho con bao nhiêu lần quà, thời con xin ở với thầy đúng bấy nhiêu năm.

Ông tính đưa quà cả thầy 72 lần. Như thế là Trạng Lợn giữ đúng chữ tín với người đời, không sớm một năm, không chậm một ngày. Chuyện của Trạng đã được huyền thoại hóa không biết thực chỗ nào, hư chỗ nào, điều chắc chắn là sẽ còn sống mãi trong tâm thức dân gian.

TRUYỆN XIẾN BỘT

MẤY NÉT VỀ XIỂN BỘT

Xiển Bột, còn có tên là Xiển Ngộ, tên thật là Nguyễn Văn Xiểng, quê làng Hoàng Bột, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là chắt của Trạng Quỳnh. Tên Xiển Bột gắn liền với tên làng nơi ông sinh ra. Tương truyền con cháu Trạng Quỳnh về sau cũng có nhiều người giỏi giang, thông thái, nhưng không ai chịu ra làm quan. Xiển Bột cũng đã chịu ảnh hưởng ít nhiều ở dòng máu đó về tài trí, mưu mẹo và sự dí dỏm uyên bác. Người ta kể rằng bố Xiển ngoài 30 tuổi mới sinh ra ông. Xiển tướng mạo khôi ngô, mặt vuông chữ điền, tai to như tai Phật, mồm rộng mắt sáng.

Lớn lên, ông đã từng lều chõng đi thi cùng với một số bạn bè, nhưng không đỗ đạt. Do hoàn cảnh cuộc sống khó khăn lúc bấy giờ, Xiển Bột đã phải bỏ quê, di lên vùng Yên Lạc, huyện Thọ Xuân để khai phá, đất dai, làm ăn. Là dân ngụ cư - mà ngày xưa dân ngụ cư là loại thấp hèn nhất, bị bọn hương lý chèn ép, bắt làm tạp dịch, như rao mõ, quơ bổi thu trâu trong ngày tế làng - Xiển đã phải làm mõ, một thời gian trong làng Yên Lạc.

Thời Xiển lớn lên cũng là lúc bộ máy thống trị thực dân phong kiến đã được thiết lập từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã. Nhân dân ta sống cảnh một cổ hai tròng. Tuy nhiên, con người này đã không cam chịu số phận. Xiển đã phản ứng, đả kích bọn thống trị khá mạnh bằng lý lẽ, bằng tài trí và sự đối đáp thông minh của một người có học.

Từ một anh mõ ở làng, một kè đi ở phục dịch cho chánh tổng, Xiển dần dần trở thành một thầy đồ dạy có đông học trò, và một thầy thuốc nổi tiếng mà dám trị phủ, tri huyện phải đến nhờ cậy chữa bệnh. Về già ông được vua mời làm quan ngự y. Những tiếng tăm nổi bật của Xiển vẫn là tiếng cười châm biếm của ông đánh vào dám vua quan quyền quý, bọn cường hào, hương lý, những tên trọc phú dâm độn và ngu dốt, chỉ thao nghề đục khoét, ức hiếp dân lành và những người thấp cổ bé miệng. Trong số 49 truyện của Xiển Bột chọn trong tập này, có đến hai phần ba truyện tập trung vào bọn có chức, có quyền từ cấp thấp nhất là làng xã cho đến triều đình.

Ngay cả với nhà vua, Xiển Bột cũng không tha. Không chỉ bộc lộ cái ngông và lòng tự hào về ông cụ Cố của mình là Trạng Quỳnh trước mặt vua (*Lời trối của cụ Cố*), mà thời kỳ làm quan ngự y, Xiển Bột đã “phê phán” vua bằng cách đưa ra lời “thiên hạ kháo nhau rằng thánh thương bị bệnh tú chứng nan y”. Đó là bệnh “què, đui, câm, điếc” của một vua bù nhìn (truyện *Tú chứng nan y*).

Tuy nhiên, do quá trình lưu hành trong dân gian chưa lâu bằng hệ thống truyện Trạng Quỳnh, cho nên ý vị của hệ thống truyện Xiển Bột có phần kém tinh tế và sâu sắc hơn.

Truyện Xiển Bột phản ánh sự nhạy bén của nhân dân trong việc vạch trần những mặt tiêu cực của cuộc sống trong thời kỳ mới, là mạch chuyển tiếp nối dài tiếng cười phê phán từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX.

1. CON CÒ BIẾT NÓI

Xiển bắt được một con cò đem về nuôi. Thằng con lão nhà giàu trong làng trông thấy thích lắm, đòi bố mua cho bằng được. Lão nhà giàu cũng chiều ý con đến gấp Xiển. Xiển đòi năm quan, lão mắng :

- Tao nghe nói mày thông minh, sao một con cò mà mày đòi những năm quan ?

Xiển trả lời :

- Cò tôi quý lắm. Nó biết nói đấy !

Lão không tin. Xiển cam đoan là thật. Lão bảo :

- Mày hỏi nó, nó nói được thì tao trả cho năm quan, bằng không thì tao bắt lấy cò.

Xiển lấy tiền trước, rồi ghé sát vào tai cò, hỏi :

- Cò ơi, mi có biết nói không ?

Và bòp vào cổ cò một cái cực mạnh. Cò đau quá kêu "có" một tiếng. Xiển reo lên :

- Đó, thấy không ?

Thế là lão nhà giàu chịu mất năm quan tiền lấy một con cò ốm.

2. TRÒN HAY MÉO

Một hôm Xiển ở huyện về, bụng đói mà trong túi không có lấy một đồng kẽm. Qua một quán ăn đông khách ở đầu làng, Xiển trông thấy con mèo của cô chủ quán cứ quanh quẩn bên các mâm cơm khách đang ăn, liền nghĩ ra một mèo.

Xiển Bột vào quán gọi cơm thịt ăn uống đàng hoàng rồi cứ nhìn con mèo, gật gù lẩm bẩm khen thầm.

Một lão nhà giàu ngồi cạnh đó thấy thế, hỏi Xiển :

- Con Mèo này có gì lạ mà ông khen thế ?

Xiển đáp :

- Con mèo này quý lắm vì nó biết nói.

Lão nhà giàu trợn tròn mắt hỏi lại :

- Ông nói sao ?

Xiển nhắc lại :

- Con mèo này biết nói !

Cô chủ quán béo ị đang chăm chú nghe hai người trao đổi qua lại cũng chen vào.

- Anh nói gì mà lạ thế ! Con mèo nhà tôi nuôi đã bao nhiêu năm nay, có bao giờ nói năng gì đâu.

Xiển ung dung đáp :

- Thế là cô không biết đấy, chứ con mèo này quý lắm. Nó chẳng những biết nói mà còn hiểu được nhiều chuyện như người nữa kia.

Cô chủ quán bùi môi :

- Anh chỉ nói dốc. Anh mà làm cho nó nói được thì tôi không lấy tiền cơm của anh.

Nghe thế, lão nhà giàu cũng chen vào :

- Đúng đó, hễ mà anh làm cho nó nói được thì ta cũng xin mất cho anh ba tiền.

Xiển phản bua với khách ăn đang có mặt trong quán :

- Đây các vị hãy làm chứng cho nhé. Tôi xin cuộc với ông anh đây và bà chủ quán nữa làm cho con mèo này cho mà xem. Nói xong, Xiển lấy đũa gấp cho con mèo một miếng thịt rồi ôm nó vào lòng, vuốt ve một lát. Xiển hỏi mèo :

- Nay mèo cưng, cái của cô chủ tròn hay méo ?

Cùng lúc ấy, Xiển ngầm bóp mèo một cái thật đau. Con mèo bỗng kêu ré lên : "méo, méo..." .

Mọi người cười ầm cả lên, còn cô chủ quán thì thẹn đỏ mặt.

Thế là Xiển được cuộc, không phải trả tiền cơm, lại được thêm ba tiền mang về.

3. XIN ĐẤT LÀM NHÀ

Ở Hoằng Hóa, Xiển nghe nói vùng Yên Lược thuộc huyện Thọ Xuân, gần rừng núi còn có nhiều đất tốt chưa khai phá. Xiển di cư lên đấy ở.

Theo lệ làng, Xiển phải mất một bữa rượu xin làng cho trú ngụ, và lại phải có một mâm trầu rượu lần nữa xin làng một mảnh đất lấy chỗ dựng túp lều làm nơi ăn ở. Lý trưởng đánh trống họp làng, nhưng thực ra làng chỉ là bọn chức sắc, cường hào mà thôi. Thấy họ hay hạch sách, Xiển căm lắm. Lần thứ hai mang trầu rượu ra đình, Xiển gãi đầu gãi tai thưa :

- Dạ, trình các cụ, con mới đến đây, ơn nhờ các cụ cho ở để hầu hạ các cụ nhưng chưa có nhà cửa gì cả, nên muốn xin *miếng đất đầu làng chó la*⁽¹⁾ nhờ các cụ xét cho.

Lý trưởng thấy rượu thịt thì tít mắt lại, liền nói :

- Tưởng gì chứ *miếng đất chó la* đầu làng ấy thì được. Nào xin mời các cụ nâng chén đi thôi.

⁽¹⁾ Đất bỏ hoang.

4. NGÀY XUÂN CHÚC TẾT

Vì là dân ngụ cư nên Xiển bị các vị chức sắc đầu làng luôn luôn hạch sách

Tết đến, Xiển được sai đi mời phường chèo về hát cho dân làng mừng xuân, Xiển nói với đám phường hát cho lên hát câu đầu để chúc Tết các cụ chức sắc trong làng.

Trống vừa điểm thi thùng, Xiển liền bước ra hát chúc Tết các cụ :

Trên bāi mía, dưới bāi dâu.

Xin chúc các cụ đầu làng mỗi người một bāi.

Dân làng reo hò vang dội tán thưởng. Chỉ các cụ đầu làng tuy ức mà đành phải gõ trống khen hay !

5. CHIA PHẦN CHO CÁC CỤ

Xiển là dân ngụ cư, nên lý trưởng gọi ra làm mō. Một hôm, lý trưởng vớ được chị hàng bát đang ngồi lá ở bāi đầu làng, liền vu vạ rồi bắt lấy gánh bát đem về đình. Lý trưởng sai mō đi rao mời làng ra đình chia phần.

Xiển vâng lời, vác mõ đi rao. Tới mỗi xóm, Xiển đánh một hồi mõ "cốc cốc cốc" rồi rao :

- Chiềng làng, chiềng chợ, nam bắc đông tây, lảng tai nghe mõ rao : cụ lý bắt được mụ hàng bát ỉa bậy đâu làng ta, mời làng mau ra đình chia phần.

Nghe nói chia phần, bao nhiêu chức sắc trong làng, chánh hội, trưởng tuần... lốc nhốc kéo nhau ra đình. Gặp Xiển, họ hỏi :

- Chia phần gì thế này ? Nhiều không ?

Xiển lẽ phép thưa :

- Bẩm các cụ, con mẹ hàng bát ỉa bậy đâu làng, cụ lý bắt được. Ja, nhiều lắm ạ, một đống to lù lù như thế kia, chắc mỗi cụ cũng phải được vài ba bát đấy !

6. MÓN CỨT SỐT

Xiển nghèo lại là dân ngụ cư nên bọn chức sắc thường hay hạch sách. Xiển căm chúng lắm. Một hôm, "các cụ" họp bàn việc làng, đang chén chú chén anh, rượu vào lời ra, cãi nhau ombok tối thì Xiển bê một cái nồi đất vỡ đựng nước đái và phân người lên chỗ đầu gió, bắc bếp vừa đun vừa khuấy. Mùi xú uế theo gió đưa vào mũi "các cụ". Chịu không nổi, có người phải chạy ra xem, quát tháo inhỏi. Xiển phản bội :

- Bấm các cụ, nhà có chó đẻ. Ở chó con bỗng nhiên giờ chứng đòi ăn cút sốt, vì thế con mới phải nấu cho chúng một tí.

Lý trưởng trừng mắt nạt nộ :

- Sao mày biết chó con đòi ăn cút sốt ?

Xiển thưa :

- Bấm các cụ, tục ngữ có câu : "Lâu nhau như chó tranh cút sốt", vì thế con mới nấu món cút sốt cho "chúng nó" tranh nhau.

7. ĐỔI BÒ GẦY LẤY BÒ BÉO

Làng Yên Lược có một miếu văn chỉ lộ thiên thờ Khổng Tử. Trâu bò trong làng thả ăn cỏ ở gần đấy thường kéo vào phòng uế ra cả bệ thờ. Bọn lý trưởng, cường hào thấy không tiện, bèn họp làng giao cho Xiển phải trông nom, rào giậu lại, và đặt lệ hễ bò nhà ai vào làng sẽ bắt làm thịt, chia phần. Lệ làng đặt ra, các nhà có bò đều dặn con cháu hoặc người ở hết sức giữ gìn. Xiển có một con bò ốm, gầy như cái mo khô cứ cho ăn ở gần đấy. Một hôm, Xiển để bò vào khu văn chỉ, và cố ý cho dân làng biết.

Đang thèm thịt bò, bọn lý trưởng, cường hào lập tức cho người bắt bò làm thịt, Xiển nói :

- Lệ làng đặt ra, tôi không dám kêu ca gì cả, chỉ xin làng nhớ cho từ nay trở đi bắt cứ bò nhà ai, hễ vào vẫn chỉ là bắt làm thịt tuốt.

Sau đó ít lâu, Xiển mua mấy cỗ bài tam cúc, chia cho bọn trẻ chăn bò và rủ chúng tìm chỗ đất khô ráo, phẳng phiu ngồi đánh. Bọn trẻ thích quá, xúm nhau chui mũi vào đánh bài chẳng chú ý gì đến bò nữa. Xiển lùa tất cả đàn bò ăn lại gần khu văn chỉ, rồi mở cổng ra. Thấy cỏ bên trong xanh tốt, một con vào, hai con vào, ba con vào, thế là những con khác cũng chen nhau vào theo, Xiển đóng cổng lại rồi chạy về gọi dân làng ra bắt bò. Bắt được hơn một trăm con, phần nhiều là của bọn lý hương, cường hào giàu có trong làng, còn những nhà vào bậc trung thì mỗi nhà chỉ có một con mà thôi. Chúng bàn nhau :

- Thôi lần này, gần như cả làng ta đều phạm phải lệ làng, không lẽ ta đem thịt tất cả thì lấy bò đâu cày ruộng, vậy thì xin xí xóa.

Xiển nhất định không nghe, lấy cớ rằng lần trước làng đã ăn thịt bò của mình rồi, nay làng tự ý bỏ lệ, Xiển sẽ kiện lên quan. Sợ Xiển làm to chuyện, chúng bàn nhau đền cho Xiển một con bò, rồi bỏ cho các nhà có bò bị bắt chia nhau chịu tiền, Xiển nhất định không nghe, nói :

- Chỉ có hai cách : Một là đem làm thịt tuốt, hai là đem chia đều cho dân làng, mỗi nhà một con.

Bọn hương lý, cường hào bàn với nhau mãi, cuối cùng phải bằng lòng với cách thứ hai, vì chia như vậy

thì chúng còn được mỗi nhà một con, chứ đem làm thịt thì mất cả. Thế là, không những Xiển đã đánh đổi được một con bò gầy lấy con bò béo, mà những nhà nghèo trong làng cũng được mỗi nhà một con. Chỉ có bọn chức sắc tham ăn bò của Xiển là thiệt mà thôi.

8. LÀM MA MẸ

Năm ấy mẹ Xiển Bột qua đời. Bọn chức dịch trong làng nhân bắt Xiển Bột phải làm ma cúng mẹ để làng kéo đến ăn. Xiển Bột phải van cho được chôn cất mẹ chu đáo rồi sê cúng ba ngày mời làng tới dự. Làng cũng thế tình chấp thuận.

Chôn cất mẹ xong, Xiển Bột đến nhà quen vay một con lợn để làm ma cúng mẹ. Người quen thương tình, cho vay một con lợn to nhất đàn, nặng đến hơn một tạ và hẹn sau một tuần phải lo trả xong nợ. Xiển Bột thuê người bắt lợn về thịt. Xong đâu đấy, cậu cắt hết thịt vào buồng, rồi đi mời các bậc chức sắc, lí dịch trong làng đến ăn cỗ. Các cụ lục tục kéo đến. Xiển Bột sai người nhà rán mỡ, lúc thì cho tỏi vào phi, lúc lại bỏ hành vào đảo. Mùi hành tỏi xào rán thơm phức bay lên nhà trên làm các cụ làng yên tâm, tưởng chắc mắm phèn này sẽ được bữa chén đầy. Lừa lúc không ai để ý, Xiển châm một mồi lửa làm bếp bốc cháy. Thấy bếp bốc cháy, ai nấy vội đi tìm thùng, chậu múc

nước về dập lửa. Nào ngờ, khi lấy nước đem về đến nơi, thì bếp chỉ còn một đống than rực đỏ. Xiển Bột đứng giữa sân vờ gào to :

- Ôi mẹ ơi là mẹ ơi ! Mẹ vừa nambi xuống, con chưa kịp làm ma cúng mẹ, thì nay lại bị cháy. Ôi làng nước ơi, lấy đâu ra cỗ bàn mà mời các cụ bây giờ ? Ôi trời đất ơi, sao cái thân tôi khổ đến nhường này !

Nghe Xiển Bột khóc lóc thảm thiết như vậy, ai cũng mủi lòng thương. Riêng bọn hào lí trong làng biết rằng chẳng còn xơ mũi gì nữa, lục tục kéo nhau về. Bấy giờ Xiển mới vào buồng lấy thịt, quẩy đi chợ làng khác bán. Ngay hôm sau, Xiển đã thanh toán đầy đủ tiền cho chủ nợ.

9. ĐÁNH “TRỐNG CẤM”

Mẹ mất rồi, Xiển Bột càng nghèo túng, lại là dân ngụ cư nên Xiển bị chèn ép đủ bề. Xiển Bột phải đi ở cho một lão chánh tổng. Một lần, chánh tổng đi chơi, bắt Xiển cắp điếu tráp theo hầu.

Đi mãi, đi mãi, đến một làng nọ, mỗi chân, chánh tổng ghé vào đình nghỉ. Giữa đình có treo một chiếc trống rõ to. Mặt trống to bằng cái nia, trên đẽ hai chữ “Trống cấm”. Bấy giờ trong đình có mấy người cũng vào tránh nắng. Bỗng Xiển Bột thốt lên :

- Có ai thách tôi đánh trống không nào ?

Một anh nhà giàu, nghe hỏi vây lòn tiết, trợn mắt lên nói :

- Đến cụ cổ nhà mày cũng không dám dụng đến trống này nữa là mày ! Rồi hăng tiết, anh ta thách :

- Nếu mày dám đánh đủ ba hồi chín tiếng, tao sẽ trả hẳn cho mày năm chục quan tiền.

Xiển bảo :

- Năm chục chẳng bõ.

Anh nhà giàu nọ tưởng Xiển sợ, nói vây để tìm thoát, nên lên giọng :

- Trăm quan ! Ưng chưa ?

Xiển nhận lời. Hai bên làm giấy giao kèo có sự chứng giám của nhiều người. Về phần Xiển Bột, nếu không dám đánh trống thì sẽ phải ở không công suốt đời cho anh nhà giàu nọ.

Xong đâu đấy, Xiển Bột lấy dùi, bắc thang trèo lên đánh đủ ba hồi chín tiếng. Tiếng trống vang xa, cả làng đều nghe thấy. Theo đúng giao kèo, người kia phải trả cho cậu một trăm quan. Xiển nhận tiền xong thì dân làng đã kéo đến chật sân đình. Lý trưởng hầm hầm rẽ đám đông đi vào. Xiển vái chào lý trưởng, rồi bình tĩnh nói :

- Tôi là khách qua đường, thấy đình làng tôn nghiêm đẹp đẽ, muốn góp chút công quả vào việc trông nom sửa chữa sau này. Hiếm vì chẳng biết làm

cách nào gặp được tôn ông, thành thử phải liều đánh trống. Xin tôn ông nhận cho số tiền này.

Nói rồi, Xiển chông năm chục quan tiền trước mặt lý trưởng. Thấy tiền, lý trưởng hớn hở chấp nhận luôn đề nghị của Xiển. Thế là Xiển Bột bỏ năm mươi quan tiền còn lại vào đĩa, ung dung theo chánh tổng lên đường.

10. GÓP GỐC

Hồi ấy Pháp mới chiếm nước ta. Để đảm bảo an ninh, chúng ra lệnh ban đêm phải đặt bót gác ở khắp nơi. Theo lệnh quan trên, trai tráng làng Yên Lược đêm nào cũng phải ra đình canh phòng. Gặp mùa đông rét mướt, họ chia nhau lần lượt mỗi đêm một anh góp gốc để sưởi cho ấm. Xiển vốn có cảm tình với những người nổi loạn chống lại triều đình, nên cứ nay cáo ốm mai cáo đau bụng, không chịu đi canh phòng. Họ bắt Xiển phải nộp gốc mới cho ở nhà, Xiển đào một ít gốc chuối gánh ra, nhè giữa đống lửa đang cháy rần rật mà đổ vào, thế là cả đống lửa đang cháy tắt lui. Lão hương kiểm liền quát Xiển, Xiển bảo :

- Tại các ông bảo tôi góp gốc. Nhà tôi chả có gốc gác chi cả ngoài gốc chuối, mà gốc nào chả là gốc. Các ông không nhận thì lại xin gánh về vậy.

11. TRỊ BỌN TÂY ĐOAN BẮT “RƯỢU LẬU”

Hồi ấy Pháp đã chiếm nước ta. Để rượu của chúng khỏi bị ế, chúng cấm mọi người không được nấu rượu. Ai phạm tội nấu rượu lậu đều bị phạt rất nặng, có khi còn bị tù đày. Làng Xiển ở bị Tây đoan sục về luôn. Để trị lại chúng, Xiển bắt chước cố Quỳnh ngày xưa.

Một hôm thấy Tây đoan xộc về làng. Xiển Bột vờ khệ nệ bê một chiếc nồi hông ra bụi cây đầu làng giấu, rồi cứ thập thò cốt cho bọn Tây đoan trông thấy. Quả nhiên, bọn chúng đổ cả ra đầu làng, vây quanh bụi cây, nơi Xiển vừa chạy ra. Chúng sục tìm, và quả nhiên thấy có chiếc nồi hông đầy kín. Cả bọn hí hửng bê ra, xúm quanh nồi. Nhưng khi mở vung, thì ôi thôi, một đàn cào cào, từ trong nồi nhảy vọt ra làm nước đáy và phân trong nồi dính vào mặt, vào đầu tóc, quần áo cả bọn.

Từ đấy, đám Tây đoan cách không dám về làng của Xiển nữa.

12. CHỮA BỆNH CHO NHÀ GIÀU

Một nhà giàu nọ, hàng ngày ăn thịt cá quá nhiều nên sinh ra chứng đầy, lúc nào bụng cũng ỉ ạch. Hắn nghe nói thầy thuốc Xiển chữa bệnh như thần, nên đến xin thuốc. Xiển hỏi :

- Một bữa ông ăn được mấy bát ?
- Thưa thầy chỉ được hai bát.
- Ngày ông ăn năm hay sáu bữa ?
- Thưa chỉ có năm bữa.
- Có ăn được thịt gà, thịt bò không ?
- Thưa được, nhưng ăn không thấy ngon.
- Thôi được rồi, ông về đi rồi sáng mai đem tiền đến lấy thuốc. Ba quan, uống mười ngày.

Buổi chiều Xiển bảo học trò lấy cám rang trộn với mè, viên lại thành ba chục viên, phơi khô cho vào lọ.

Sáng hôm sau anh nhà giàu đến, Xiển đưa thuốc và dặn :

- Mỗi ngày uống ba viên, sáng một viên, trưa một viên, chiều một viên. Uống liền trong mười ngày. Trong khi uống thuốc phải kiêng mọi thứ, chỉ được húp cháo hoa loãng. Nếu làm sai là bệnh không khỏi được. Hết thuốc, đến xem lại.

Lão nhà giàu về rồi, học trò Xiển hỏi :

- Sao chỉ có cám rang trộn mật mà thầy lấy đắt thế ?

Xiển đáp :

- Cám trộn mật chỉ đáng một tiền, nhưng chẩn bệnh cho đúng, trị thuốc cho trúng và lấy tiền của bọn nhà giàu thì đáng trên ba quan cơ.

Học trò lại hỏi :

- Bệnh gì mà thầy lại trị bằng cám rang trộn mật ?

Xiển trả lời :

- Bọn người giàu họ ăn nhiều, làm ít nên sinh đầy bụng. Chỉ cần nhịn đói húp cháo loãng mười ngày là khỏi. Cám rang trộn mật chỉ là thuốc tâm lý thôi.

Sau mười ngày, quả nhiên lão nhà giàu đến khai đã hết bệnh, thèm ăn lắm rồi và cứ khen mãi thuốc của thầy hay.

13. PHẬT CŨNG CÓ ĐÔI

Làng Xiển ở có hai ngôi chùa thờ Phật, dân làng đến cúng bái, đốt vàng mã, thật mười phần mệ tín, Xiển chẳng ưng chút nào.

Gần đến ngày mồng tám tháng tư, đêm đến Xiển lén bê tượng chùa nọ sang chùa kia, ghép lại thành

từng đôi : một ông Phật, một bà Phật, lại gài vào tay tượng một bắn hôn thú nữa.

Hôm sau, dân làng ra lẽ thấy thế tức lầm, làm đơn kiện lên quan. Quan xem tang vật là tờ hôn thú biết là chữ Xiển, bèn gọi lên hỏi :

- Sao người dám nhạo báng cả thần Phật thế ?
Người có biết thế là phải tội không ?

Xiển lẽ phép thưa :

- Bẩm quan, muôn vật trên đời đều phải có đôi mới tồn tại được. Nếu không như thế thì làm sao có Phật ra đời ngày tám tháng tư. Bởi con nghĩ thế nên mới ghép đôi Phật ông, Phật bà cho hợp với lẽ trời ạ.

Quan nghe Xiển nói có lý thật nên chỉ trách mắng qua loa rồi cho về.

14. BỐN LÝ TRƯỞNG

Lý trưởng làng Long Kinh, huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hoá, keo kiệt, gian tham. Trước y cũng có đi thi vài khóa, nhưng trong bụng chả được mấy chữ nên đều trượt vỏ chuối. Về làng, nhờ thế cha y chạy được chân lý trưởng. Y lấy cô vợ trẻ, con chánh tổng, nên chịu chuộng hết sức và nổi tiếng sợ vợ.

Một lần vợ ốm mấy ngày liền không khỏi, y phải đến Xiển xin thuốc. Nghe y kể bệnh, Xiển biết vợ y chỉ

bị cảm hàn không có gì nặng. Nhưng biết y ninh vợ và keo kiệt nên Xiển bảo :

- Bệnh bà như ông kể, khéo không nguy mất.

Y mếu máo :

- Lạy cụ, cụ cố sức cứu cho, cần thuốc gì tôi xin chạy lo đủ.

Xiển vờ ngần ngại mãi mới nói :

- Thế thì thế này. Vị thuốc chữa được bệnh của bà lý thực tình tôi chỉ còn đủ cho ba thang thuốc. Nó quý lắm. Ai xin, tôi cũng không cho. Nay giờ ông cũng là người có chữ nghĩa, tôi ra cho ông một vế đối. Nếu ông đổi được, tôi sẽ cố chữa cho bà lý. Còn nếu ông không đổi được ấy là tại cái số bà...

Lý trưởng làng Long Kinh sợ hãi nói :

- Bẩm cụ, chữ nghĩa tôi được mấy hột mà cứu bệnh như cứu hỏa, xin cụ xá cho.

Xiển đáp :

- Vậy là bà lý đã đến số... Thôi, ông về đi.

Lý trưởng vội nói :

- Cụ đã dạy, tôi xin vâng. Xin cụ ra về đổi đi.

Xiển đọc :

Quyền rơm vạ đá Long Linh địa

Lý trưởng biết Xiển nói xỏ mình, nhưng đành phải nghĩ cách đổi lại. Ngồi nghĩ từ sớm đến trưa mới đổi được :

Dít thớt đâu chày Thiệu Hóa thiêng.

Xiển thấy câu đối chỉnh và đúng với hoàn cảnh
anh lý trưởng nên bảo :

- Anh đối hay lăm. Số vợ anh chưa chết đâu. Đây
anh cầm thuốc này về cho vợ uống. Cứu bệnh như
cứu hỏa mà.

Lý trưởng đã bị hành suốt một buổi vội cảm ơn rồi
rít, đem thuốc chạy về.

15. LỐM BÀ BANG

Bà Bang vốn là con gái làng Bồi. Thuở chưa lấy
ông Bang, bà đã nổi danh tài sắc và đa tình. Bà đã bỏ
chồng hai ba phen rồi mới lấy quan Bang. Lấy được
mấy năm, thì quan Bang già về chầu tổ để lại cho bà
Bang trẻ một gia tài kέch sù. Bà dọn về làng ở và
muốn phô trương sự giàu sang, trưởng giả của mình,
bà đến người hay chữ nhất vùng là Xiển Bột để xin
chữ về treo.

Xiển lấy giấy bút viết ngay hai chữ “Đại dī” thật to
tặng bà Bang và giải cho bà nghĩa của hai chữ này là :
người đàn bà có phúc lấy được chồng quan giàu sang.

Bà Bang đem treo ngay hai chữ đó lên giữa nhà,
lấy làm tự đắc lăm.

Người làng thấy vậy, càng ghét bà Bang và không phục Xiển. Một hôm có người gặp Xiển nói :

- Bẩm cụ, bà Bang tính tình lảng lơ như thế mà cụ cho hai chữ "Đại dĩ" thì thật quá đáng.

Xiển cười đáp lại :

- Có gì mà quá. Đại dĩ là đĩ đại thế chả đúng à !

Nghe Xiển nói, dân làng mới vỡ lẽ, ôm bụng cười. Còn bà Bang khi nghe được ý này, vội hạ ngay hai chữ đang treo ở nhà xuống và từ đó hết dám vênh vang tự đắc.

16. CHÁO THÓC

Nhà Xiển nghèo, cứ cuối vụ lại phải đi vay thóc ăn. Gặp chánh tổng Bân là chõ quen biết cũ, Xiển hỏi vay ít thúng đến đầu mùa sẽ trả. Tổng Bân bằng lòng hẹn Xiển tối đến lấy thóc. Tối đến, Xiển cho vợ mang quang gánh sang vay, nhưng tổng Bân đã nghĩ lại, không muốn cho Xiển vay nữa. Hắn lẩn mặt, cho vợ ra nói rằng :

- Tưởng còn nhiều thóc hóa ra chỉ còn ít đủ để nấu cháo nhà ăn cho đến khi gặt.

Vợ Xiển đành quang gánh về không. Xiển bức lầm nghĩ kế chơi khăm lại. Ít lâu sau Xiển cho người sang

nhà tổng Bân, nói là mời đến ăn bữa cơm thanh đạm với cụ Xiển.

Tổng Bân sợ là Xiển mời sang để trách việc không cho vay thóc, nên có ý ngăn ngại, nhưng nghĩ đến lúc ốm đau phải sang nhờ Xiển, nên quyết định đến.

Xiển mời ngồi chơi nói chuyện hàn huyên, không nhắc gì đến chuyện vay thóc nên tổng Bân yên trí tha hồ ba hoa. Mãi đến tối vẫn chưa thấy mâm bát dọn lên, tổng Bân chắc mẩm là cỗ to nên sửa soạn mới lâu như thế.

Trong nhà Xiển đã dặn vợ nấu hai nồi cháo : một nồi cháo gạo múc ra cho Xiển, còn một nồi cháo thóc, múc ra cho tổng Bân.

Lên đèn được một lúc thì người nhà bưng cháo ra mời khách, Xiển nói trước :

- Nhà không có gì, gọi là có bát cháo ngon mời ông chánh xơi cho mát ruột. Hơn nữa, tối ăn cháo dễ tiêu.

Đèn đóm chập choạng. Xiển húp cháo xì xụp ngon lành lắm. Còn tổng Bân ăn bát cháo thóc lớn cơn không sao nuốt nổi. Cuối cùng, hắn phải bỏ bát xuống kêu :

- Cháo gì mà toàn là thóc, nuốt không được !

Bấy giờ Xiển đã ăn hết bát cháo, cười nói :

-Ồ, cháo đó là vợ tôi học bà chánh dạy cho khi sang vay thóc đấy !

Tổng Bân ngã ngửa người ra, vừa đói vừa thẹn vội thoái thác ra về.

17. THƠ DIỄU CỤ ĐẠO

Một cụ đạo và một bà sơ sống cùng quê ở Thanh Hóa ra tu ở Ninh Bình. Có lần, cụ đạo ở tỉnh về huyện bà sơ ở, cẩm đất. Cụ sai người hầu đến xin bà sơ một con gà mái.

Bà sơ hiểu ý cụ, không cho gà, nhưng gởi biếu rất nhiều thứ khác, để cụ ăn uống tẩm bổ. Rồi hai người đi lại, tăng tịu với nhau. Xiển nghe biết chuyện, liền làm một bài thơ gửi cho cả bà sơ lẫn cụ đạo :

Chuyện bà với cụ

Tinh nghĩa thật ghê

Trước ở cùng quê

Trong tỉnh Thanh Hóa

Cụ đi thăm đất

Nghĩ tình đồng hương

Cho người ghé vườn

Xin bà gà mái

Bà không cho mái

Bà cho chim câu

Bà lại cho trâu

Cho cau, cho vỏ

Cho bánh, trứng gà

Cụ đành đến nhà

Quỳ chân lê tạ

Quà bà thật là

Hơn quà thế gian

Ngon hơn thịt ngan

Ngon hơn thịt ngỗng

Cây, cáo, thịt gà

Cụ đến thăm bà

Có chí... cũng đáng !

18. BỐN THẦY CỬ

Một hôm Xiển đi chợ Ba Đồn gặp thầy Cử làng Di Luân đang tán tỉnh cô Bình là kỹ nữ quê làng Thổ Ngõa. Thầy Cử lớn tuổi hơn Xiển nhiều, vào bậc bể trên của Xiển, lại bị Xiển bắt gặp đang dở trò chơ nhả, thì ngượng lắm, mới đánh trống lảng vờ hỏi :

- Thế nào, chú mày hồi này có làm được bài thơ nào mới thì đọc nghe chơi.

- Thưa thầy cử, lâu nay không nảy ra tú thơ thành thử ít lăm. Song thầy cử đã hỏi, em xin phép hiến thầy mấy vần túc cảnh.

- Được, đọc nghe coi !

Xiển hăng giọng ngâm :

Thầy Cử Di Luân - Cô Bình Thổ Ngõa

Hai bên gấp gõ tình cờ - Một quán chuyện trò thong thả.

Thầy Cử khen :

- Hay !

Xiển đọc tiếp :

Trầu đầy hộp, nhai nhai, nhả nhả, trổ bà già chỉ lấy chìa vôi.

Thuốc săn bao, nhét nhét, châm châm, quát thằng bé chi đem chút lửa.

Thầy cử lại gật gù khen :

- Hay lắm !

Xiển tiếp luôn :

Khăn tay hồng đỏ chói, vắt lên che hàm râu đen kịt.

Quần lanh bưởi láng xầy, thả xuống phủ bộ về trắng bong.

Lúc này thì thầy cử đỏ mặt, tía tai, đứng ngay dậy quát :

- Khăn tay đối với quần lanh, hàm râu đen kịt đối với bộ vê trăng bong. Sao anh xác vậy ?

Hai người to tiếng, cô Bình đứng ra can, dàn hòa đôi bên. Chỉ tiếc bài văn còn lơ lửng. Thầy cử giận, vắt vạt áo dài lên vai, tháo khăn tay đỏ cầm tay, vênh váo đi ra khỏi quán. Xiển cười túm thong thả ra về. Chỉ còn lại cô Bình Thổ Ngõa ngồi trơ trọi trong quán.

19. ĂN THỊT THỦ LỢN

Thịt thủ, thực ra không phải là loại thịt ngon nhất của con lợn. Nhưng ngày xưa, thủ lợn mang biểu tượng của sự “ăn trên ngõi trốc” ở chốn đình trung.

Làng Hoằng Nghĩa có tục lệ : ngày cúng tế của làng thì những người đỗ đại khoa trong làng được xếp ngồi giữa chốn đình trung ăn cỗ tế có món thịt thủ.

Bọn người đỗ đại khoa lấy làm danh giá lắm. Ngày cúng tế họ vênh vang ra đình, tuôn ra hàng tràng những văn chương sáo rỗng để lòe mẩy anh chức sắc trong làng.

Ấy vậy mà dân làng có vẻ rất trọng vọng, nể sợ họ. Xiển thấy thế làm chướng mắt lắm, muốn xỏ mẩy ông đại khoa chơi.

Một hôm, làng cúng tế vừa xong, các ông đại khoa đang ngồi giữa chốn đình trung ăn uống, khua môi

múa mép thì Xiển vác thúng vào, trải chiếu giữa đình, bỏ rượu và thịt thủ trong thúng ra ngồi đánh chén ngắt ngưởng rồi nói tướng lên :

- Cần gì phải đỗ đại khoa mới được ngồi chốn đình trung ăn miếng thịt thủ. Ta đây chẳng đỗ đạt gì cũng có thịt thủ ngồi ăn giữa chốn đình trung.

Các ông đại khoa đang ăn uống nghe thấy, quay lại nhìn thì thấy Xiển hay chữ nổi tiếng, chắt của Trạng Quỳnh, đang xếp dọn rượu thịt vào thúng, cuộn chiếu đứng lên đi ra, vừa đi vừa nói :

- Một năm mới có mấy ngày cúng tế, lại phải đỗ đại khoa mới được ăn thịt thủ. Tớ thì cứ phiên chợ là có thịt thủ ăn. Mái tớ lại đem thịt thủ ra đây ăn nữa.

- Các ông đại khoa xấu hổ, từ đấy bớt tranh nhau chỗ ngồi ở đình để ăn miếng thịt thủ.

20. GIẢI NGHĨA LỜI PHÊ TRÊN ĐƠN LY DỊ

Một người đàn bà bị chồng đánh đập, hắt hủi không chịu nổi nữa, mới nhờ người làm đơn lên huyện xin quan cho ly dị. Thấy chị này không có “lẽ lạt” gì nên quan huyện không cho chị ta bỏ chồng, phê vào đơn tám chữ “Phó hồi cải giá bất đắc phụ cựu”, ý của quan là : “Không thể cho đi lấy chồng khác được, phải về với chồng cũ”. Rồi quan quẳng trả lại lá đơn và quát :

- Cút về !

Chị ta cầm đơn ra về, bức tức lầm. Biết tiếng Xiển hay chữ, chị bèn ghé vào, nhờ Xiển giải đáp lời phê của quan và định nhờ Xiển làm cái đơn khác kêu với quan, Xiển xem đơn và lời phê của quan rồi cười nói :

- Khỏi cần làm đơn nữa. Quan đã phê bằng lòng cho chị ly dị, đi lấy chồng khác rồi. Đây này : *phó hồi cải giá* là cho về đi lấy chồng khác; *Bất đắc phu cựu* là không được về với chồng cũ nữa (vì chữ nho ngày xưa không có dấu phẩy, chấm nên tùy theo cách ngắt câu mà nghĩa khác hẳn đi).

Chị ta nghe giải nghĩa xong, yên tâm về đi lấy chồng khác.

Người chồng cũ giận lầm, cho là quan ăn lẽ của vợ mình, xử thiệt cho mình bèn làm đơn khiếu nại gửi lên tỉnh. Quan tỉnh đòi quan huyện lên hỏi về vụ này. Quan huyện thưa có nhận được đơn xin ly dị của vợ anh này, nhưng đã xử không cho ly dị, buộc phải về với chồng cũ. Quan tỉnh liền cho gọi chị vợ tới hỏi. Chị đưa cái đơn có lời phê của quan huyện ra và nói cụ Xiển có giải nghĩa như vậy, như vậy. Bấy giờ quan huyện mới vỡ lẽ là lời phê của mình không rõ, có thể hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Quan tỉnh nhân cơ hội này hạch tội quan huyện đòi “vi thiềng”. Thế là quan huyện phải bỏ nhiều tiền bạc đã vơ vét của dân đút lót quan tỉnh để giữ được cái chức tri huyện.

21. CÓ THẾ MÀ CŨNG KHÔNG HIỂU

Xiển có thời gian dạy học và học trò của Xiển nhiều người đỗ đạt. Có một anh học trò của Xiển ở làng bên đỗ tú tài rồi học trường hậu bổ ra làm quan. Anh về làng mổ lợn ăn khao, mời cả thầy đồ Xiển tới để tạ ơn dạy dỗ. Xiển đến mừng học trò, cơm rượu say sưa rồi, viết tặng một bức trướng đề bốn chữ “Thượng Đẳng Tối Linh” (chữ nhỏ có nghĩa là bậc trên anh linh nhất).

Quan tân khoa lấy làm hâm điện lăm, treo ngay lên giữa nhà.

Một bữa, bạn bè quan đến chơi, cũng toàn là các quan phủ, quan huyện cả. Nhìn thấy bức trướng, các quan lắc đầu lè lưỡi nói :

- Chỉ có đức vua mới xứng là thượng đẳng tối linh. Bác mà cũng xưng là thượng đẳng tối linh, e việc đến tai triều đình, khó lòng thoát khỏi tội phản nghịch !

Quan tân khoa nghe ra đậm hoảng, vội thú thật đó là bức trướng thầy học đến mừng tặng. Các quan bàn nhau mời Xiển đến để hỏi xem ý tứ của thầy thế nào mà lại mừng bức trướng ấy.

Thầy đồ Xiển mỉm cười ung dung giảng giải :

- Có thể mà các quan cũng không hiểu. May chũ đó là làm gì mà nên tội được. Này nhé, *thượng đẳng* là bậc trên, anh ấy thi đỗ ra làm quan thì là bậc trên của tôi. Còn *tối linh* là *linh tôi*, vì anh ấy là học trò của tôi nên dù sao vẫn là quân của tôi, lính của tôi. Có thể mà không hiểu !

22. QUAN THANH TRA

Một lần Xiển về thăm quê cũ, qua dinh tổng đốc Thanh Hóa nghe tiếng đàn hát văng vẳng bên trong rất vui, bèn đứng lại, nghĩ bụng : "Nhà vua mới chết mấy tháng nay, việc nước đang rối ren, thế mà lão này dám mở tiệc đàn hát vui chơi, phải trị cho một trận mới được". Xiển nhờ người lính gác cồng vào bẩm với quan tổng đốc là có người học trò nghèo lõ độ đường qua đây xin nhờ ngài bố thí cho ít tiền gạo. Đang lúc cao hứng, tổng đốc liền cho đòi vào hầu, bắt phải làm một bài thơ xem có thực là học trò không. Xiển vờ khummings thưa :

- Bẩm quan lớn, con có thói quen là hễ tửu có nhập thì mới xuất được, xin quan lớn rộng lượng cho.

Tổng đốc sai đem ra một be rượu, một tờ giấy và nghiên bút. Xiển ngồi rung đùi, uống hết cả be rượu mới viết bốn chữ : "Ô hô ! Ô hô !" rồi xin thêm rượu.

Uống hết be thứ hai, Xiển viết thêm được ba chữ "Ô hô thiên", rồi xin thêm rượu. Tổng đốc nỗi câu :

- Làm được mấy câu rồi mà cứ đòi rượu nhăng lên thế ?

Xiển giả vờ sợ sệt :

- Dạ bẩm, mới được một câu ạ.

Tổng đốc đòi xem, xem xong mắng :

- Thơ với thẩn gì thế này ? Liệu hồn ! Tao cho thêm một be nữa mà làm không xong thì chết đứng kêu oan !

Xiển uống xong be thứ ba, cắm đầu viết một mạch ba câu tiếp, thành một bài thơ tứ tuyệt :

Ô hô ! Ô hô ! Ô hô thiên !

Hoàng đế băng hà vị bán niên

Thảo mộc quần sinh giải tự khuất

Thang chầu đô đốc xuống ca huyên !⁽¹⁾

Đọc xong quan tổng đốc tái xanh như chàm đổ, y tưởng Xiển là quan thanh tra của triều đình Huế, và mấy câu thơ đó là những lời kết tội, y liền quỳ rạp

⁽¹⁾ Đại ý bài thơ nói : Than ôi ! Trời có biết nỗi này chẳng ? Nhà vua vừa mất chưa được nửa năm. Từ cây cổ đến mọi sinh vật đều sâu thảm tiếc thương, thế mà riêng Tổng đốc xứ Thanh Hóa (Thanh Châu) lại mừng rỡ đàn hát vui chơi.

xuống lạy như té sao. Xiển cố nhịn cười sai lính nọc tổng đốc đánh một trăm roi.

Các quan làng, tỉnh nghe nói có quan thanh tra của triều đình mới ra, lục tục kéo đến hầu. Các quan hỏi thăm tình hình triều đình bây giờ ra sao. Xiển không trả lời chỉ viết vào giấy hai câu :

*Nhất giang luõng quốc nan phân thuyết,
Nhị nguyệt tam vương triệu bất tường⁽¹⁾.*

Rồi lặng lặng ra đi, các quan nhìn theo, ai cũng lắc đầu thè lưỡi.

23. HƯƠU ĂN BÈO TÂY

Xiển đến chữa bệnh cho quan tổng đốc Thanh Hóa gấp các quan hàng tỉnh hội họp ở đây đánh tổ tôm. Các quan nghe tiếng Xiển là bậc danh y nên xúm lại xem Xiển bốc thuốc. Một ông quan thấy Xiển có cái lộc nhung để bên cạnh mới hỏi :

⁽¹⁾ Một giang sơn mà chia làm hai nước đó là điều khó phân giải. Hai tháng (đúng ra là 4 tháng : Từ nguyệt, nhưng nhiều người kể là nhị nguyệt) mà thay đổi đến ba vua (Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi) đó là triệu chứng xấu. Chữ “thuyết” còn có ý chỉ Tôn Thất Thuyết, người cầm đầu phái chủ chiến. Chữ “tường” còn có ý chỉ Nguyễn Văn Tường, kẻ chủ hòa trong triều đình Huế lúc bấy giờ.

- Thầy có biết con hươu ăn gì mà cái sừng nó bỗ và quý đến thế không ?

Xiển đáp ngay :

- Nó ăn bèo tây.

Các quan ăn lương tây nên nghe Xiển nói thế thì động lòng, hạch lại :

- Ai bảo thầy thế ?

Xiển trả lời :

- Tôi đọc trong Kinh Thi thấy câu "Ao ao lộc minh, thực đã chi binh" tức là con hươu kêu be be, ăn bèo ở ngoài đồng, vì thế mới biết.

Các quan vẫn chưa chịu cãi lại :

- Thế sao người ta nuôi hươu, không thấy nó ăn bèo bao giờ ?

Xiển thở dài :

- Xưa kia thánh hiền dạy thế, nhưng bây giờ bạ cái gì nó cũng ăn thì biết làm thế nào được.

Các quan biết Xiển chửi bọn mình theo Tây, đành đánh bài chuồn.

24. CHỮ “PHÚC”

Mụ Tư Hồng vốn là gái “lầu xanh” nhờ thế lực quan lại và thực dân Pháp mà được nhà vua ban cho bốn chữ : “Tiết hạnh khả phong”. Mụ bèn mở hội ăn mừng, mời đủ mặt anh em, bè bạn xa gần. Cụ Nguyễn Khuyến cũng được mời nhưng không đến. Mụ cho người nhà mang lẽ đến xin cụ đôi câu đối. Cụ chỉ cho một chữ “Phúc” to tướng.

Bức trường treo lên trong nhà thì mọi người đều hiểu rằng nhờ có phúc đức tổ tiên nên chủ nhân mới được vinh hiển như ngày nay. Thực ra tuy biết chữ “Phúc” là phúc đức, nhưng ý cụ Nguyễn Khuyến là ám chỉ bụng mụ Tư Hồng (chữ Hán cũng có chữ nữa, đọc là “phúc”, nghĩa là bụng to lăm (chữ phúc viết to).

Mặc dù không được mời, Xiển vẫn cứ đến đám nhà mụ chơi. Cơm rượu xong, nhìn thấy chữ “phúc” trên bức tường, Xiển bò lăn ra cười. Ai nấy ngạc nhiên hỏi, Xiển nói :

- Mời chủ nhân lại đây tôi mới nói.

Trước mặt mụ Tư Hồng và đông đủ khách khứa, Xiển giảng giải

- Như thế này là chủ nhân đã khoe rằng mình “bán trôn nuối miệng” rồi ! Đây nhá ! Nửa bên này của chữ

phúc là chữ "y" là áo, nửa bên kia có chữ "khẩu" là miệng, và chữ "nhất điền" là một phần ruộng. Như thế có nghĩa là chỉ một phần ruộng thôi; tức là chỉ có *một cái trôn* thôi, vậy mà đủ cả "cơm" ăn lẫn "áo" mặc !

Nghe Xiển giảng giải, không ai nhịn được cười và khen là chí lý. Còn mụ Tư Hồng xấu hổ không biết làm thế nào, đành vờ cáo mệt, vào nghỉ ở buồng trong.

25. VẢ MỒM QUAN HUYỆN

Có một viên quan huyện hay nịnh hót cấp trên để chóng được thăng chức. Một trong những quan trên mà hắn thường bợ đỡ là Án sát Nguyễn Văn Tiêu, tục gọi là Án Tiêu. Để nịnh quan thầy, hắn ra lệnh cho dân hàng huyện không ai được nói đến tiếng "tiêu", ví dụ như *hạt tiêu* thì phải nói là "*hạt ớt*"... Hết ai thấy người nào trái lệnh thì được phép vả vào mồm ba cái thật đau, rồi đem trình quan trị tội. Lệnh ban ra khiến Xiển đã ghét quan huyện lại càng ghét thêm. Ông mang một ít quần áo rách mướp, xin vào hầu quan. Quan hỏi có việc gì, Xiển thưa là nhà nghèo quá, gia tài chỉ còn một ít quần áo rách, nhờ quan cầm hộ cho lấy ít tiền về làm vốn sinh nhai. Tức thì quan nổi giận lôi đình, thét mắng đừng đừng, vì xưa nay có ai dám cả gan đem quần áo rách bán cho quan bao giờ ! Đợi quan nguội cơn giận, Xiển nói :

- Dạ thưa ngài, xin ngài thương kẻ học trò nghèo túng này, không có gì cũng mang danh là người quân tử...

Quan vô bàn mắng :

- Quân tử gì mà ! Đồ quân tử cùng, quân tử cõi :

Xiển trần tình :

- Dạ, *Khổng Minh túng Khổng Minh cầm ạ !*

Nghe câu nói khó hiểu, quan chau mày suy nghĩ một lúc mới biết lời mắng của mình : "Quân tử cùng, quân tử cõi" với lời trần tình của Xiển : "*Khổng Minh túng Khổng Minh cầm*"⁽¹⁾ đã làm thành một câu đối hay tuyệt. Quan phục tài Xiển thường cho quan tiền, nhưng lại chọn cho thứ tiền chôn giấu lâu ngày dưới đất bị han rỉ hết cả. Xiển đã lấy quan tiền, cầm lấy một đồng dồn mạnh xuống đất, tiếng kêu nghe cành cách rồi nói :

- Bẩm quan, tiền không ớt được ạ !

Quan vô tình mắng :

- Mày điên à ! Tiền này mà không "tiêu" được ư ?

Chỉ chờ có thể, Xiển liền vả cho quan ba cái vào mồm như trời giáng. Quan hô lính bắt trói, Xiển ngăn lại nói :

⁽¹⁾ Chữ *cùng*, *cõi* ở vế trên vừa là chữ Hán vừa là chữ Nôm cũng như chữ *túng*, *cầm* ở vế dưới. Vế trên lấy trong câu *Quân tử cõi cùng* trong sách **Luận ngữ**, vế dưới lấy ở tích : *Khổng Minh thất cầm Mạnh Hoạch* ở chuyện **Tam quốc**.

- Chắc ngài vẫn chưa quên cái lệnh kiêng tên húy của quan Án do ngài mới ban ra. Tôi làm như vậy cũng chỉ là thi hành cái lệnh của ngài mà thôi.

Quan sơ bọn lính biết chuyện thì mình thêm xấu hổ, liền đuổi Xiển ra ngoài.

26. CHỬI ÁN TIÊU

Bị chơi nhiều vồ đau quá, quan huyện dò măi mới biết là Xiển, tức quá, nhưng có ý muốn gây chuyện cũng không được, vì ông là người khác huyện. Lão huyện bèn đem chuyện ấy nói với Án Tiêu và tỏ ý nhờ quan thầy trả thù hộ.

Lần ấy, Án Tiêu về quê ngoại là làng Yên Lược ăn giỗ. Lão bắt dân làng Yên Lược phải dọn dẹp đường sá sạch sẽ, mang cờ quạt đón rước thật long trọng. Sáng sớm mai Án Tiêu mới về, thì chiều nay đường làng đã được quét sạch như chùi, cây cối hai bên đường đều phát quang cả. Gà gáy, Xiển dậy lấy cút chó đem ra đường cái, cứ cách một quãng lại bỏ một bã, bã nào cũng cắm một quả ớt lớn (Thanh Hóa gọi ớt là "hạt tiêu"). Sáng ra, khi mọi người kính cẩn đón rước Án Tiêu, Xiển vác cờ đi trước, cứ hé trông thấy bã cút nào có cắm quả hạt tiêu, là ông chửi : "Tổ cha đứa nào ỉa ra tiêu". Án Tiêu nằm trong cáng nghe, biết là Xiển chửi mình, nhưng không đủ lý lẽ để bắt bẽ,

đành gọi bọn lý hương lại quở trách không đòn đốc
dân phu quét dọn đường sá cho sạch sẽ và bảo chúng
truyền lệnh rằng : "Quan án trong người khó ở, mọi
người không được to tiếng, ôn ào".

27. HÚT THUỐC LÁ

Quan Phủ Khiếu mời Xiển đến chữa bệnh cho
người nhà, Xiển vừa đến nơi, quan vồn vã.

- Mời cụ ngồi hút thuốc.

Xiển nghĩ bụng "Hôm nay quan tử tế gớm nhỉ", rồi
Xiển đến sắp gụ ngồi với các bạn của quan. Quan phủ
vẫn một điếu thuốc lá tổ sâu, một đầu nhọn như cái
đinh, mời Xiển hút. Xiển cầm đóm đốt đầu nhọn,
ngậm đầu kia, ai cũng bật cười.

Quan bảo :

- Sao cụ lại hút đầu ấy, phải đầu này mới được chứ.

Xiển giả vờ :

- Chết nỗi, lầm ! Vâng, hút đầu này mà châm đóm
đầu kia thì nó tắt "khiếu"⁽¹⁾ lại phải không !

Quan Phủ Khiếu biết Xiển xỏ mình nhưng lờ đi.

⁽¹⁾ Xiển chơi chữ "khiếu" vừa là mũi, vừa là tên quan phủ.

28. BÀI THƠ HAY

Một hôm, nhân có quan phó sứ sơn phòng đến chơi, quan huyện ngâm một câu đố, rồi hỏi thầy đồ :

- Ta ngâm có hay không ?

Thầy đồ trả lời :

- Dạ, bẩm quan lớn hay lăm ạ !

Quan phó sứ sơn phòng cũng gật đầu tỏ vẻ đồng tình. Bỗng đầy tớ chạy vào bẩm rằng có người muốn vào gặp quan huyện. Quan huyện tưởng là bạn đến chơi, nhưng trông ra thấy không phải, liền cau mặt nói với tên đầy tớ :

- Mày ra hỏi xem họ cần gì ?

- Bẩm quan lớn, người ấy xưng là học trò ạ.

Đang lúc say sưa bình văn, nên quan huyện đồng ý cho người học trò vào.

Người học trò lẽ phép thưa :

- Bẩm cụ lớn, con là học trò nghèo, lỡ độ đường nhân đi qua đây xin vào mừng cụ lớn.

Quan huyện tưởng người học trò chỉ vào kiếm bữa chén nên gật đầu. Thầy đồ vốn hay nịnh vội xen vào :

- Anh có hay chữ lăm không ?

- Dạ bẩm, con cũng biết tí chút.

Thầy đồ nịnh quan huyện :

- Bẩm quan, xin quan cho anh ta làm một bài thơ mừng.

Quan gật đầu, sai đầy tớ làm cơm rượu, lấy giấy bút cho người học trò làm thơ. Anh học trò cầm bút, nhưng cứ ngồi thử ra chữ không viết lách gì cả. Giữa lúc ấy, đầy tớ lại vào trình quan có khách. Quan huyện, quan phó sứ sơn phòng, thầy đồ đi ra để người học trò ngồi một mình. Ngồi một lúc, người học trò cúi xuống viết lia lịa. Viết xong anh ta gấp tờ giấy hồng điếu lại làm bốn, đút dưới đít mâm rượu rồi nói với đầy tớ :

- Anh bẩm với quan, tôi xin ra ngoài một chút; chốc tôi vào.

Khi quan huyện, quan phó sứ sơn phòng, thầy đồ vào thì chỉ thấy có mâm rượu. Quan phó sứ sơn phòng nói : "Chắc tay này dốt lắm, làm không nổi thơ, lủi rồi". Không bỏ lỡ cơ hội, thầy đồ nhìn quan huyện nịnh : "Làm sao hắn dám múa rìu qua mắt thơ". Còn quan huyện thì cười khẩy tỏ vẻ đồng tình với cả hai lời nhận xét ấy. Rồi quan huyện sai đầy tớ dọn cơm rượu xuống nhà dưới, đầy tớ vừa bưng mâm lên, một tờ giấy rơi xuống chiếu, quan huyện dở ra đọc : Tờ giấy có bốn câu thơ rằng :

Cha tri huyện Yên Dũng

Con huyện Hòa Cai tổng

Phó sơn buôn nửa hồng

Thầy đồ lay cột cổng.

Đọc xong mặt quan đỏ như gấc, Quan sai lính tìm bắt người học trò làm bài thơ này, nhưng người học trò đã đi xa. Người học trò ấy chính là Xiển.

29. CHƠI XỎ QUAN HUYỆN HOÀNG HOÁ

Quan huyện trấn nhậm ở Hoằng Hóa là người Quảng Nam, nổi tiếng gian ác, tham lam. Khi về Hoằng Hóa nhậm chức, y treo đôi liễn đối sơn son thếp vàng, một bên là “Ngũ hành chính khí” và bên kia “Nhất lộ phúc tinh” có ý tự đê cao mình mang khí thiêng núi Ngũ Hành và chỉ có một con đường làm phúc cho thiên hạ.

Xiển biết chuyện, bèn lừa lúc quan đi vắng, đến viết thêm vào đôi câu đối. Hôm quan về thấy đôi câu đối của mình bị sửa thành :

Mắt trắng dã, môi thâm sì, dám tự chiếm Ngũ Hành chính khí.

Gãm như sâu, khoét như mọt, cả gan đè nhất lộ phúc tinh.

Đọc xong, mặt tái nhợt, quan gọi lính hỏi :

- Đứa nào chữa câu đối này ?

- Bẩm quan, người viết thêm vào hai câu ấy là quan, dạ quan ấy nói là bạn của quan ạ.

- Quan xưng danh là gì ?

- Dạ... Quan Xiển ạ.

Lính vừa nói xong bị quan nọc ra đánh một trãm roi. Vừa đánh quan vừa nói :

- Quan, Quan Xiển !

Quan huyện biết là bị Xiển chửi nhưng không làm gì được đành trút nỗi giận lên đầu tên lính hầu.

Sau lần Xiển đổi liên đới, quan liền đốt ngay liền đồi ấy đi và treo thay vào một bài thơ xướng họa. Y rất hài lòng về bài thơ đó. Bởi trong bài thơ, y tự đề cao có "nhân đức" đối với dân. Bài thơ :

Mười sáu năm trời ở với dân

Một lòng nhân đức chẳng sai phân

Nào ai có việc quan đòi hỏi

Cứ việc tướng khai chẳng ngại ngần.

Nhưng bài thơ đó được treo chưa bao lâu, Xiển lại biết. Và đợi quan đi vắng, Xiển lại đến họa lại như sau:

Mười sáu năm ở với dân

Một lòng bạc ác chẳng sai phân

Nào ai có việc quan đòi hỏi

Tiền bạc vô quan chẳng kể ngần.

Lần này quan lại trút nỗi giận lên đầu tên lính hầu. Và từ đấy quan huyện không dám treo liền đồi, thơ xướng họa nữa.

30. ĐỐI

Mỗi lần sinh nhật, quan phủ Thọ đều bày vẽ ăn uống linh đình, mời các quan bạn bè xa gần đến chè chén. "Trời mưa có đất chịu", mọi khoản tốn kém quan đều đổ lên đầu dân.

Một lần, vào ngày sinh nhật quan phủ, các quan bạn đang nâng chén chúc quan trưởng thọ thì Xiển đến.

Thấy Xiển ăn mặc lôi thôi lếch thêch, quan phủ sai lính ra đuổi. Xiển vội vàng bỏ khăn gói, quì xuống, lạy ba lạy thưa :

- Bẩm quan, con là học trò đi thi, qua đây con được biết hôm nay là ngày sinh nhật của quan, nên xin vào chúc mừng quan thượng thọ rồi con đi ạ.

Nghe Xiển nói, quan nguội giận bảo :

- Được, học trò thì ta tha, nhưng ta ra cho một vế đối, không đối được ta sẽ đánh đòn.

Nói đoạn, quan phủ Thọ nhìn hai quan bạn có ý mời ra vế đối. Một quan rung đùi đọc dõng dạc :

Ba quan ngồi uống rượu.

Quan phủ Thọ đặc ý, giục Xiển :

- Đối !

Xiển nhìn thấy bốn con chó chồm hổm chịu cơm, liền đọc ngay :

- *Bốn chó đứng chịu cơm.*

Nghe Xiển đối, các quan tím mặt nhưng không làm gì được vì Xiển đối rất chỉnh.

31. CHỦI QUAN HUYỆN TIỀN

Tri huyện Thiệu Hóa tên là Tiền, tham nhũng có tiếng. Xiển nghĩ mưu chửi cho bớt thói ăn cướp của dân.

Một hôm, Xiển ăn mặc như một người nông phu, tay cầm một nắm tiền ngồi trước cổng huyện đếm từng đồng, Xiển lẩm bẩm, đồng này tốt, đồng này xấu, cứ như người già ấy. Tên lính gác cổng thấy thế chạy lại xem, cho là lão già này lẩm cẩm liền cướp mấy đồng tiền, chạy vào trong cổng huyện.

Xiển đuổi theo tìm được hắn, kêu cướp ầm lên. Quan huyện Tiền nghe tiếng chạy ra xem, sai lính giải Xiển vào công đường xét hỏi. Xiển vờ ấp úng, hết chỉ vào quan, lại chỉ vào lính rồi mình và nói :

- Bẩm, bẩm... quan quân ăn cướp, tôi đang đếm tiền thì bẩm, bẩm... quan lính thấy tiền là cướp. Chao ôi, thấy tiền, tiền, tiền là thấy ăn cướp. Tiền, tiền mà cha thằng ăn cướp !

Huyện Tiền biết ngay là gấp phải tay Xiển nên vội đánh trống lảng, quát tháo ầm ī, bắt tên lính phải trả

Xiển mấy đồng tiền đã cướp rồi ra lệnh lôi Xiển ra khỏi huyện đường.

Vừa đi ra, Xiển vừa ngoài lại chửi :

- Tiềng, tiềng thấy tiềng là thấy cướp, mà cha thằng ăn cướp tiềng.

32. CÂU ĐỐI TIỀN QUAN

Quan phủ Thọ được thăng chức, sắp lên đường nhậm chức mới, nên mời Xiển và một số quan bạn đến uống rượu chia tay. Trong bữa tiệc, quan phủ Thọ dương dương tự đắc khoe với mọi người bước đường hoạn lộ của mình luôn luôn được quan trên cất nhắc.

Nhân lúc vui, Xiển xin phép được tặng quan một câu đối để ghi công đức ngài trong thời gian trị nhậm phủ nhà. Ý Xiển được mọi người tán thưởng, Xiển liền hắng giọng đọc ngay :

- *Vi phủ liêu, vi học chánh, vi đường quan chủ khảo cách tự trung sơn⁽¹⁾*

Đọc đến đây Xiển dừng lại. Mọi người chờ Xiển đọc tiếp, nhưng Xiển nói về thứ hai dành hôm quan lên đường đọc mới có ý nghĩa.

⁽¹⁾ Làm quan phủ, làm học chánh, làm đường quan chủ khảo, mỗi chức quan cao như một tầng núi.

Mấy ngày sau gia đình quan phủ Thọ chuyển hết gia tài xuống thuyền, khi thuyền sắp nhổ sào rời bến, Xiển mới tất tưởi chạy đến. Thấy Xiển, quan phủ Thọ vỗ vai nói :

- Ông còn nợ tôi về đối đãi đấy nhá !

- Dạ, bẩm quan, tôi xin trả.

Xiển hăng giọng, đọc oang oang :

*Phi ôn hoàng, phi dịch lệ, phi thần khí ma vương,
cô châu tống hải⁽¹⁾*

Xiển đọc xong, mặt quan tím như cục tiết gà. Quan vội vàng quát lính nhổ sào tách thằng.

33. CHỦI TRI HUYỆN THẠCH

Tri huyện Thạch nổi tiếng gian ác và hơm hĩnh. Một hôm tri huyện đi qua bến đò Thạch, đang ngồi chờ đò ở bờ, thấy một chàng trẻ tuổi đang nghịch nước dưới bến làm nước bắn cả vào người quan, quan liền sai lính bắt lên hỏi :

- Mày lớn đâu thế mà còn nghịch ngợm, làm bắn cả nước lên người quan.

⁽¹⁾ *Đưa ôn hoàng, đưa dịch lệ, đưa thần khí ma vương, tất cả trên
chiếc thuyền tống ra bể.*

Chàng trai tuổi - chính là Xiển - thưa :

- Bẩm quan, con là học trò, chờ qua đò, mới xuống rửa chân.

Quan huyện thấy anh học trò ăn nói lưu loát, phong thái đàng hoàng thì nạt :

- Nếu là học trò thì ta ra cho một câu đối, đối được thì tha, không thì phải đánh đòn.

Rồi quan đọc :

- *Quan huyện Thạch qua bến đò Thạch.*

Xiển vò đầu vò tai ra vẻ suy nghĩ rồi xin phép đối :

- *Con chó vàng ăn cục cút vàng.*

Quan huyện tím mặt, đành tha cho Xiển đi.

34. MƯỢN NÓN DỨA CỦA QUAN

Quan huyện vốn kéo kiệt, nhưng lại muốn con hay chữ nên mời bằng được Xiển đến dạy học. Xiển không muốn dạy, nhưng lệnh quan khó lè chối từ. Vì thế Xiển tìm mọi dịp để xỏ quan cho bõ ghét. Một hôm Xiển dạy học xong ra về thì trời mưa. Xiển vào hỏi mượn quan cái nón dứa. Quan tiếc nón, nhưng lại nể thầy dạy học nên đành đưa cho mượn và dặn :

- Thầy dùng xong, cắt đi cẩn thận rồi đem trả tôi nhé.

Bữa sau đến dạy học, Xiển vào cảm ơn quan huyện cho mượn nón, rồi mở tráp lấy cái nón dứa gấp nhỏ lại đưa ra trả.

Quan huyện xót ruột nói :

- Trời ơi ! Thầy gấp thế hỏng hết nón của tôi rồi !

Xiển khoan thai đáp :

- Thì hôm trước quan chả dặn tôi về phải cất đi cẩn thận đem trả quan là gì !

35. TRI HUYỆN THẰNG

Tri huyện Lê Kim Thằng tính hống hách, đi đến đâu cũng bắt dân chúng đón rước, phục dịch rất là phiền nhiễu. Hôm đó, tri huyện đến làng Xiển Bột. Xiển Bột chạy về nhà, lấy áo thụng đỏ của cố nội mặc vào, rồi chạy lăng xăng quanh chõ đón quan. Thấy ngộ nghĩnh, quan huyện sai lính bắt lại hỏi, mới biết đây là cậu học trò làng Hoằng Bột, tên Xiển. Vì cậu là học trò, quan bắt cậu làm cậu đối. Nhân thấy cậu mặc áo đỏ, quan đọc :

- Áo đỏ phết cút trâu.

Cậu đối luôn :

- Lợn xanh che đít ngựa.

Quan huyện giận tái mặt, nhưng gương cười ra vẻ khoan dung nói :

- Được, bây giờ mày phải đối tiếp câu này. Ngừng một lát, thấy tóc Xiển Bột hoe hoe đỏ, quan đọc : "Học trò là học trò con, tóc đỏ như son là con học trò".

Xiển Bột ứng khẩu ngay :

- *Tri huyện là tri huyện Thằng, miệng nói lèng nhèng là thằng tri huyện !*

Huyện Thằng uất đến nghẹn họng, nhưng vì Xiển đối rất chỉnh không bắt bẻ vào đâu được, đành nín lặng.

36. QUAN ĐẤY !

Tri huyện Hoằng Hóa vốn hách dịch, lại còn huênh hoang, lên mặt hay chữ. Một hôm gần Tết, Xiển thấy lính dẹp đường cho quan huyện cùng với vợ con đi chợ. Xiển liền về nhà ôm một con chó con đứng ra nghêu nghện ngay ở cửa chợ gần chỗ vợ chồng quan mua bán.

Mọi người tưởng Xiển bán chó, hỏi bao nhiêu thì Xiển chỉ ngay vào con chó và nói :

- Quan đấy, quan đấy !

(quan vừa có nghĩa là quan tiền, vừa có nghĩa là ông quan).

Quan huyền trông thấy, biết Xiển nói xô mình, tức lầm sai lính bắt đến hỏi :

- Mày là con cái nhà ai mà ăn nói vô lễ thế hả ?
- Bẩm quan, con là chắt cụ Trạng Quỳnh ạ !

Quan đã có ý nể, nhưng nhân đó hạch ngay :

- Chắt cụ Trạng Quỳnh ăn phải hay chữ. Ta ra cho một câu đối, đối được thì tha, không đối được thì phải đánh đòn.

Quan đọc về đối có ý nạt nộ :

- Roi thất phân đánh đít mẹ học trò.

Xiển hỏi :

- Bẩm lợng đối với roi có được không ?

- Được !

- Thế đầu đối với đít, cha đối với mẹ có được không ạ !

- Được ! Thôi đối đi không được hỏi lăng nhăng nữa.

Xiển liền đối ngay :

- Lòng bát cống che đầu cha quan lớn.

Câu đối đã chỉnh mà lại hàm ý chửi cha quan nữa.

Quan giận lầm, nhưng trước mặt đám đông, câu đối hay như thế, bẻ vào đâu được, đành tha Xiển.

37. BÀ HUYỆN ĐỘNG THAI

Một bà huyện có mang, trượt chân, thai lệch một bên nên đau bụng. Quan huyện mời thầy thuốc Xiển đến. Xiển bảo mang ra ba bát đỗ, rồi sai quét dọn ba gian nhà thật sạch, rải đỗ khắp nơi. Xiển bắt bà huyện phải vừa đi vừa nhặt từng hạt đỗ, còn quan huyện thì phải đi sau quạt. Sau khi nhặt hết ba bát hạt đỗ ấy, Xiển cho bà huyện lên giường ngủ một giấc. Thế là khỏi bệnh. Hôm ấy, quan huyện phải một bữa mệt lử người, nhưng vẫn không ngớt lời khen cụ Xiển chữa bệnh tài, Xiển nghe không nói gì, chỉ tум tím cười.

38. TRI PHỦ TRẦN ĐỨC PHƯƠNG

Quan phủ Trần Đức Phương vốn quê ở Huế, được bổ đến phủ Thọ Xuân. Phương là một tay độc ác, hống hách khét tiếng, nhưng đến khi Thọ Xuân, nghe nói có cụ Xiển là một lão nho uyên bác, lại có tài chữa bệnh thì nghĩ rằng : "Mình làm việc quan ở đây, tất phải có ngày nhờ đến cái lão già này, âu là mình đến thăm lão ta trước, khiến lão phải cảm kích tấm lòng tốt

của mình, sau này hẽ mình cần đến, tất lão sót sắng giúp ngay".

Xiển thấy đột nhiên có lính đến báo là có quan phủ mới đến thăm, biết ngay là tay này cũng ghê gớm lắm đây. Ông gọi người nhà dặn nhỏ mấy câu rồi cứ ngồi trên giường đọc sách như thường. Khi quan phủ vào đến hè, Xiển mới chạy ra đón. Ông không mời quan vào nhà, cứ đứng ngoài hiên quát :

- Chúng bay đâu cả rồi, mau quét giường trải chiếu để tiếp quan lớn !

Anh người nhà giũ giường đậm chiếu xong, Xiển bảo :

- Không được, quan lớn thay mệnh triều đình về đây mà lại ngồi cái chiếu tồi tàn này à ? Lấy chiếu hoa cạp điếu ra đây !

Anh người nhà thưa :

- Bẩm ông, trong nhà không có ạ !

Xiển trừng mắt :

- Không có thì đi mượn !

Anh người nhà hối hả chạy đi, lúc sau, mang về một chiếc chiếu cạp xanh. Xiển mắng :

- Đồ ngu ! Tao bảo mượn chiếu cạp điếu kia mà !

Tri phủ Phương thấy Xiển làm thế, tưởng ông thực bụng kính trọng mình. Y làm ra vẻ giản dị.

- Thôi cu a ! Chiếu nào ngồi chả được !

Xiển không nghe, hét tướng lên :

- Đồ quān ăn hại ! Ai lại để quan lớn ngồi chiếu cạp xanh bao giờ ? Đi mượn ngay chiếu cạp điếu. Mau!

Anh người nhà lại tắt tả chạy đi, nhưng không phải chạy đi mượn chiếu, mà là chạy sang hàng xóm ngồi chơi. Tri phủ Phương thấy phải chờ lâu quá, sốt cả ruột. Xiển cũng giả vờ sốt ruột chạy đi chạy lại lăng xăng, luôn miệng hò hét đầy tớ. Tri phủ Phương cứ phải đứng mãi ngoài hiên, mỏi cả chân, đành phải bảo quān lính sửa soạn ra về.

39. NGHÊNH TIẾP QUAN TỔNG ĐỐC

Có một người thuở thiếu thời vốn là bạn học với Xiển. Về sau, người này ra làm quan, nhờ nịnh hót, dần dần được thăng tới chức tổng đốc. Một hôm đi chơi xa về, qua làng Yên Lược gặp trời mưa, quan tổng đốc hỏi thăm vào nhà Xiển để trú mưa. Nghe tin y sắp vào đến ngõ nhà mình, Xiển khoác vội túi nón, chạy ra vái dài một cái và nói :

- Bẩm quan lớn, ngài không cho biết trước thành ra chưa sửa soạn kịp các thứ để nghênh tiếp ngài. Xin ngài đại xá cho và chờ tôi đi sửa soạn các thứ vậy.

Quan tổng đốc chưa kịp trả lời, Xiển đã chạy vụt đi. Nhìn vào cửa nhà Xiển, thấy đóng kín mít, gọi mãi

chẳng ai thưa, y đành cứ phải ngồi trên cát ở ngoài trời mưa. Trời mưa mỗi lúc một to, quan tổng đốc cùng mấy người lính không biết làm thế nào được, ở lại cũng khổ, mà đi ra cũng khổ. Hồi lâu, mới thấy Xiển đội một cái hương án lù lù về, đặt xuống trước mặt quan. Xiển cứ để cả tai nón, quỳ xuống vái van tổng đốc một cái rồi kính cẩn nói :

- Xin kính mời quan lớn quá bộ vào nhà !

Quan tổng đốc ướt như chuột lột, nước lạnh ngâm vào người, run cầm cập. Thay quần áo xong, sưởi lửa một lúc, quan mới hoàn hồn, bèn tỏ ý trách Xiển là chỗ bạn bè với nhau, sao khéo vẽ chuyện nghênh tiếp cho phiền.

Xiển vẫn khum núm thưa

- Dạ, lạy quan lớn ! Cổ nhân có câu : "nhất tự cách trùng", kể chi là chuyện bạn bè hồi nhỏ. Bây giờ ngài là bậc đại quan, con là kẻ dân quê, lẽ nào lại dám không nghênh tiếp quan cho đúng lễ.

40. XIỂN VÀO DINH TỔNG ĐỐC XIN TIỀN

Gặp lúc hỏng thi, Xiển và mấy anh em bạn đồng môn ngồi buồn rười rượi trò bù khú với nhau. Anh em đều biết Xiển có tài ứng đối, liền thách Xiển vào xin tiền quan tổng đốc.

Bấy giờ, tổng đốc Thanh Hóa, khét tiếng là một người hiếu sát, Xiển bắt anh em giao kèo : Nếu xin được tiền thì anh em cứ tính một đèn thành ba, nghĩa là anh em cứ phải trả cho Xiển một số tiền gấp ba lần số tiền Xiển xin được của quan. Nếu không dám xin, hoặc xin không được thì Xiển phải thết anh em một bữa no say. Tưởng dùa cho vui, nào ngờ Xiển vào tận dinh quan. Ai nấy chắc phen này Xiển sẽ làm ma không đâu.

Buổi sáng ấy, quan vừa ra công đường, đã thấy Xiển què ở ngoài sân. Quan quắc mắt hỏi :

- Thằng kia ! Mày đến đây có việc gì ?

Xiển thưa :

- Bẩm cụ lớn, con muốn nhờ tay cụ lớn hóa kiếp cho con !

Quan quát :

- Mày muốn chết à ?

Xiển trịnh trọng nói :

- Bẩm chính thế a. Con nghe nói gươm cụ lớn sắc lăm, nên muốn xin cụ lớn một nhát để hồn về chín suối cho được mát mẻ.

Quan gắt :

- Thật là điên, cuồng, ngu, ngộ. Vì sao mày lại muốn chết ?

Xiển đáp :

- Bẩm cụ lớn, con là học trò thi hỏng, nhà lại nghèo, nghiệp đèn sách chẳng ra sao, nghĩ tủi thân hổ phaten, chả muốn sống nữa.

Quan thấy Xiển dáng người nho nhã, lại đối đáp đâu ra đây một cách bình tĩnh, liền bảo :

- Nếu học trò giỏi mà thi hỏng thì cũng còn đáng thương, nếu vì dốt mà hỏng lại đòi chết nữa thì cũng đáng đời. Ta thử xem mày hỏng vì dốt hay vì số phận rủi ro. Vậy mày hãy ứng khẩu một bài thơ lấy đề là : “đIÊN, CUỒNG, NGU, NGỘ” ta xem.

Xiển vâng lời, ứng khẩu đọc một hơi, mỗi câu đều có một trong bốn chữ của đầu đề :

Cao tổ điên hào kiệt

Võ Đế ngộ thần tiên

Tăng Điểm cuồng thiên địa

Nhan Tử ngu thánh hiền⁽¹⁾

Nghe xong, quan biết Xiển có ý xỏ ngot mình, song thấy Xiển là kẻ xuất khẩu thành chương, kinh điển lìu lìu, văn thơ hàm súc, tỏ ra là người học thức

⁽¹⁾ Sự tích điển cố trong bốn câu thơ sau : Các nhà chép sử Trung Quốc nói về Hán Cao Tổ có câu : “ĐIÊN đảo hào kiệt, mạc trí đoan nghê”. Nghĩa là “Hán Cao Tổ làm cho người hào kiệt phải điên đảo, ngả nghiêng theo không biết đường nào mà xoay xở”. Bốn câu thơ này thật khó dịch. Theo ý tên tổng đốc thì bốn chữ : “đIÊN, NGỘ, CUỒNG, NGU” chỉ có nghĩa thông thường cho Xiển là đồ điên dại, ngông cuồng lại u mê, ngu xuẩn. Nhưng bài thơ của Xiển thì bốn chữ ấy có ý nghĩa trái ngược hẳn lại. Xiển có ý muốn bảo quan : “dừng có khinh người”, dừng có xem thường tôi là điên, cuồng, ngu, ngộ. Điên, cuồng, ngu, ngộ là những bậc thánh hiền, những bậc vĩ nhân xưa nay ai cũng phải khâm phục.

rộng, có khí phách, liền thường cho ba chục quan tiền bảo lui về.

Thế là từ đó, ngoài cái tên Xiển Bột còn có một cái tên nữa là Xiển Ngộ.

41. XIỂN LẠI VÀO XIN TIỀN QUAN TỔNG ĐỐC

Một lần khác, mấy người bạn đồng môn lại thách Xiển vào quan tổng đốc xin tiền. Lần này Xiển giao kèo.

- Nếu tôi xin được tiền thì anh em sẽ phải đền cho tôi gấp 10 lần, nếu tôi không xin được thì tôi sẽ khao anh em hai tuần rượu.

Nói rồi, Xiển mang khăn gói vào dinh quan. Bấy giờ dinh thự quan tổng đốc vừa xây xong, cổng ngoài và bình phong còn xông mùi vôi vữa. Xiển đang đứng ngắm nghĩa cái cổng và bức bình phong thì quan ra, thấy vậy quan hỏi :

- Thằng kia ! Mày đến đây có việc gì nữa ?

Xiển thưa :

- Bẩm cụ lớn ! Vợ con chạy vạy mãi mới vay được mươi quan tiền cho con đi thi, nhưng con lại trượt, bây giờ về thì xấu hổ với vợ con, với làng xóm nên con muốn nhờ tay cụ lớn...

Xiển nói chưa hết câu, quan tổng đốc vội vàng hỏi:

- Mày muốn chết chứ gì ? Được, nhưng săn giấy bút đây hãy làm một câu đối nói về dinh thự của ta, rồi chết cũng chưa muộn.

Quan sai lính đem bút lông và giấy hồng điều ra,
Xiển thưa :

- Bẩm cụ lớn ! Con xin cụ lớn một chậu mực và
một cái bút lông to ạ.

Khi đã có bút mực vừa ý, *Xiển* xắn tay áo viết lên
bức bình phong đôi câu đối sau :

*Môn dung cái, hộ dung xa, phong cảnh siêu nhiên
trần thế ngoại.*

*Dấu khả phong, đình khả nguyệt, tâm tình tự tại cổ
châu Trung.*

Nghĩa là :

"Cửa dung được lọng, cổng nạp được xe, phong
cảnh này vượt ra ngoài cõi trần."

Cửa sổ gió luôn vào, nhà trăng chiếu xuống, lòng
lúc nào cũng canh cánh nhớ đến quê hương".

Thấy đôi câu đối của *Xiển* nói lên được cảnh giàu
sang phú quý và tấm lòng nhớ quê hương, làng xóm
của mình nên quan tổng đốc cho làm cơm rượu thết
đãi *Xiển* rất hậu, lại cho 60 quan tiền đem về.

42. MẸ TRÒN CON VUÔNG

Về già, Trạng Ngộ làm nghề thuốc và nổi tiếng là thầy lang giỏi. Các quan đua nhau đến nhà ông xin đơn, bốc thuốc. Lúc ấy, trong nhà quan phủ Thọ Xuân bỗng dung cả vợ và con quan cùng bị ốm, mà ốm rất nặng. Quan sai lính đến nhà Trạng Ngộ bốc thuốc. Nghe kể bệnh xong, ông cân thuốc, gói thành hai gói và giục đem nhanh về sắc cho người bệnh uống. Thầy thuốc đem về, quan hỏi : "Gói nào của bà, gói nào của cô?", thì anh lính đờ mặt ra, nói rằng không biết. Quan lật xem gói thuốc thì chỉ thấy một gói có vẽ hình tròn, một gói vẽ hình vuông. Quan chả hiểu đâu đuôi ra làm sao cả, bèn sai lính đem vống rước thầy thuốc đến hỏi. Tới nhà quan phủ, thầy lang Ngộ vờ quát mắng dùng dùng :

- Thật là ngu như lợn ! Trong thuốc ta còn gửi lời chúc sức khỏe nhà quan, thế mà đứa cầm thuốc về không biết mở mõm ra bảo. Vừa nói, ông vừa lật hai gói thuốc ra chỉ vào hình vẽ : Chẳng chúc quan mẹ "tròn", con "vuông" là gì đây ! Thật là ngu như lợn ! Nói xong ông kính cẩn dâng thuốc cho quan phủ và tiếp : Bẩm quan, gói có hình tròn là của quan bà, gói có hình vuông là của quan cô.

43. MỪNG THỌ

Quan tỉnh mở tiệc mừng thọ. Hôm ấy có viên công sứ Pháp, viên quan huyện và Trạng Ngộ cũng được mời tới dự. Vốn hay nịnh bỉ trên, tri huyện thì thầm với Trạng :

- Bác với tôi nguyên là dân văn chương, lại là khách của quan tỉnh, lẽ nào ta không có thơ mừng thọ ngài ?

Ngộ gật gù đồng ý và nói thêm :

- Ngài hay chữ, tôi hay văn, tôi đọc ngài viết, hai ta hiệp sức cùng làm.

Quan huyện khoái lắm, thưa ngay ý đó với quan tỉnh. Quan tỉnh rất hài lòng, sai người lấy ngay giấy mực. Quan huyện trải giấy ra giữa nhà, phủ phục xuống chờ Trạng đọc cho để viết. Trạng Ngộ cứ ngồi chén tì tì, thỉnh thoảng mới đọc một chữ. Quan huyện vừa đói vừa sốt ruột, nhưng không dám giục. Mãi khi tiệc tàn, câu đối mừng thọ mới xong. Trạng Ngộ bảo quan huyện treo lên, rồi rung dùi ngâm nga đọc lại : “*Năm kia xuân, năm ngoái xuân, năm nay xuân, xuân bất tái. Ông tỉnh thọ, ông Tây thọ, ông huyện thọ, thọ vô cương*”.

Thế là hôm đó, quan huyện bị một bữa đói, đành nuốt hận ra về.

44. XIỂN XIN TIỀN ĐI THI

Sắp đến kỳ thi, Xiển cầm đơn đến lý trưởng xin triện chứng để nhập trường. Lý trưởng làng Yên Lược đòi ăn tiền, Xiển không chịu. Ông cầm đơn lên quan tổng đốc Vương Duy Trinh. Vừa thấy Xiển, Vương Duy Trinh nói ngay :

- *Duy tiền nhi dĩ⁽¹⁾*

Xiển giải :

- *Tự tư hưởng hậu giải như thủ, trừ gia huynh ngoại, bất kể thân sơ⁽²⁾*.

Thấy Xiển giải lời mình thông suốt, tổng đốc Vương Duy Trinh ra một vế đối thử tài Xiển :

- *Trông thấy cầm đơn quì giữa cửa⁽³⁾*,

Không ngờ Xiển đối ngay :

- *Bói xem để cửa ở bên cây⁽⁴⁾*.

⁽¹⁾ Mọi việc đều phải có tiền mới giải quyết được.

⁽²⁾ Nghĩa là, từ nay về sau đều như thế, trừ anh em ruột thịt, còn bất kể quen biết hay không đều phải có tiền mới giải quyết được.

⁽³⁾ Nghĩa là Xiển, Xiển gồm hai chữ ghép lại : chữ *môn* và chữ *đơn*.

⁽⁴⁾ Nghĩa là *Trinh*, chữ *Trinh* gồm 3 chữ ghép lại : Đó là chữ *mộc* (cây), chữ *bóc* (bói), chữ *bối* (cửa, tiền của).

Về đồi của Xiển đặt Xiển ngang hàng với tổng đốc Vương Duy Trinh. Vương Duy Trinh biết Xiển ngạo mạn nhưng đành phải nói :

- Mày thông minh nhưng xác xược lắm !

45. LỜI TRỐI CỦA CỤ CỐ

Tiếng đồn Trạng Ngộ là chắt nội của Trạng Quỳnh đến tai vua. Nhân chuyến tuần du ra Bắc, qua tỉnh Thanh, vua đòi Trạng Ngộ đến hầu. Vua bắt ông phải kể lại tất cả hành trạng của cụ cố Trạng Quỳnh, nào là thuở bé học hành ra sao, thi cử như thế nào, đỗ trạng năm nào, mất năm bao nhiêu tuổi. Khi mất có gặp mặt đầy đủ con cháu không ? Cuối cùng, vì muốn biết ý nguyện của Trạng Quỳnh trước khi chết, vua hỏi :

- Trước khi mất, cụ cố Quỳnh có trăng trối lại điều gì không ?
- Tâu chúa thượng, có ạ. Ông trả lời.
- Vậy ngươi hãy kể lại cho ta nghe.
- Bẩm chúa thượng... - Trạng Ngộ ngập ngừng.
- Người cứ nói !
- Bẩm con không dám.

Vua gặng hỏi đến năm sáu lần mà Trạng Ngộ vẫn không chịu nói. Cuối cùng, vua nghiêm nét mặt bảo :

- Ta ra lệnh cho nhà ngươi phải nói !

Trạng Ngộ bắt đầu kể :

- Biết thế nào cũng bị chúa Trịnh đầu độc, lần ấy cụ cố nhà con đã dặn dò người nhà cẩn thận rồi mới ra đi. Khi người trở về, cả nhà đau xót xúm quanh. Ông nội con hỏi cố có điều gì trăng trối lại không, cố chỉ lặng thinh. Ông con khóc lóc, van vỉ, gặng mãi thì cố nội con đang lầm lì bỗng nổi khùng quát : "Mả mẹ chúng bay, hỏi chi hỏi lầm rửa !", thế rồi cố nội con ngừng thở.

Vua biết bị chửi nhưng đành ngậm miệng.

46. CHỮ LỄ

Hoàng hậu ôm tháp tử nhất sinh, vua gọi Xiển vào chữa bệnh. Xiển kê đơn có một vị rễ cây mà chính tay nhà vua phải thân hành đi đào lấy, đem về sắc cho hoàng hậu uống.

Xiển đưa vua đi lấy rễ cây. Vua đi trước, Xiển theo sau. Trên đường đi, người nào gặp vua cũng kính cẩn vái chào, nhưng nhà vua không hề đáp lại. Đến lúc nhìn thấy một chú bé con từ xa đi lại. Xiển bèn chạy

vượt lên trước nhà vua và cúi đầu chào chú bé trước. Vua lấy làm lạ hỏi, Xiển thưa :

- Thần phải chào chú bé kia trước để thiên hạ khỏi chê là : lão già thế kia mà không biết chữ lẽ bằng thằng nhỏ.

47. SỞ CÂY, TỨ BÀNG

Lúc tuổi đã cao, vì không có con cái nên Xiển muốn xây cái sinh phần bèn mời xóm giềng đến, biếu mỗi nhà một quan tiền và ngỏ ý nhờ họ lo liệu giúp.

Sinh phần xây xong, Xiển bảo trồng chung quanh bốn cây bàng, một cây sở, một cây cậy. Mọi người đều không hiểu tại sao ? Có người đánh bạo hỏi Xiển, ông nói :

- Tứ bàng sở cậy, là khi tôi sống, bốn bên láng giềng nhờ tôi bốc thuốc chữa bệnh, dạy dỗ con cái. Còn "Sở cây tứ bàng" là khi tôi quy tiên, tôi phải cậy nhờ lại xóm giềng lo liệu, chôn cất.

Nghe Xiển nói vậy, ai nấy đều khôn xiết cảm động.

48. TỨ CHỨNG NAN Y

Trạng Ngộ ngày càng nổi tiếng trong nghề làm thuốc. Ông được vua vời vào cung và phong cho làm quan ngự y. Một hôm, vua đang dự cuộc đàn hát với các cung phi, quan ngự y hốt hoát chạy vào. Vua giật mình, hỏi hộp hỏi :

- Có việc gì mà quan ngự y hốt hoảng vậy ?

Ông quỳ xuống tâu :

- Muôn tâu thánh thượng, kẻ hạ thần này vừa đi dạo ngoài phố, bỗng nghe thiên hạ kháo nhau rằng thánh thượng bị bệnh "Tứ chứng nan y". Kẻ hạ thần vội vã về đây. Tâu thánh thượng, giữ gìn long thể là trách nhiệm của kẻ bê tôi.

Vua xua tay bảo :

- Trẫm vẫn an khang, nào có bệnh gì đâu. Chính khanh cũng thấy đấy, trẫm đang ca hát cùng các cung phi của trẫm. Nhưng "tứ chứng nan y" là bệnh gì vậy ?

- Thưa hoàng thượng, đó là què, đui, câm, điếc !

- Ô, thế thì càng không đúng. Ta vẫn đi lại trong cung, vẫn nhìn thấy khanh và vẫn nghe khanh nói đấy thôi !

- Vâng ! Quan ngự ý tiếp lời - Quả đúng như lời thánh thượng ban. Song ngẫm cho kỹ thì dân hàng phố nói cũng chẳng sai.

- Cơ sao vậy ? Quan ngự y nói cho ta nghe !

Bấy giờ quan ngự y Trạng Ngộ mới trình bày :

- Bởi vì quanh năm thánh thượng không ra khỏi cung, cho nên thiên hạ tưởng thánh thượng bị què nước đang mất mà thánh thượng vẫn ung dung đàn hát, nên thiên hạ tưởng thánh thượng đui, muôn dân căm thù giặc, vùng lên chống lại chúng mà thánh thượng vẫn lặng im, nên thiên hạ tưởng thánh thượng câm; thần dân lên tiếng đòi đánh giặc mà thánh thượng điềm nhiên ký hòa ước nên thiên hạ tưởng thánh thượng điếc. Thế thì lời thiên hạ đâu có sai.

Nghe xong, vua không nói gì, lặng lẽ quay vào hậu cung.

49. ĐỂ CỦA

Lúc Xiển đã già, biết mình chẳng sống được bao lâu nữa, một hôm Xiển gọi học trò bảo lấy bốn cái lọ đựng đầy cút đái rồi gắn kỹ nắp lại chôn ở bốn góc vườn.

Ít lâu sau Xiển mất. Xiển không có con nên ngôi nhà ngồi dạy học và mảnh vườn để cả lại cho làng. Bạn chức sắc đoán thế nào Xiển cũng có của chìm

chôn dấu vì có lần đã nghe trộm bọn học trò kháo nhau thấy chôn bốn lọ. Chúng kéo nhau đến nhà Xiển ra sức đào của. Đào bới khắp vườn từ sớm đến chiều, thì cuối cùng chánh tổng tìm được hai lọ, lý trưởng được một lọ, trưởng tuần được một lọ. Chúng không dám mở ra xem sợ người khác biết, vội vã bê về nhà, đem vào buồng kín mới mở. Lọ đất nung non, lại chôn lâu ngày dưới đất nên vừa cạy mấy cái đã vỡ toác ra, mùi cứt đáy xông lên nồng nặc. Chúng đi dò nhau mới biết tất cả đều bị Xiển lừa.

Vừa mất cả ngày đào bới, lại vừa bị xú uế khắp nhà, cả bọn tức nghẹn cổ. Chúng xả xói nhau :

- Tham cho lầm vào ! Tham cho lầm vào !

TRUYỆN CÁC TRẠNG

CÂU HAI HÓT

Thuở đó, dưới triều vua Thành Thái, ở kinh đô Huế, có một chàng trai có biệt tài là rất khéo mồm, khéo miệng. Ngồi nói chuyện, dù là đàn ông hay đàn bà, người già hay trẻ, chỉ trong chốc lát, anh ta khéo léo tán tỉnh, dắt dẫn câu chuyện như thế nào đó, làm người nghe bị chinh phục, bị mắc lừa và thua cuộc, hoặc phải chấp nhận cái tài của anh ta mà chịu đền. Có khi, người đối thoại với anh đã có ý thức cảnh giác vì đã từng nghe đồn đại về anh, thế mà rồi vẫn bị mắc lừa như thường. Lối tán tỉnh như vậy, tiếng Huế gọi là "hót". Vì vậy, người ta mệnh danh cho chàng trai này là anh Hai Hót.

Tiếng đồn về tài "hót" của anh đã vang đến tai nhà vua. Một hôm, vua Thành Thái cho lính tìm gọi anh vào cung, ra lệnh :

- Nghe nói anh có tài "hót" lắm. Vậy ngay bây giờ cho anh thi hót với ta, để ta xem. Nếu hót được thì ta cho ba lạng bạc. Nếu không chỉ là tuồng nói láo, không chém đầu cũng phải phạt tù.

Hai Hót nghe lệnh, hoảng kinh, đứng sững người như anh mắt hồn, nước mắt nước mũi ràn rụa, chừng như muốn ngã sấp xuống. Thành Thái lại quát :

- Nghe nói thường ngày anh liền l้า lăm kia mà. Sao bây giờ lại mất hồn mất vía như thế. Mặc kệ cứ phải hót ngay. Không hót ta chém đầu.

Hai Hót run rẩy như người lén cơn, cố hết sức lắp bắp :

- Dạ, muôn tâu bệ hạ, con xin hót chứ không dám vi lệnh bệ trên. Chỉ vì đột nhiên bị bắt vào nên con luống cuống. Lại thêm con vốn nghiện thuốc lào. Từ sáng đến giờ chưa hút, mấy thày đội cứ lôi thẳng con đi. Đến đây, nhìn thấy điều, thấy trà thuốc, cơn nghiện lại hành hạ làm con không sao đứng vững. Con không làm sao hót được. Xin ngài ngự chém đầu con đi.

Thành Thái vẫn nghiêm nghị, nhưng lại tỏ vẻ bao dung :

- Nghiện hử ? Thèm thuốc hử ? Đấy cho hút đi. Hút rồi phải hót mau !

Nhà vua sai thị vệ đưa điếu và cho cả thuốc nạp vào nữa. Đúng như anh nghiện gấp thuốc. Hai Hót vồ lấy, hút một hơi khoan khoái, phả khói ra, mặt mày tươi tỉnh hẳn lên. Xong hơi đầu, hắn còn rút tiếp một lúc nữa rồi mới buông điếu ra, hoàn toàn thỏa mãn. Tiếp đó lấy dáng điệu nghiêm trang hớn hở, chắp tay chờ lệnh nhà vua.

Thành Thái giục :

- Cho hút rồi ! Hót đi !

Hai Hót khoanh tay lẽ phép :

- Dạ, muôn tâu, con hót rồi.

Thành Thái trợn mắt :

- Mi dám đùa với vua à ? Mi hót hồi nào ?

Hai Hót vẫn bình tĩnh :

- Muôn tâu bệ hạ, dạ chính thị vừa rồi, con mới hót được của đức bồ trên một điếu thuốc. Dạ như con biết thì khắp thiên hạ từ quan chí dân, có ai được hút thuốc và dùng điếu của nhà vua đâu. Thế mà bệ hạ đã rộng lòng cho con...

Thành Thái ngã ngửa người ra. Té ra hắn hót là như thế. Hắn lừa ngay trước mắt, vua đành chịu. Giữ lời hứa, vua đành phải cho hắn mấy lạng bạc, và gật gù :

- Chà ! Cái thằng hót giỏi thật !

Đến năm sau, Thành Thái bị bắt về làm lính. Ông bị bắt vào lầm và bị bắt làm lính vẫn là nỗi vui của người con trai. Ông không sợ hãi, ghê gớm là ông là một nandi ông là một vua và là một vua vĩ đại.

(Hết)

PHỦ TUẤN

Phủ Tuấn tên thật là Võ Văn Tuấn, người làng Mỹ Lộc, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy (huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình ngày nay). Ông đỗ cử nhân thời Tự Đức, được bổ nhiệm làm tri phủ ở Quảng Ngãi. Tuy là một người trong hàng ngũ quan lại, nhưng do tính tình ngang tàng, cương trực của mình, ông đã nhiều lần tỏ ra có lương tri chống đối lại bọn thống trị. Nhân dân có thiện cảm với ông đã truyền tụng xung quanh ông khá nhiều giai thoại.

1. VIẾT CHỮ THỜ

Ở vùng Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình ngày xưa, người ta có tục nhờ những người viết chữ nho đẹp viết những chữ thờ để dán trên trang, hoặc ở nơi đặt bàn thờ.

Thuở ấy, người ta gọi học trò là thầy khóa. Hồi còn là “thầy khóa”, nhà bố vợ lập một cái bàn thờ nhỏ ở bếp, mới bảo ông : Khóa Tuấn học hành xưa nay, bây chừ viết cho thầy mấy chữ để thờ thần bếp.

Khóa Tuấn liền lấy bút viết hai chữ lớn : “TUẤN CAO” (bằng chữ Hán).

Ông bố vợ vốn không biết chữ, kính cẩn treo trên bàn thờ ông táo.

Một hôm có người khách đến chơi trông thấy, hỏi :

- Chữ thờ trong bếp răng lại viết là "Tuấn Cao". Ông (anh) Tuấn con rể của bác đã chết đâu mà bác lập bàn thờ.

Bố vợ sững sốt, cho người đi gọi Khóa Tuấn đến trách :

- Tưởng học hành khá, tui nhờ viết chữ thờ, ai ngờ anh lại viết tên anh đang còn sống sở sờ ra đó mà để trên bàn thờ.

Khóa Tuấn lẽ phép thưa :

- Thưa thầy ! Ai nói rứa là họ chưa thông đó thôi. Con viết đúng ý thầy đó ạ.

- Anh nói đúng ý tôi là đúng mần răng ? Tôi bảo viết chữ thờ là thờ thần bếp, thờ ông táo, chứ không phải thờ tên người viết ở đây.

Khóa Tuấn ôn tồn đáp :

- Thưa thầy con viết đúng thế ạ. Hai chữ "Tuấn Cao" có nghĩa là "táo quân" nói lái lại thôi. Ở bếp thì thờ táo quân, răng gọi là dốt được.

2. ĐẠI DĨ

Ở làng Mỹ Lộc có vợ một người phú hộ. Thường ngày mụ ta rất lăng nhăng, tặng tịu hết thảy với đám hào lý, nhưng cứ làm bộ doan chính. Khi chồng chết thì khóc lóc ra chiểu thảm thiết, làm ma chay đình đám rất ôn ào... Lại bày trò xin chữ để thờ. Khoa Tuấn ghét cay ghét độc cái thói đời giả trá ấy, nên viết luôn cho một chữ "dĩ" rất lớn. Chữ to choáng hết cả một trang giấy, nét chữ bay bướm rất đẹp.

Không ai hiểu ý nghĩa thế nào. Hỏi ông, có lúc ông giảng giải một thoi một hồi những câu cú nào đó trong sách cũ, nào là "dĩ chí sự lẽ" (nghĩa là lấy lẽ mà thờ) v.v... Nhưng có lúc ông lại bảo khẽ người hỏi :

- Chữ "dĩ" to sù sù ra thế mà chú không hiểu à ? Chữ Hán, "đại" nghĩa là to. Chữ "dĩ" viết to tức là chữ "dĩ" rất lớn. "Đại dĩ" nói lái là "đĩ đại" chứ còn gì nữa. Treo bảng cho thiên hạ biết đây là "đại dĩ" !

3. NHẬN HỐI LỘ

Thời làm tri phủ, có một lão phu hộ đánh người tá điền gây thương tích, nạn nhân phát đơn kiện, và lão phu hộ bị ông tổng giam đợi ngày xét xử. Và đây không phải lần đầu y đánh người. Lão tìm cách lót ông để chạy tội.

Ông hẹn :

- Muốn khỏi tội, phải chịu cho ông mười nén bạc. Nội hoàng hôn ngày mai phải có đủ !

Ông tạm tha hắn về. Tên này hí hửng tưởng bao nhiêu, chứ mười nén thẩm tháp chi, "mèo cào chǎng sê phēn". Đúng hẹn, hắn mò đến dinh quan phủ và tìm gặp ông. Người nhà bảo với hắn là ông đang ở chuồng heo. Lúc này, ông ăn mặc rất tề chỉnh, đi hia đội mũ, mặc áo quan. Tên này xuống nơi chuồng heo, khum núm dâng mười nén bạc. Ông bảo :

- Mi chuồi vô tay áo thụng cho ta.

Ít hôm sau, ngồi ghế chánh án, ông tuyên phạt tên này năm năm tù khổ sai về tội đánh người trọng thương. Hắn chưng hửng, biết mình bị lừa, nên đút lót tiền lên quan tỉnh, kiện ông ăn hối lộ. Phủ Tuần bị đòi lên tỉnh để đối chất. Trước mặt các quan hàng tỉnh,

phủ Tuất nhất định không chịu nhận và xin tòa bắt tên phú hộ kia phải khai rõ hắn đưa bạc cho ông ở đâu, vào lúc nào, lấy gì làm chứng. Tên này khăng khăng kể hết sự tình.

Tòa vặn lại :

- Thế mi giao bạc cho quan phủ ở đâu :

- Dạ... ở nơi chuồng heo nhà ông ấy.

Quan tòa trồ mắt :

- Thế nào ?

- Dạ, bẩm, lúc đó quan phủ đội mũ, đi hia, mặc áo quan và đang cho heo ăn ạ ! Chính con đã nhét mười nén bạc vào tay áo thụng của quan.

Phủ Tuất phì cười :

- Bẩm các cụ lớn, rõ ràng là tên này đã bịa đặt mà lại còn láo xược ! Có đời thuở nhà ai cho heo ăn mà lại mặc phẩm phục ? Tui đề nghị tòa tăng án phạt hắn thêm năm năm nữa về tội khinh thị đạo thánh hiền, vu khống quan trường...

Lão phú hộ bù lu bù loa, nhưng ai mà nghe lời hắn.

Đến tháng sau, lão quan phủ đến thăm quan phủ. Ông ta thấy lão phú hộ bù lu bù loa, nhưng ai mà nghe lời hắn. Ông ta hỏi lão quan phủ: "Ông có nghe lão phú hộ bù lu bù loa không?" Ông ta trả lời: "Tôi nghe lão phú hộ bù lu bù loa, nhưng ai mà nghe lời hắn."

4. TRÂU PHẢI ĐƯỢC VỀ ĐÚNG CHỦ CỦA NÓ

Một lần, Phủ Tuần xử kiện vụ mất trộm trâu. Bên nguyên là một nông dân kiện bên trộm trâu là một nhà phú hào có thế lực. Ông này cả quyết rằng trâu ấy là của mình. Phủ Tuần liền xuống tận nơi thị sát. Sau khi nghe cả hai bên bầy tỏ, quan phủ hỏi bên bị :

- Nhà mi có mấy con trâu ?
- Thưa nhà con có năm con tất cả ạ !
- Mi có biết đặc điểm chi về con trâu ni (này) không ?
- Bẩm có ạ !

Thế rồi gã phú hào kề vanh vách khá chi tiết từng đặc điểm về con trâu ấy : cao ba thước hai phân, dài sáu thước năm phân⁽¹⁾. Có tám khoáy : một khoáy trước trán, một ở đỉnh đầu, hai khoáy ở dọc sống lưng, hai khoáy ở hai bên bả vai, hai khoáy ở hai hông cỏ, hông nước; đuôi dài thước năm. Trâu có bốn răng.

⁽¹⁾ Thước đây là thước ta, thước mộc bằng 40 centimét.

Sừng cong, cái bên trái dài hơn cái bên phải hai phân.
Mỗi sừng có sáu lỗ hổm, nồng sâu khác nhau.

Quan phủ Tuần quay sang hỏi bên nguyên. Bên nguyên thưa :

- Bẩm quan ! Nhà con chỉ có mỗi con trâu nő. Khi đặt cày vô cổ con trâu, con lấy tay gãi gãi vô bên má trâu, là hắn thè lưỡi ra liếm tay con.

Phủ Tuần bảo :

- Vậy anh làm thử trước mặt ta và có đông đảo bà con, các chức sắc ở làng cùng xem ở đây.

Anh nông dân đặt ách cài vô cổ trâu, đoạn xoa xoa tay vào má nó. Con trâu thè lưỡi liếm mãi vào tay anh ta.

Mọi người thấy thế reo lên.

Phủ Tuần hỏi tiếp :

- Bên bị ! Còn đặc điểm các con trâu còn lại của anh ?

Gã phú hào lúc này lúng túng, đứng thuôn mặt ra như ngỗng. Phủ Tuần vỗ đùi đánh đét, cười ha hả :

- Thế là trắng đen rõ ! Xưa nay nuôi trâu có đi đếm đo từng đặc điểm của trâu bao giờ. Mi không nói được đặc điểm của bốn con trâu kia là phải thôi.

Kẻ trộm trâu, đứng cúi gầm mặt xuống, nhận tội.

MÂN NHỤY

Mân Nhụy là người họ Cao, ở xã Đào Viên (huyện Diễn Châu, Nghệ Tĩnh), sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX. Có tài văn chương nhưng không đỗ đạt, sống cuộc đời nho sĩ phóng khoáng, nghèo nàn. Nổi tiếng về tài kể chuyện “Trạng”, tài châm biếm đả kích, nên nhiều người ở địa phương gọi ông là ông Trạng.

1. CHỮA BỆNH OAN GIA

Trong một chuyến đi từ huyện Diễn Châu lên vùng Đô Lương, dọc đường đi nghỉ chân, ông gặp một đám tang. Người địa phương kể cho ông biết người chết là một tên cưỡng hào, chuyên nghề khoét nặn, vừa mới dùng quyền hành và mưu mô cướp đoạt mấy mẫu ruộng của một người trong làng thì lăn ra chết. Mân Nhụy hỏi họ tên, con cái, hoàn cảnh, bệnh tinh của chủ nhân, rồi ngay đêm ấy, tại nhà trọ, ông mang giấy bút ra, thảo một bài văn ai thóng thiết.

Sáng hôm sau, đầu quấn khăn tang, ông đến nhà tên cường hào kia. Không đợi cho người nhà hỏi han, ông đứng ngay trước bàn thờ, bái mấy cái, rồi giở bài văn ra đọc. Mọi người đứng quanh đều xúc động vì lời lẽ rất thống thiết.

Đọc văn xong, ông ngã khuỵu xuống chiếu. Tang chủ vội vàng dùn ông ra. Cố nhiên họ không nhận ra ông là ai. Ông làm bộ thản nhiên gọi đúng tên anh chàng con trưởng ra trách :

- Anh không biết. Tôi với ông bố nhà anh là bạn cố hữu.

Mới rồi, tôi với ông nhà anh còn trò chuyện, khi gặp nhau ở trên tỉnh. Tiếp đó, ông kể lể thêm một số chuyện vừa mới nghe bà con địa phương kể đêm qua. Cả nhà đều tin thực ông là bạn thân người quá cố.

Thừa dịp vắng người, ông mới gọi riêng hai mẹ con anh chàng con trưởng đến nói chuyện thân mật :

- Tôi nói thật cho bác và cháu rõ. Bác trai mà. Bác trai mà bị bất hạnh thế này là tại bác ấy không biết nghe tôi.

Dạo trước, bác trai gặp tôi trên tỉnh, có hỏi tôi về chuyện định tậu mấy mẫu ruộng ở nơi ấy, nơi ấy, vậy đã tậu được chưa ?

Mọi người càng tin ông là bạn thiết cốt của chồng, của cha mình. Chuyện mưu mô kín đáo này thì làng

xóm mấy ai hay, mà ông này lại biết được. Họ nhận là đã được làm chủ đám ruộng ấy rồi. Mân Nhụy chép miệng :

- Thế thì nguy đấy ! Không phải nguy một lúc, mà suốt ba năm, sẽ mất luôn ba mạng ! Tôi thì không có thì giờ ở lại, nhà ta cũng đang bối rối thế này. Bác và cháu nên để ít hôm nữa, lên xem lại đất, nếu không hợp thì cho người ta chuộc đi, chứ không còn là nạn cho nhà ta nữa đấy...

Mấy ngày sau khi Mân Nhụy cắp áo ra đi mè con người này lập tức đi tìm chủ cũ, thương lượng để được hoàn lại ruộng.

2. TÌM VỢ CHO QUAN PHỦ

Có quan phủ chết vợ, muốn lấy vợ kế. Dựa tình quen biết, quan nhờ Mân Nhụy giới thiệu cho một người. Mân Nhụy nhận lời và mời quan ngày hôm sau ra chợ xem mặt. Ra đến nơi, ông bảo quan đứng xa quan sát, còn ông thì vào trò chuyện với một cô hàng vải rất thân mật.

Trên đường về, quan phủ công nhận với Mân Nhụy rằng quả tình cô gái này thật là “sắc nước hương trời”, trông bộ dạng nói năng thì cũng thanh lịch. Quan

hỏi ngay tên họ tuổi tác và nhà ở của cô ta, Mân Nhụy giới thiệu rất rành mạch...

Ba hôm sau, Mân Nhụy lại gặp quan. Quan câu mặt bức vội nói với ông :

- Sao ông lại cho tôi coi mặt cái cô ấy ?

- Sao ạ ?

- Tôi đã cho gia nhân đến nhà thăm hỏi tình hình, thì gặp lúc cô ta cho con bú. Quan phủ đáp.

- Vâng thì cô ta đã có con, chồng cô ta vẫn ở nhà, chứ sao.

- Thế thì lấy cô ta thế nào được ?

- Bẩm quan, việc lấy hay không là quyền quan lớn chứ ạ. Quan lớn chỉ bảo tôi kiểm cho quan lớn "người đẹp". Tôi cho cô ấy đẹp nhất ở vùng này. Quan cũng bảo là "sắc nước hương trời" kia mà !

Quan phủ bấy giờ mới chưng hửng ra.

3. AI THUA CUỘC ?

Một lý trưởng, bạn thân của Mân Nhụy, thường tư phụ là có vợ đẹp và rất doan trang. Ông bảo : Anh con trai nào chỉ cần sờ vào vú bà xã tôi một lần, thì tôi cho

hắn một sào ruộng và một con bò. Mân Nhụy cười bảo ông :

- Chắc chắn như thế không ? Sau này ông không được chối nhé !

- Chắc chứ ! Quân tử nhất ngôn mà !

Chiều hôm sau, Mân Nhụy đến nhà ông lý, cả hai vợ chồng ông đều ở nhà. Ông lý đi rót nước. Bà lý ngồi trên phản kề bên, vạch vú cho con bú.

Mân Nhụy đến gần. Ông móc túi lấy hai quả mận đỏ ra giơ trước mặt cháu bé.

- Đây ! Đây ! Của cháu đây !

Đứa bé toét miệng cười, nhả vú ra, giơ tay cầm mận, Mân Nhụy úp cả hai tay mình vào vú bà lý, nói dùa với em bé :

- Còn đây là của chú !

Đứa bé vẫn cười toe toét, lại gật đầu nữa. Bà lý thẹn đỏ mặt. Mân Nhụy cười ha hả, đến vỗ vai ông lý :

- Mai tôi đến dắt bò nhé. Còn ruộng, ông cho thửa nào cũng được, tùy ông chọn lấy.

TRẠNG BỜ AO

Ông Vũ Đức Huyên người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, mồ côi cha từ nhỏ, mẹ già mắc bệnh đau mắt sau bị lòa. Ông là người con hiếu thảo, đi khắp nơi tìm thầy thuốc để chữa mắt cho mẹ. Sang Tàu học được nghề địa lý, ông về nước đi khắp nơi làm thầy lang chữa đau mắt và làm thầy địa lý. Người đương thời gọi ông là “thánh địa lý”. Nhưng nhân dân vùng Nghệ An, Hà Tĩnh gọi là ông “Trạng Bờ Ao”.

1. ĐỂ CUỘC ĐẤT PHÁT NGHỀ THỢ CẠO⁽¹⁾

Có lần ông Tả Ao đi qua một làng nọ, gặp ngay làng đang có đám. Cờ xí treo rợp cửa đình, người ra kẻ vào lao xao, nhốn nháo. Các cụ quan viên thì chè

⁽¹⁾ Chung quanh Tả Ao có rất nhiều truyện, phần lớn tập trung vào đề tài phong thủy, địa lý, kể cả truyện Tả Ao đi học bên Trung Quốc, Tả Ao để mả ở Hàm Rồng, và ngôi đât huyệt thực khi ông mất v.v... Những mẫu truyện ấy vẫn có thể nghiên cứu phân tích theo nhiều hướng, chứ không phải là truyện dí doan nhằm đề cao những việc hàm hồ, mê tín. (tiếp trang sau)

chén lu bù, cười nói oang oang. Có một cụ kỳ mục biết mặt ông Tả Ao, liền cho mời ông vào xơi rượu.

Nể lời, ông cũng vào lẽ thắn, rồi cùng ngồi vào dự tiệc. Các cụ bô lão hơi men chuếnh choáng, ê a nói :

- Thật tình chúng tôi nghe tiếng cụ đã từ lâu, bây giờ mới biết mặt, nhân thể cụ qua đây, xin cụ đặt cho cái hướng đình làng.

Ông Tả Ao mỉm cười :

- Vậy các cụ muốn thế nào thì cho biết ý.

Một cụ chắc là tiên chỉ làng, ra chiêu kẻ cả, vuốt chòm râu bạc, rung đùi gật gù nói :

- Làng chúng tôi xưa nay chẳng ai học hành đỗ đạt gì, mong sao kỳ thi này vớ được nhiều vị khoa mục, thì phục cụ là tài giỏi.

... Song chúng tôi chỉ tập trung vào mấy ý nghĩa nổi bật nhất mà nhân dân gởi gắm vào trong hệ thống truyện Tả Ao để phê phán thói ham danh vụ lợi của người. Chúng ta sẽ có dịp nghiên cứu Tả Ao trong một chuyên đề thích hợp hơn. Về nhân vật Tả Ao, tài liệu cũng chưa đầy đủ. Những sách như *Công du tiệp ký*, nhất là *Đặng khoa lục siêu giảng* (nói về truyện mô mả rất nhiều) đều chép tên ông là Vũ Đức Huyên (có bản ghi Nguyễn Đức Huyền). Sách *Lịch Triều Hiến Chương loại chí* lại chép tên là Hoàng Chiêm. Ở làng Tả Ao, nay thuộc xã Xuân Giang, sát huyện lỵ huyện Nghi Xuân (Nghệ An). Hiện nay không thấy chi họ nào nhận là dòng dõi của Trạng Bờ Ao hay của Thánh Tả Ao cả.

Một cụ khác tay vung lên, hào hứng nói oang oang :

- Đúng thế ! Chúng tôi chỉ mong làm sao được phát quan to để đè đầu vít cổ thiên hạ thì mới thú.

Ông Tả Ao gật đầu đáp luôn :

- Bẩm vâng ! Nếu bà con tán đồng ý kiến của các cụ thì tôi xin cố gắng giúp được như thế, cả làng ta sẽ được “đè đầu vít cổ thiên hạ”.

Các cụ kỳ lão đặc chí vô dùi, vô vế, cười nói hoan hỉ.

- Ừ có thể chứ ! Đã gặp cụ Tả đây, tất phải được cuộc đắt chứ !

Ông Tả Ao làm ra vẻ sốt sắng :

- Mời các cụ, ta cùng đi ra cắm hương đình thôi.

Các cụ hương hào chức dịch của làng khua lẹp kẹp các đôi guốc mộc, phe phẩy cái quạt giấy trên tay, miệng nhai trầu dóm bém, lục tục cùng ông Tả Ao đi tìm đất đặt hương đình.

Cắm đất xong, ông cáo biệt, đi luôn.

Từ đấy các cụ kỳ lão đi đâu cũng khoe rầm lên rằng : Đình làng mình được cụ Tả Ao cắm hương cho, chỉ nay mai là phát lớn cả làng đè đầu vít cổ thiên hạ cho mà xem.

Ít lâu sau, đất làng ấy phát thật. Nhiều người làng đi tha phương cầu thực, học được nghề thợ cao. Thấy

làm ăn được, lại bỏ ít vốn để học nén trở về làng dắt kéo nhau, anh dạy nghề cho em, bố truyền nghề cho con. Lúc đầu dăm bảy người, dần dần cả làng đi làm nghề thợ cao. Dụng cụ đồ nghề chỉ là cái dao, cái kéo, bộ ngoáy tai để “đè đầu vít cổ thiên hạ” mà cắt tóc, cao râu, cao gáy, ngoáy tai...

2. ĐỂ CUỘC ĐẤT PHÁT NGHỀ ĐAN BỒ

Chuyện rằng một tối nọ, ông Tả Ao đi qua làng Đoài, gặp lúc làng mở hội. Cảnh nhộn nhịp, người làm ăn tứ xứ cũng lũ lượt kéo nhau về dự hội. Ông cũng lẩn trong đám đông, xem hát chèo ở sân đình. Có một vị kỳ mục biết ông, lấy làm mừng rỡ, sai người ra mời ông vào nói chuyện. Ông từ chối. Nhưng họ khẩn khoản mời bằng được. Bất đắc dĩ ông phải vào...

Làng dọn cỗ mời, buộc lòng ông phải ngồi vào cầm đũa nâng chén. Có dịp quan sát, ông mới thấy rằng dân làng này có nhiều người giỏi xoay xở, lắm kẻ làm ăn mánh mung, không mấy lương thiện. Bọn hương hào, kỳ mục toàn là những tay anh chị, giàu có lại hơn của.

Chuyện trò giữa họ và ông cứ rời rạc. Ngán quá, ông toan bỏ về. Nhưng họ cố giữ ông lại, nói :

- Chẳng mấy khi được gặp cụ, xin cụ nán lại cho, sáng mai nhờ cắm đất cho... Kéo cụ đã đi thì khó lòng tìm lại được.

Nài mãi ông mới chịu ở. Bấy giờ các cụ kỳ mục hào lý mới bộc lộ hết ý định của mình :

- Xin cụ cắm đất cho dân làng được nhiều người hiến đạt. Xưa nay chúng tôi ít chữ, mải đi kiếm ăn, chỉ làm nghề xoàng xĩnh thôi.

Ông Tả Ao mỉm cười :

- Muốn thế chẳng khó gì, chỉ quay lại cái hướng đình là được thôi.

Các ông kỳ mục thích chí, vỗ đùi đánh đét nói luôn :

- Xin cụ tận tâm cho. Chúng tôi chỉ xin được nhiều người làm quan to, đi đâu nghênh ngang, thiên hạ phải nể và tránh xa. Như thế chúng tôi mới mãn nguyện.

Hôm sau, các ông hào lý đến sớm, mời ông đi cắm đất. Ông chỉ ngắm nghĩa một lúc, rồi cắm cho hướng đình chêch sang một chút về phía tây.

Các ông kỳ mục liền sau đó, họp bàn, sức cho dân làng tiền đóng, gạo góp để xoay lại hướng đình. Và, từ đó ai cũng yên chí rằng chỉ ngày một ngày hai nữa là phát quan to. Nhưng chờ mãi chẳng thấy quan to xuất hiện, chỉ có mấy anh đàn ông học đâu được cái nghề đan bồ,

gánh đi bán. Dần dần, dân làng bắt chước nhau, thành ra cả làng làm nghề đan bồ và bán bồ.

Chả là bồ to, kềnh càng gánh đi nghênh ngang trên đường, ai gặp mà không phải tránh ra xa !

3. ĐỂ CUỘC ĐẤT PHÁT NGHỀ ĐÓNG CỐI

Ông Tả Ao nhỡ độ đường, vào ngủ nhờ một làng nọ. Từ lâu, ông đã nghe đồn đại rằng làng làm nghề hàng xáo⁽¹⁾. Đàn bà làm lũ suốt ngày, tóc tai, quần áo đầy bụi cám, quanh năm vất vả. Còn bọn đàn ông thì ngay lưng, chơi dài, lại rượu chè be bét, cờ bạc thâu canh. Đã ăn bám vợ, lại chơi bời dàn đàng điếm, ông đâm ghét, định bụng có dịp sẽ kiếm cho đám đàn ông ấy một cái nghề gì đó, bắt họ phải làm việc.

Nhân có các cụ kỳ mục biết tiếng ông, kéo nhau đến mời ông ở lại, nhờ xem cuộc đất. Ông chủ bụng từ lâu, nên ông vui vẻ nhận lời. Ở lại mấy hôm, được các cụ kỳ mục đưa đi mọi nơi, xem xét phong thổ của làng. Nhờ vậy, ông cũng được tai nghe mắt thấy đời sống thường ngày cơm tấm, nước dưa của mọi nhà, mới biết có nhà cụ tiên chỉ làng, đời sống có phần khá giả hơn

⁽¹⁾ Nghề xay giã thóc gạo, đem đi bán khắp nơi.

chút ít, là nhờ có nghề đóng cối, buôn cối⁽¹⁾. Ông nghĩ ngay nghề cho đám đàn ông ấy là đây, chứ còn đi đâu xa nữa. Đến một cái gò đất ở cuối làng, ông dừng lại ngắm nghĩa, rồi nói với các cụ kỳ mục rằng :

- Cái gò đất này không lợi cho làng các cụ mấy. Nó chẳng được phần định lại kém cả phần phú. Xin chữa cho một tí là lợi cả hai.

Các cụ kỳ mục thấy nói như vậy, thì nức nở khen : "Ông Tả Ao là thánh địa lý !".

Nghe lời ông, các cụ sai tuần định mang mai cuốc ra phạt bớt hai phần đất ở hai đầu gò. Tức là theo ông, chặt bớt hai cái cánh con chim ưng, cho còn lại cái hình tròn như cái cối xay lúa. Và, hai bên gò đất chỉ còn lại một ít như hai cái tai cối... Ấy là người đời sau tán ra thế.

Đặt cuộc đất xong, ông Tả Ao vội vàng ra đi. Mặc cho dân làng muốn giữ ông lại thế nào cũng không được, biểu tiền cũng không lấy.

Ít lâu sau, quả nhiên làng này phát thật. Các bà vợ đẻ mẫn như vẹt... cứ năm một sòn sot, nên bận vào công việc chăm sóc bú mớm cho con nhỏ. Lại gặp lúc mất mùa, thóc cao gạo kém, đời sống trong các gia đình mọi người càng trở nên túng bẩn, sa sút thậm tệ.

⁽¹⁾ Cối đây là cối xay lúa ngày xưa làm bằng tre và gỗ dẻ ở thớt cối.

Cánh đàn ông hết cách bớt xén tiền đi chợ của vợ để sát phạt nhau, để hút xách, rượu chè, đánh kiếm cách sinh sống. Nhân nhà cụ tiên chỉ làng có nghề đóng cối, buôn cối, thuê nhiều thợ đóng cối đem đi bán, xem ra cũng chạy lăm. Thế rồi, đói đầu gối phải bỏ, cánh đàn ông trong làng đổ xô vào làm nghề ấy. Thế là về sau, làng này đã có nhiều thợ đóng cối giỏi!

Đến đây, tôi mới hiểu rõ làng nghề này là do một thợ đóng cối tên là Lão Phê, làng nghề này làng nghề duy nhất có tên riêng. Ông làng nghề Lão Phê là một thợ đóng cối tài ba, khéo léo, tay nghề cao, và làng nghề này làng nghề duy nhất có tên riêng. Ông làng nghề Lão Phê là một thợ đóng cối tài ba, khéo léo, tay nghề cao, và làng nghề này làng nghề duy nhất có tên riêng.

TT TỔNG KẾT VÀ NHÌN MÌNH THÔNG TIN QUỐC HỘ

Nhìn lại những bài trước, ta có thể nhận ra một số đặc điểm chung của bài văn: 1. Ngữ cảnh: bài văn là bài văn tự sự, có nội dung về một số sự kiện, sự việc, sự vật, sự lý nào đó. 2. Ngữ điệu: bài văn có tone ngữ điệu trung lập, không có cảm xúc quá mạnh, không có cảm xúc quá yếu. 3. Ngữ pháp: bài văn có ngữ pháp chính xác, không có lỗi ngữ pháp.

CỐ DUỒN

Cố Duồn họ Trần, quê làng Cổ Đạm, xã Xuân Hóa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Là một nông dân nghèo, ít học, nhưng lại có tài kể chuyện tiểu lâm, sáng tác hò vè nhanh nhạy. Vốn vui tính, hay dí dỏm, do vậy chỗ nào có mặt ông, dù giữa buổi làm đồng, hay dưới đêm trăng quây quần bên ấm nước chè xanh trong các gia đình ở thôn xóm, là ở đó thường vang lên tiếng cười rộn rã.

Ngoài những chuyện kể mang tính chất đùa nghịch cốt để gây cười thoải mái, một mảng chuyện của cố Duồn mang nội dung châm biếm những kẻ có chức, có quyền ưa hèn hiếp kẻ dưới, cũng như những kẻ giàu có hợm của.

1. EM CHỈ CẦN XẮN VÁY LÊN MỘT TÍ LÀ XONG

Một thày lang trong làng có tính keo bẩn lại khinh người, Cố Duồn định bụng cho y một bài học. Một hôm tại nhà y có đông người trò chuyện, Cố lân la tới chơi. Ai cũng bảo Cố kể chuyện vui. Cố cười :

- Tôi kể chuyện thật chứ chẳng phải bịa !

- Thị kể đi. Càng thật càng hay.

- Nhưng mà thầy lang có cho phép không đã.

Thầy lang ra vẻ độ lượng :

- Cố cứ việc kể. Chuyện vui là được rồi. Nếu có gì thiếu sót cũng rông lòng chứ hép gì !

Cố Duôn thong thả :

- Tôi xin kể một chuyện. Có một chi đàn bà đau mắt, được người ta bày cho cách rửa bằng nước giải của mình. Lành rồi, chị ta tự cho mình có tài làm thuốc. Một hôm, trước mặt đông đủ các cu lang đang bàn tán về tài chữa bệnh của ông này ông khác, chị ta chen ngang vào : "Nói vô phép các thầy, các thầy học hành thông tuệ nên ngoại thương, nội cảm thì các thầy ăn đứt em, chứ còn chữa cái bệnh đau mắt thì em nhất định ăn đứt các thầy ! Em chỉ xắn mán (váy) lên một tý (tí) là xong.

2. ĐÁI MAU... ĐEM CHO LÀNG UỐNG

Trước đình làng có một cây trám. Ở Nghệ Tĩnh, tiếng địa phương gọi trám là cây mui (đồng âm với môi). Cố Duôn đứng trong đình thấy có người đi giải bên gốc cây. Cố kêu lên :

- Nay anh kia, sao lại đái vào "mui" làng !

Mấy cụ quan viên ngồi trong nghe tiếng, cho là Cố xỏ, liền gọi Cố vào bắt phạt. Sao không nói hăn đái vào cây, lại bảo "mui" làng. Hóa ra hăn đái vào mồm làng. Họ ầm ĩ một hồi, rồi bắt Cố chịu phạt vạ.

Cố phải nhắn người gọi vợ ra xách cái chai đi mua rượu về tạ làng. Chờ một hồi lâu, mới thấy bà vợ tất tả xách chai rượu từ远远 xa chạy lại. Trước khi vào đình, bà vợ lại ghé vào một bụi cây để tiểu tiện. Cố Duôn nhìn ra, liền gọi ầm lên :

- Mau lên mẹ mi ơi ! Đái mau rồi mang vào cho làng uống !

MỘT TRẠNG LÀNG QUẢNG TRỊ

ÔNG TUYN

Ông Tuyn tên thật là Nguyễn Tuyn, người làng Bích Giang, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, sinh năm 1890, mất năm 1966.

Là một nông dân ít học, nhưng lanh lợi, thông minh. Thời thanh niên ông đi lính cho Pháp sang Lào. Ông học được nghề phù thủy và kiếm sống bằng nghề này. Ông thích ngao du đây đó, sống đời lảng tử, lang bạt, không bằng lòng với cuộc sống bình lặng nơi làng quê. Tính khí ông vui vẻ, hóm hỉnh, nhiều khi cũng ngang bướng, lý sự ra trò, kể cả với quan làng, với những người có quyền thế.

Cuộc đời ông đã để lại nhiều chuyện khôi hài, dí dỏm và không kém phần thông minh, lém lỉnh của một người nông dân miền đất đầy gió cát Quảng Trị. Mặc dù ông mất đã lâu, nhưng hiện nay ở quê ông và vùng lân cận vẫn còn lưu truyền trong dân gian những chuyện cười lạc quan, thú vị mà người ta quen gọi là chuyện cười ông Tuyn.

1. QUAN HUYỆN MẮC LỖM

Thời kỳ làm hội tề làng Bích Giang, trong một đợt huyện huy động nộp tre để làm hàng rào, ông Tuyn không huy động dân làng nộp, trong khi các làng xã khác đã nộp đầy đủ. Nhìn vào sổ thu, quan huyện gọi ông, nguyên là hội tề làng Bích Giang lên nạt nộ :

- Tại sao làng ông không nộp tre ?

Ông thản nhiên :

- Dạ tui đã nộp rồi, tui còn cẩn thận đánh dấu từng bó nữa. Mời quan ra coi.

Nói rồi, ông Tuyn dẫn quan huyện ra sắn và chỉ vào những bó tre mà ông đã vác thừa lúc các làng khác nộp xong, hôm trước ông lén đến đánh dấu sơn đỏ với từng bó và ghi B.G tên làng ông.

Do sơ ý không kiểm soát chặt chẽ, quan huyện đành chịu thua ông, lần đó làng Bích Giang khỏi nộp tre.

2. CHỌC CÔ BÁN BÌNH SỨ

Một hôm, ông Tuyn ra chợ mua cái bình sứ. Ông hỏi chị bán hàng :

- Cái bình ni mấy tiền ?

Chị bán hàng đáp :

- Năm trăm đồng.

Ông ta ngã giá :

- Một trăm có được không ?

Chị bán hàng giọng chanh chua :

- Một trăm thì mới ngang giá cái vòi.

Thế là ông Tuyn rút ngay trong túi ra một trăm đồng, ném cho chị bán hàng, đồng thời lấy tay bẻ luôn cái vòi rồi cầm đi, bỏ lại một cái bình sứ sứt vòi.

Chị bán hàng giận tím ruột, nhưng đành chịu, chỉ biết chửi đồng phia sau lưng ông.

3. ĐI XE KHÔNG TIỀN

ĐA HÀI HẠT Ở SƠN

Ông Tuyn từ chợ Đông Hà lên. Đã trưa, ông đón xe khách chạy tuyến đường Đông Hà - Cam Lộ. Xe dừng lại, ông bước lên bên tài xế :

- Chú ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.
- Dạ, mời bác lên !

Ông chạy lui sau xe, gấp anh phụ :

- Anh ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.
- Bác lên đi, lẹ nghe.

Lên đến Cam Hiếu, ông bước xuống xe. Cả tài và phụ đều hỏi tiền. Ông lý sự :

- Tui không có tiền, tui mới xin hai anh và hai anh đồng ý cho đi. Còn nếu có tiền, mặc chi tui lại xin như vậy. Hai anh đã cho đi tức là không lấy tiền. Thế rồi, ông bỏ đi, mặc cho cả tài, phụ và hành khách ngơ ngác.

4. THẦY PHÙ THỦY NẮNG BỤNG

Ông Tuyn vốn làm nghề phù thủy. Có lần, ông xách khăn gói đi cúng ở một làng xa. Đang gõ mõ, đọc sớ tấu, đến đoạn “Việt Nam cộng hòa quốc, Quảng Trị tỉnh, Cam Lộ huyện” thì đột nhiên ông đánh rầm. Hơi trên với người bên cạnh, ông đọc luôn : - “Xẩm xẩm rầm ai ?”

- Xẩm xẩm rầm Tuyn. Người bên cạnh đáp.

- Oan Tuyn thì Tuyn chịu. Ông đọc tiếp và cứ thế, ông tiếp tục gõ mõ, đọc sớ cúng cho đến lúc lê tất với một giọng trang nghiêm, đĩnh đạc, đúng điệu của một thầy phù thủy lành nghề.

5. GIỖN MẶT THẦY CẢNH SÁT ĐÔNG HÀ

Ông Tuyn đi qua bốt cảnh sát Đông Hà. Nơi đây vốn ít người dám lai vãng, chứ đừng nói đến cả gan chơi khăm các ngài cảnh sát. Thế mà ông Tuyn dám dở trò quỷ kẽ. Ông gói sẵn một gói phân người, lảng lặng ném qua bên bốt cảnh sát, rồi đi ra xa cách đó

chừng vài mét làm động tác giả, tuột quần ngồi chùm hum. Một cảnh sát thấy vậy, liền chạy tới chỉ tay quát tháo ầm ĩ, đòi bắt giam ông. Ông Tuyn đứng dậy :

- Dạ thưa, tui cứ tưởng ở đây cũng “đi” được, vì tui thấy ngay cạnh bên bốt cũng có cái ấy... cơ mà.

Viên cảnh sát quay lại nhìn và thấy đúng là “có”, nên đành chịu, nhưng không quên hăm ông mấy câu. Còn ông, điềm nhiên sửa lại chiếc nón, rồi tุม tím cười và đi ra khỏi khu vực bốt.

6. GIẢ MÙ ĐƯỢC CHIỀU ĐÃI

Ông Tuyn thường về các làng nên thanh thiếu niên biết ông rất nhiều. Một lần ông về làng N, gặp một tốp thanh niên. Chúng giữ ông lại và thách đố :

- Ông ơi, chúng cháu xin đãi ông một chầu rượu, nếu như...

- Cái chi ? Ông hỏi.

- Thưa ông, ở ngoài giếng kia có mấy cô gái đang tắm. Ông mà ra tận nơi để nhìn được là tụi cháu xin hầu ông.

- Dễ ợt !

Nói rồi, ông bắt đầu thực hiện kế hoạch. Ông bẻ một cành cây bên đường làm gậy, đội nón, nhắm mắt

lại, già người lão mù. Cứ thế, ông bước lẩn mò đến cái giếng tận ngoài lùm cây rậm rạp. Các cô gái đang tắm thấy ông già mù nên không sợ, lại cười khúc khích. Ông Tuyn lần đến được giếng và nói :

- Các cháu ơi, ông khát nước quá, cho ông xin một miếng.

Một cô múc nước đưa cho ông. Ông uống một hơi xong, khà một tiếng thật mạnh, thể hiện rất khoái trá. Đoạn mở mắt ra, tinh bơ nói :

- Cám ơn các cháu, chà nhỡ miếng nước giếng mát quá, mà ông sáng mắt ra.

Thấy thế, các cô gái đỏ mặt mắc cỡ, chạy trốn hết. Đám thanh niên phục mưu cao của ông và thực hiện lời hứa chiêu đãi ngay ông một chầu rượu.

7. HIỂU NHẦM

Ông Tuyn đi hớt tóc. Người thợ hỏi :

- Bác hớt kiểu chi ?

- Hết trơn. Ông nói.

Anh thợ nghĩ “hết trơn” có nghĩa là cắt trụi hết, nên cứ cầm tông-đơ húi trọc đầu ông Tuyn. Xong, anh thợ hỏi tiền. Ông Tuyn chững chạc nói :

- Mièng (mình) bảo khỉ nãy hết trơn, tức là không còn đồng nào trong túi. Thấy anh không có phản ứng chi, mièng yên trí là anh vui lòng giúp cho. Bây giờ anh lại đòi tiền, mièng lấy đâu mà trả.. Thôi, xin cảm ơn anh nghe, coi như anh thợ cắt giùm.

Rồi ông ôm đầu trọc ra đi.

8. LỪA BÀ CHỦ QUÁN

Dọc đường về nhà, ông Tuyn ghé vào một quán bên đường, ăn uống no say. Trời tối, thắp đèn dầu, bà cụ chủ quán đã già, mắt lèm nhèm nên nhìn khách không được rõ. Đoán chừng khách đã ăn xong, bà cụ tiến gần ông Tuyn và hỏi :

- Bác nào ăn xong thì trả tiền cho tôi.

Ông Tuyn liền chỉ tay ra ngoài và nói :

- Tui thấy một ông mới đi ra, còn tui nãy giờ đau răng, chỉ uống ngum nước, có ăn uống chi mô.

Bà cụ nhìn kỹ lại, quả thấy má ông sưng vù. Thế là ông Tuyn khỏi trả tiền, thủng thẳng bước ra khỏi quán, vừa nhổ trái chanh trong miệng ra, vừa cười tít tít một mình.

9. NÓI LÁI

Buổi tối ông Tuyn đi soi cá bằng một cái đèn tự tạo rất lạ mắt. Thấy vậy, lũ học trò vốn hay chửi đến hỏi ông :

- Thưa ông, đèn làm bằng cái chi ?

Ông thấy bọn nhỏ lắc cắc, bèn trả lời : Bằng há cộp. Lũ trẻ ngẩn ngơ tìm hết sách vở vẫn mù tịt. Hôm sau chúng hỏi lại, ông mới giải thích : Là đèn làm bằng hộp cá.

*

* * *

Lại có một chị phụ nữ bị bệnh dạ con (tử cung), chạy chữa đã nhiều mà bệnh tình cũng không giảm. Có người bày chị nên rước thầy cúng, may ra có thể khỏi (?).

Trong lúc thầy cúng đang bày bán, đốt hương đèn cúng bái, ông Tuyn đi ngang qua, thấy thế cũng hơi nóng gáy (vì bản thân ông cũng là thầy phù thủy) bèn thốt lên một câu :

- Cúng bái chắc chi bệnh ấy đã khỏi. Chi bằng cho tôi một mồi lửa, tôi làm hết bệnh ngay.

Có người nghe thế mới hỏi ông :

- Lửa thì làm sao chữa hết được bệnh đau dạ con?

Ông Tuyn đáp :

- Có gì đâu. Tôi châm lửa đốt đại đi, thì dù "dà ma" (nhà mẹ) cũng cháy nữa là "dà con" (nhà con)⁽¹⁾.

“Khi làm nghề mìn và khai thác mỏ quặng
để sinh sống, tôi thường bắt buộc phải ở gần mìn
mỗi ngày. Vì vậy, tôi đã bị bệnh đau dạ con, và sau này
đã có một nỗi sợ hãi, không dám gần mìn nữa. Khi bị bệnh
này, tôi thường phải nằm dài trên giường, không
nhịn được, và bắt buộc phải ra ngoài nhà để đi vệ sinh. Sau
khi bị bệnh, tôi đã không dám gần mìn nữa, và sau
khi bị bệnh, tôi đã không dám gần mìn nữa, và sau

Ông Tuyn nói tiếp :
“Khi làm nghề mìn và khai thác mỏ quặng
để sinh sống, tôi thường bắt buộc phải ở gần mìn
mỗi ngày. Vì vậy, tôi đã bị bệnh đau dạ con, và sau
khi bị bệnh, tôi đã không dám gần mìn nữa, và sau

“Khi làm nghề mìn và khai thác mỏ quặng
để sinh sống, tôi thường bắt buộc phải ở gần mìn
mỗi ngày. Vì vậy, tôi đã bị bệnh đau dạ con, và sau
khi bị bệnh, tôi đã không dám gần mìn nữa, và sau

“Khi làm nghề mìn và khai thác mỏ quặng
để sinh sống, tôi thường bắt buộc phải ở gần mìn

⁽¹⁾ Theo lối phát âm địa phương : dấu *huyền* và dấu *nặng* không
phân biệt rõ. Tiếng *nhà* được phát âm thành *dà*.

TRUYỆN NGUYỄN KINH

MẤY NÉT VỀ NGUYỄN KINH

Nguyễn Kinh sinh năm 1898 tại làng Trường Hà, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, bên bờ Phá Tam Giang, cách cửa Thuận An 20 kilômét. Đó là kết quả của mối tình giữa anh đỗ xứ Nghệ (Nguyễn Cẩn) với cô gái đất thần kinh (Nguyễn Thị Đề). Làng Trường Hà có chợ cùng tên, thuở ấy việc giao lưu, buôn bán khá thịnh, trên bến dưới thuyền, được Nguyễn Cẩn chọn làm nơi tá túc để dạy học. Cái tên Kinh do ông đỗ đặt cho con nhằm để kỷ niệm một chuyến vào kinh đô tốt đẹp này.

Tuy nhiên, lúc bấy giờ Hán học đang lâm vào buổi xế chiều, học trò dần dần thưa thớt, ông đỗ Cẩn cũng không còn thích thú gì trong việc dạy, bèn khăn gói lên đường về lại quê nhà với bà vợ cả, để lại bà vợ thứ cùng 2 đứa con nhỏ. Theo lời dặn của chồng, bà Đề gởi con đến học ở nhà ông lý Duy, trước vốn là môn sinh của Nguyễn Cẩn. Khi Kinh đọc thông viết thạo thứ “chữ của thánh hiền” thì thấy cũng vừa cạn vốn. Kinh quay sang học chữ quốc ngữ, nhưng rồi cũng chỉ dừng lại ở chỗ đủ để đọc sách báo và viết thư, vì khả năng gia đình không đủ sức để lo cho Kinh đi học xa, hơn nữa Kinh còn phải phụ giúp mẹ để kiếm sống, nuôi em.

Là dân ngụ cư (xét theo gốc bối), học hành cũng chẳng đến đầu đến đũa, nghề nghiệp thì không tinh,

Nguyễn Kinh cũng nếm trải đủ mọi đắng cay, tủi nhục khi bước vào đời. Lúc đã có gia đình, thỉnh thoảng ông vẫn phải đi làm thuê, đi gặt lúa, chèo ghe để kiếm thêm tiền. Nhưng nhờ có người vợ tảo tần buôn bán, ngày ngày có đồng ra đồng vào, nên cuộc sống của ông cũng có phần “phong lưu” theo kiểu làng quê. Công bằng mà nói, dù sao dưới con mắt của đám chức sắc của làng, Kinh không phải thuộc hàng “dân ngu khu đen” để cho họ sai phái, xem thường. Kinh giao du tương đối rộng, khi thì ngồi chầu rìa ở các chiếu bạc, khi thì nói vè, kể chuyện để mua vui ngay tại chốn đình trung trong những ngày lễ lạc, hay lên sân khấu diễn trò trong những đêm hát bội ở làng... Kinh còn tham gia tích cực vào những việc tang ma, hiếu hỉ, dựng nhà, giúp đỡ những gia đình khó khăn trong xóm làng, nên được nhiều người quý mến. Cũng nhờ đó mà Kinh hiểu được nguyện vọng tâm lý của bà con, đồng thời cũng nắm bắt được hành tung, tâm địa của lớp người ăn trên ngôi trốc ở trong làng. Ông lại đi nhiều nơi, hằng năm vẫn đều dặn về quê cha xứ Nghệ, điều này giúp ông mở rộng tầm mắt, nhận rõ thế sự. Tiếng trống Xô-Viết Nghệ An (1930) rồi phong trào Mặt trận dân chủ (1936 - 1939) đã đưa ông đến tham gia phong trào cách mạng ở địa phương trong thời kỳ bí mật. Ông hoạt động trong Mặt trận Việt Minh và là một trong những cán bộ lãnh đạo khởi nghĩa ở Thanh Lam Bồ trong cách mạng tháng 8-1945. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông công tác ở huyện Phú Vang. Trong một trận càn quét, giặc Pháp bắt được ông, chúng tra tấn dã man,

nhưng cuối cùng không khai thác được gì, nên chúng bắn ông vào ngày 27-8-1947, năm ấy ông 49 tuổi.

Nguyễn Kinh tuy học ít, nhưng có tài ăn nói lưu loát, thậm chí đôi khi khá hùng biện, tích lũy được một vốn văn học dân gian phong phú, do đó ông có khả năng ứng tác thơ ca, hò vè, đặc biệt “kiến” ra những chuyện trạng, giai thoại, mang nội dung phê phán xã hội sâu sắc.

Chuyện của Nguyễn Kinh chia làm hai nhóm : Nhóm thứ nhất gồm những chuyện nhằm vào thói hư, tật xấu, tệ mê tín, dị đoan trong nội bộ nhân dân. Có khi đó là lối giễu cợt, hài hước, hoặc dưới hình thức chơi chữ, nói lái, nhằm tạo nên biện pháp gây cười với mục đích phê phán nhẹ nhàng. Nhìn chung tiếng cười ở đây thường tế nhị, đánh khẽ, có lúc pha chút nghịch ngợm (kể cả với thần linh) và cũng đôi khi là “cái cười ra nước mắt”.

Ở nhóm chuyện thứ hai, mà mũi nhọn đả kích tập trung vào những thế lực thống trị phong kiến và thực dân, Nguyễn Kinh không những biểu thị một thái độ khá dứt khoát, mà còn chứng tỏ một sự hiểu biết khá kỹ về các đối tượng này, từ quan lại, lý hương đến địa chủ, phú hào, thầy cúng v.v.. Ông bóc trần không khoan nhượng tính tham lam, bần tiện, giấu dốt, thích hư danh, thói dâm đãng, đê tiện, khoác bên ngoài cái vỏ đạo đức giả.

Nguyễn Kinh đã góp thêm một tiếng cười khỏe khoắn và sắc vào rừng cười và kho tàng văn học dân gian Việt Nam.

1. LÀNG ĐỘNG

Trường Hà có hai điểm canh, một ở đầu, một nằm cuối làng, lính lệ và hương kiểm có trách nhiệm cắt đặt, đôn đốc dân định hàng đêm tới điểm canh gác. Lần nọ, Kinh được giao ở điểm gần nhà cùng với mấy trai tráng khác trong thôn. Thấy ai cũng than vãn, kêu ca chuyện thức đêm ảnh hưởng đến việc làm ăn, Kinh là người lớn tuổi nhất đám, mới nói :

- Cho các chú về nhà ngủ để mai dậy sớm đi làm. Tui canh một mình cũng được.

Mọi người quay lại nhìn ông, hỏi :

- Lỡ gặp ai kiểm tra, họ nọc bọn tôi ra đánh, bác làm sao chịu thay được ?

- Ấy ! Kinh cười : Tui đã có cách mới đảm bảo cho mấy chú được chứ. Hãy về nhà ngủ đi, nhưng hễ nghe tui đánh ba hồi mõ báo động là đốt đuốc chạy tới đây ngay nhé !

Bọn họ vốn tin Kinh, nay nghe ông nói vậy mới yên tâm về nhà ngủ. Chẳng may đúng đêm hôm ấy, bọn lính lệ và hương kiểm tới điểm. Thấy chòi canh trống vắng, chúng la àm lên. Hóa ra vừa cho tóp dân canh về, Kinh ta cũng bỏ điểm mò sang nhà với vợ.

Nhưng ông có cảnh giác. Nghe tiếng ồn ào, ông vác gậy chạy đến liền. Hương kiểm thấy Kinh chụp áo hỏi :

- Tại sao mày dám bỏ điếm ? Còn tụi kia nữa, chúng đâu cả rồi ?

- Ông hương nói mới lạ chứ ? Kinh gõ tay hương kiểm ra, nói : Chúng tôi làm nhiệm vụ canh gác phải lô tuần tra xem xét để phát hiện kẻ gian tà, lại hỏi đi đâu là cớ làm sao ? Nếu cả đám nằm chèo queo ở điếm để các ông kiểm soát đến người, thì gác xách quái gì ?

Bọn lính thấy Kinh có lý, đưa mắt nhìn nhau. Một tên nói :

- Mày bảo chúng đi tuần, tức có thể tập họp lại được, vậy thử gọi chúng đến xem nào !

Kinh lấy mõ đánh ba hồi.

Từ nhiều nơi trong thôn, bỗng xuất hiện những ánh đuốc sáng rực lăm xăm chạy tới điếm. Khi đã đủ mặt dân canh, Kinh nói :

- Các ông bằng lòng chưa ? Làng đông, chúng tôi chẳng thiếu ai, nghiêm túc quá đi chứ !

Bọn lính lệ và hương kiểm thấy không thể bắt bẻ gì được, kéo nhau đi chỗ khác.

2. CÁI BỊ LÁC CỦA KẺ ĂN MÀY

Dịp rỗi vụ, làng mời gánh hát bộ về diễn giúp vui bà con. Mọi người náo nức được xem đứng vây quanh sân khấu, chật ních đình làng. Đã quá giờ quy định buổi diễn, ông lý trưởng vốn rất quan cách, nhà chỉ cách đẩy một cái bàn, mà vẫn không thấy tăm hơi. Ông lý lại là người đích thân cầm trống chầu theo dự tính, nên mọi người càng nóng lòng. Kinh thấy vậy mới nhảy lên sân khấu, yêu cầu gánh hát cử một vai hề để cùng ông phụ diễn màn hài trong khi chờ đợi. Được đồng ý, sau một hồi chọc cười bà con, Kinh nói với anh hề:

- Tao đố chú mi một câu, đoán trúng, tao chịu làm ngựa cho chú phi năm vòng sân khấu; bằng không, thì ngược lại.

Anh hề chấp thuận. Kinh nói :

- "Ở ngoài bäu, đi sau ngồi trước" là cái gì ?

Kinh làm bộ ngựa phi, người cười la hí vang trời, còn anh hề thì gãi đầu gãi tai. Đúng lúc ấy, ông lý tới, vẻ mặt hầm hầm, bẹ vẹ tiến lại chỗ kê trống sát sân khấu. Kinh nhắc lại câu đố và tinh bợ làm trò. Anh hề đứng ngó ra một lát, rồi đưa cả hai tay lên đầu, xin thua cuộc.

Kinh thấy thế cười to lên mà đáp rằng :

- Đố là : Cái bị lác của kẻ ăn mày !

- Vì sao ???

Mỗi người ở trên cũng như dưới sân khấu nhao lên hỏi dồn. Họ đoán chừng Kinh muốn chơi xỏ ông lý, nhưng giải thích như thế thì chịu, không tài nào hiểu được.

Kinh lý giải :

- Bởi giỗng lác vốn mọc ở ven bìa, được người ta cắt về phơi khô, đan thành bì. Người ăn mày dùng bì, khi đi thì mang sau lưng, còn khi ngồi, lại đặt ngửa nó ra phía trước để chờ của bố thí. Như vậy : "Ở ngoài bìa, đi sau ngồi trước" không phải là "nó", thì còn cái gì nữa ?!

Ông lý trưởng bì biến thành vật đố, lại là cái vật tội tê nhất, nên đỏ mặt tía tai, không làm sao bắt tội được người đã giấu cốt mình. Còn bà con khi hiểu ra, vỗ tay tán thưởng.

Bấy giờ, Kinh cũng nhong nhong ngựa người ra khỏi sân khấu.

3. CHỚP CHỚP LÂM LÂM... NỔ CÁI ÂM

Làng Xuân Thiên mời gánh hát bộ về giúp vui. Lý trưởng cầm trống cháu thường công đào kép hôm ấy rất tần tiện,⁽¹⁾ thường chỉ đánh một dùi. Diễn viên gánh

⁽¹⁾ Ngày trước, các đoàn hát rong thường tiền căn cứ vào tiếng trống cháu tán thường của người cầm cháu (thường lý trưởng đích thân cầm dùi), cứ mỗi tiếng trống, người ta bỏ vào bồ miếng thẻ tre nhỏ để tính điểm sau buổi hát

hát tức lầm nhưng chỉ biết than thở với nhau. Kinh đến những người quen biết ông thuật lại cảnh “bóp chầu” của lý trưởng. Kinh nói :

- Hề Lân với tui lên diễn màn phu, để tui sửa lưng lão một cái coi chơi.

Gánh sắp xếp lớp hài cho hai người vào sân khấu. Sau phút chọc cười khán giả, Kinh bảo hề Lân :

- Tao đố chú mi nghe : “chớp chớp lầm lầm... nổ cái ầm !” là gì ?

Làng Xuân Thiên hồi ấy phần đông dân bị toét mắt. Ông Lý cũng không thoát khỏi cảnh hấp háy kèm nhem, lại phải cố nhịn, cố nghe mà “nổ” trống, nên ông càng nhèm nhua. Do vậy, câu đố của Kinh là nhằm tả thực cảnh ông lý ngồi chầu. Bà con nghe qua đã hiểu ngay ngụ ý đó và cười nghiêng ngả.

Hề Lân vờ lúng túng để ông lý thám thòi một hồi, mới giải :

- Eng nó đố chi mà dẽ ợt, “sấm sét” chứ còn gì nữa ?

- Chú nói gần đúng. Vì đây là sấm đất, đất đặc nên nổ ít, chứ sấm trời thì phải nổ cả hời giòn giã mới vui tai chứ.

Ông lý biết mình bị chê là keo kiệt, từ đấy về sau thường nới chầu để bù lại.

4. NHỮNG NGƯỜI KHÁCH KHÔNG MỜI

Khán Tập ở cùng xóm với Kinh, là một người có thể lực và khá già. Kinh thường đến nhà Tập nhờ và khi quan tiền, lúc bát gạo và làm giúp đôi việc vặt, để có thể cậy nhờ. Vì vậy, Khán coi Kinh như hạng loong toong, mỗi khi có việc, sai Kinh chạy quáng quàng. Hôm ấy, Khán Tập chuẩn bị giỗ cha, Kinh vờ ốm không đến. Vì mọi năm, hễ đến ngày này, Kinh ta phải chạy đi mời mọc, mua sắm thứ này thứ nọ đến phờ người, mà cuối cùng phải về nhà mình lục tìm cơm nguội ! Ngay cả vợ con và đám gia nhân nhà Khán cũng nhịn miệng đái khách nữa là. Tính Tập vốn thế, đã keo như kẹo lại thích làm hoách. Nhưng lần giỗ năm nay nhộn nhịp khác thường. Nhộn nhịp đến mức chủ nhà cũng phải hoảng lên. Thoạt đầu, Tập nhận ra có rất nhiều khách và bà con, chòm xóm mà y không hẽ mời, bỗng nhiên đến nườm nượp. Ai cũng khen "thầy Khán" không quên họ như mọi lần. Tập vừa sương sùng, vừa tỏ vẻ hào phóng với mọi người, nhưng lòng thì băn khoăn : "Tại sao đám khách khứa quyền quý, hạng ông cần trả nợ miệng, giờ này vẫn chưa thấy tới ?".

Xế trưa, khi xôi bánh nhà Khán đã sạch, đột nhiên những vị khách đáng kính kia lại lũ lượt kéo tới, nhiều đến mức nằm mơ, Tập ta cũng không hiểu được.

Nhiều vị từ Triêm Ân, Mộc Trụ, Kẻ Lái... cũng kéo đến. Chao ôi ! Thật là vinh hạnh và cũng thật... nan giải ! Nghe tiếng cười nói bỗ bã quen thuộc của họ ngoài cổng, Tập quát vợ :

- Lấy gì mà dọn đây ?
- Chết tiệt cái chợ Trường Hà, giờ này còn ai mua bán nữa !

Bà vợ nhả miếng bã trầu xuống đất, chửi đồng lên, rồi gọi con : Thủy ! Mày đi Hà Thanh, mau lên ! Còn thằng Cầm, xuống vạn đò ngửa cá... Nhanh ! Ông mời mọc kiểu chi kỳ quặc rứa ? Hử ?!

Khán Tập đưa tay ôm đầu, sửa lại nghiêm chỉnh cái khăn đóng tía để chuẩn bị ngay nụ cười bắt đắc dĩ đón khách.

Khi đám vợ con và gia nhân nhà Khán cật lực nấu nướng cho gần ba chục miệng ăn, thì ở nhà trên, Tập gắng giết thời giờ cho khách không biết cơ man là rượu.

Rượu vào lời ra, thối ma bởi lầm thầy; không ai chịu lý ai. Để tránh cuộc xô xát không chỉ xảy ra với đám quan chức trong làng mà còn có thể với cả hàng tổng, Khán Tập phải mượn cớ ngày hiếu đạo với cha để dàn xếp cho bọn họ lần lượt vác dù ra cổng.

Nhờ tiếp hụt khách, đám người nhà Tập được một bữa no nê.

Sau cái ngày hụt hơi vì khách khứa và bởi áy náy trong lòng, Khán Tập đâm ốm. Ông ta được biết chính Kinh là người trực tiếp đến mời từng người khách một và hẹn giờ giấc chu đáo.

Tập cho gọi Kinh đến :

- Tôi có nhờ chú đi mời đâu ? Tập gắt.

- Không có nhờ, làm sao tôi biết được những người thân thích và khách bạn của thầy. Hàng năm, thầy chả sai tôi chạy đến sái bánh chè vì họ, rồi mang bụng đói mà về sao ? Vả, thầy ai bảo trong số họ là không đáng mời nào ?

- Khán Tập lắc đầu. Quả ai cũng là người Kinh trước đây từng mời cả, chỉ có điều dịp này hay dịp khác thôi, còn kỳ giông này thì... trọn vẹn ! Rất hận Kinh, mà Khán Tập đành phải làm thịnh.

5. CHÍNH CẬU QUÊN ĐÓ Ạ

Ông bộ⁽¹⁾ Tân làm cỗ to giỗ cha, nhờ Kinh sang mời ông bộ Cựu, để tỏ cái tình vốn không mấy mặn mà giữa hai người. Kinh nhận lời, đến nhà ông Cựu, thấy ông này đang phơi phóng quần áo, tắm gội, ý đợi người nhà bộ Tân qua mời. Nhưng Kinh chỉ hỏi chuyện qua loa rồi về.

Sau ngày giỗ, bộ Cựu mặt phùng phùng, tìm gấp bộ Tân, nói khát :

⁽¹⁾ Bộ : hương bộ, người coi sổ sách sinh tử của làng.

- Biết ông bộ có kỹ, tui chuẩn bị khăn áo, hóa ra... Người ta khi có chức quyền, chẳng còn nghĩ tới bằng hữu nữa.

Lúc này, Kinh cũng đang có mặt tại đó. Ông bộ Tân bị cậu nói móc, giận tím mặt, chỉ vào Kinh, lập bập :

- Tui nhớ rồi... Tại răng chú không mời ông Cựu ?

Bộ Cựu nhân đó, hạch :

- Chú quên à ?

Kinh cười, đáp :

- Tui qua nhà, cậu chẳng bảo : "Đợi cái nạng⁽¹⁾ khô chút đã" là gì ? Chính cậu quên đó ạ. Không mời việc gì cậu thốt ra câu nói ấy.

Bộ Cựu thừa nhận mình có nói như vậy, nhưng do Kinh hỏi : "Răng cậu không đi mô chơi cho vui ?", chứ có mời mọc gì đâu. Có điều, cãi sao tiện ?

6. BỘ ĐỒ LỄ

Quýnh gả con gái nơi môn đăng hộ đối, mừng có, nhưng lo cũng nhiều. Vì sút gia là người ưa lý sự, hay vạch lá tìm sâu trong từng lời ăn tiếng nói của kẻ khác.

⁽¹⁾ Chỉ cái quần dài trắng, khi phơi banh ra như cái nạng.

Quýnh đích thân đến nhà Kinh, cậy nhờ ông đóng vai chủ lễ. Kinh vui vẻ nói :

- Mấy đời rồng đến nhà tôm. Ngay cái sự kiện trọng đại này. Kinh tui tự thấy có nghĩa vụ tuân lệnh 'cụ lớn rồi !'

Hai bên hẹn ngày, giờ thống nhất các mặt lê nghi, rồi ông lý về.

Ngày cưới đến. Khách khứa nhà lý đông nhất làng. Tiệc tùng cũng sang nhất làng. Đó là chuyện tất nhiên. Nhưng giờ hẹn với Kinh đã qua, mà bóng dáng người hùng biện, vị đại diện nhà gái đóng vai chủ lễ, không thấy tăm dạng, khiến Quýnh càng thêm quáng.

Thật ra, Quýnh có lần sốt ruột lại cổng ngóng, đã thấy bóng Kinh áo dài khăn đóng nghiêm túc thoảng từ xa. Rồi cái bóng vẫn hoàn cái bóng ! Sắp đến giờ nhà trai vào đón dâu, Quýnh người như bị lửa đốt, mắt không rời hướng ngõ nhà mình. Bất ngờ Kinh đến thật. Nhưng vừa trông thấy, Lý Quýnh đã vội chạy ra đón, không phải vì ông ta quá mừng, mà bởi cách ăn mặc tệ quá ! Lý sợ xấu mặt với đám khách khứa quyền quý, dù Kinh xuống nhà dưới hỏi rít, nào vì sao đi trễ, nào áo quần đâu mà mặc rách rưới, khó coi như thế ?

Kinh vén ống quần toạc lên tận háng, nắm lấy vạt áo dài rách nát, và nói lớn :

- Cũng bởi lo áo quần tươm tất để tiếp khách cho cụ lý, nên cứ chọn đi chọn lại mãi, thành trễ hẹn. Đây là bộ sang nhất của tui !

Mọi người nghe thế, cười ồ lên. Quýnh loay hoay kéo Kinh vào buồng trong, để ông khỏi làm rầy rà rách việc, rồi mở tủ lấy bộ áo quần lě thượng hạng của mình, đưa cho mặc. Kinh thay xong, ngắm nghĩa rất đặc ý, tiến lại chỗ mấy vị khách quý của chủ nhà, hỏi Quýnh :

- Cụ Lý cho tui luôn bộ áo quần này chứ ?

Quýnh thẹn cỗ. Bảo không thì mang tiếng là kẹo kiệt trước đám người có máu mặt trong làng, mà cho thì... tiếc quá ! Quýnh mới ghé móm vào tai Kinh nói nhỏ : "Nhờ thầy ứng đáp cho tốt với họ nhà trai, còn chuyện ấy, mình nói với nhau sau. Câu chối khéo này không ai nghe được, mọi người chỉ thấy Kinh gật đầu lia lịa, cười phá lên và nói to rằng :

- Cụ lý thật tốt bụng ! Đã mời tui đến ăn cỗ, lại biếu luôn bộ quần áo đẹp nữa ! Tốt quá !

Ai cũng trầm trồ khen Lý Quýnh biết trọng dãi người có tài.

Buổi tiếp đón nhà trai và suốt lě cưới, Kinh rất hoạt bát, nói năng phải lời, pha trò đúng mức, không ai trách cứ được. Bấy nay, từ các cụ lớn chí dân thường, có ai dám làm đối thủ của ông trong lĩnh vực này đâu ? Chỉ mỗi Lý Quýnh, ngày cưới của cô gái cưng, lại được kết sui gia với chốn nhà rường cột tán, phụng múa rồng leo, mà mặt mũi ửu xiu.

Có gì lạ đâu, Lý ta biết Kinh đã bày kế đoạt bộ áo quần tốt của mình giữa chỗ đông người. Và con người chỉ quen bòn rút của dân này tiếc đến... đứt ruột !

7. SƠI DÂY LƯNG BẰNG CHÌ

Có người thợ bạc gian lận bằng cách pha thêm chì, đồng để thu lợi cho mình. Nhờ đó, hắn trở nên giàu có, mua được phẩm hàm và lên làm lý trưởng. Gã lý trưởng xuất thân từ anh thợ bạc gian trá này, đã từng bị nhân dân oán ghét.

Hôm ấy làng nhóm do hắn chủ trì, bà con khá đồng, nhưng các ngũ hương⁽¹⁾ thì đến chưa đủ. Trong lúc chờ đợi, hắn cho mời Kinh vào chiếu trong, nói :

- Thầy là người biết nhiều chuyện trong thiên hạ, xin kể cho các cụ và bà con nghe một chuyện giải buồn.

- Tui chỉ biết rặt chuyện tào lao - Kinh nói - nên có gì sai trái xin các cụ miễn lỗi cho.

Mọi người đồng ý : Nếu Kinh sơ suất, làng không phạt vạ.

Kinh bắt đầu :

"Ngày xưa, có một gia đình sinh được hai người con trai. Người chồng chẳng may mất sớm, vợ phải tảo tần nuôi con đến khi thành gia thất. Anh trai cả

⁽¹⁾ Ngũ hương : Năm vai chức sắc ở làng gồm : lý trưởng, hương bộ, hương kiểm, hương lại, hương mục.

giàu có, nhưng keo kiệt, lại rước chị vợ đanh đá, hắt hủi mẹ chồng. Còn người con thứ thì nghèo túng, tuy có lòng hiếu thảo, nhưng khó nuôi nổi mẹ. Để hai con được nhẹ gánh về mình, người mẹ đành phải che riêng mái rạ sống côi cút, hái rau bắt ốc qua ngày. Người mẹ khốn khổ ấy già khوم đi trông thấy, khiến làng xóm lên tiếng chê hai người con bất hiếu. Hai anh em mới bàn nhau đưa mẹ về nuôi. Ai cũng có lý do muốn mẹ đến ở chỗ mình. Người em vì thương mẹ, còn người anh sợ em nuôi, mình bị mọi người dè bỉu. Cuối cùng nảy ra giải pháp : Mỗi người nuôi mẹ một tháng xem thử ai nuôi lên cân, người ấy có quyền giữ mẹ lại nhà mình. Vợ chồng người anh tính hơn thiệt, đẩy cho người em nuôi trước. Sau một tháng sống với đứa con nghèo, nhưng nhờ chăm sóc chu đáo, người mẹ tăng lên được một cân. Đến người anh nuôi, tuy của nả nhiều mà tớ ra hờ hững, nên người mẹ sút cân. Điều này, vợ chồng anh ta phát hiện ra trước khi một tháng thử thách chấm dứt. Sau khi bàn bạc, họ quyết định may cho mẹ chiếc quần mới, để luồn một sợi dây lưng mà hết nửa bằng chì, vừa bù cho số cân sút, vừa có tăng hơn chút đỉnh. Âm mưu của vợ chồng anh con trai cả được thực hiện lúc đưa mẹ lên cân, có bà con xóm giềng làm chứng. Anh con trai thứ chỉ nhìn thôi, cũng biết mẹ mình sút đi rất nhiều, vậy tại sao có chuyện nặng cân bất thường như thế ? Nghi có điều mờ ám, anh ta vờ sửa lại áo quần cho mẹ và nắn trúng sợi dây lưng bằng chì ! Việc làm xấu xa của vợ chồng người anh bị đưa ra ánh sáng. Những người có mặt đều lên án con người tráo trổ".

Kinh kẽ xong, mọi người suýt xoa thông cảm hoàn cảnh người em và lớn tiếng chê bai con người lừa đảo, bất nghĩa. Chỉ riêng lý trưởng là biến sắc mặt. Cơn giận khiến hắn run người, nhưng không nói được một lời nào. Hắn hiểu Kinh muốn lật tẩy thành tích nhơ nhuốc của hắn trong quá khứ với lời cảnh cáo : "Nếu tiếp diễn con đường tráo trở ấy để lừa bịp và ức hiếp dân, thì hãy coi chừng !".

8. NHỮNG CON CHÓ TRONG NGÀY CÚNG ĐÌNH

Năm nào cũng vậy, hễ đến ngày cúng đình là đàn chó không biết từ xóm nhà nào lũ lượt kéo tới. Chúng xông vào tận bếp, lảng vảng nơi mái hiên, và đông nhất là ở hàng chiếu ngang, trải la liệt từ đinh chính đến nhà hội, nơi dành cho dân các hạng ngồi ăn. Làng tế, dân đình không ăn cơm nhà, nên họ cũng tỏ ra rộng rãi với đám khuyển lang thang này. Hình như lũ chó cũng biết điều đó, chúng cùp đuôi, cúi đầu đến tận đất, chạy tới mé hiên đình chờ đợi.

Còn điều này nữa, cũng thường xuyên lặp đi lặp lại, đó là gian giữa đình trải chiếu hoa một hàng, chén bát kiểu sấp thẳng tắp, rượu tăm đầy bầu, và dĩ nhiên bao nhiêu thứ ngon lành cũng được dọn lên ở đây. Trên các chiếu ngang dành cho các dân hàng, chỉ dọn

cái mâm vun, nửa xôi nửa thịt mỡ với nấm đũa tre vót vội, so le và tua tủa những xương, trông thật thảm hại.

Đám chó cũng tinh ranh để nhận ra phần của chúng nằm ở chiếu xoàng xĩnh kia, vì trên đấy có rất nhiều xương. Và chúng cũng sợ mấy ông tuần, không dám bén mảng tới chỗ chiếu hoa, hay chúng nhận ra những thứ hảo hạng ở đó sẽ không bao giờ vào được miệng mình ? Dẫu sao thì mọi cái đuôi vẫn đâu vào đấy, và Nguyễn Kinh nhà ta cũng chọn cho mình được một chỗ ngồi đúng bậc. Đó là chỗ chiếu dành cho dân thường, trải ở mé hiên, gần phía các cụ lớn bên trong. Mọi người vào cuộc, hưởng lộc thần ban. Kinh thấy trên mâm mình ngồi ăn rắt thịt mỡ và xương, với lau nhau ít lòng tạp. Ông gấp từng cái xương một, gặm qua rồi vứt cho đám chó chực sẵn, cứ một khúc xương lại ném cho chúng miếng lòng già hay tí mỡ. Bọn chó chú ý theo dõi, nên một vài lần sau đó, chúng vồ lại giành nhau và cắn xé dữ dội. Mọi người bỏ đũa cùng ngoài nhìn lú chó. Kinh đứng lên, vờ xua chúng đi và chửi đổng :

- Tiên sư cha mấy con chó ! Thịt thà người ta ăn sạch rồi, chỉ còn mấy cái xương mà cũng tranh nhau ầm cả lên.

Bọn ngũ hương ở chiếu trong, rượu thịt vào, mặt người nào cũng đỏ kè, nhưng cái tinh táo để biết Kinh lấy cớ chửi thẳng vào mặt mình thì còn thừa đủ. Và tuyệt nhiên không ai hé miệng, vì họ chẳng ngại gì để bị coi ngang loài khuyển trong ngày lễ tế đình làng.

Còn Kinh, chửi xong, ông ném thêm cho đám chó mấy cái xương nữa, rồi đường hoàng bước ra khỏi chiếu.

9. CỤ LÝ CÔNG ÔNG SƯ

Mụ Ri còn nhan sắc, nhưng phải tội góa chồng, nên lý Quýnh thường tới hỏi han. Có ông thầy chùa trong làng, cảm thương kẻ góa bụa cũng năn nỉ lui tới. Cho nên Quýnh ta ức lăm, đang chờ cơ hội bứng ông thầy chùa để mình độc chiếm. Hôm nọ, nhà mụ Ri có giỗ. Tất nhiên ông thầy chùa phải lánh phần sớ điệp, lê nghi, và cụ lý nhà cũng được mời lo việc tiếp tân thay chủ. Trong số khách, có Kinh tham dự. Thấy lý Quýnh và ông thầy chùa nhìn nhau có vẻ gờm gờm, mọi người chỉ lặng lẽ dấu nụ cười nửa miệng. Không khí bữa giỗ có phần trầm xuống. Kinh xoa hai tay, nói :

- Thưa thầy... thưa cụ lý... tui có câu chuyện định kể giúp vui bà con, chẳng biết có nên hay không ạ ?

Ông thầy chùa và Lý Quýnh có ý ngờ Kinh, chưa biết trả lời ra sao, thì thấy mọi người đã nhao nhao đòi kể, cả hai đành gật đầu.

Kinh với vẻ nghiêm cẩn bắt đầu :

- Đây là câu chuyện tếu thuở xưa. Tui kể nghe cho vui, chứ không nhầm xỏ xiên ai hết...

- Xin kể ngay cho rào đón làm chi ! Nhiều người cùng thốt lên như vậy.

Kinh khoan thai thuật chuyện :

"Từ đời nǎo đời nào, ở làng nội tui có một bà bán mít trông khá hấp dẫn. Bà này ở góa đã lâu, quyết thò chông nuôi con, không chịu đi bước nữa. Nhưng chuyện đời nó vậy; thấy hoài cửa, cũng hiếm kẻ thòm thèm. Trong số những bậc mày râu lui tới nhà bà hàng mít, có lý làng. Ngất vì sự đoán chính của bà, khiến cụ lý tuy thân quen, vẫn chưa xơ mũi gì được, sinh đêm ngày mơ tưởng. Bỗng một đêm tối trời nọ. Cụ lý đang mơ màng thì nghe tiếng bà bán mít gọi cửa. Bà ta lắp bắp nói : "mời bác đến nhà em, có chuyện gấp lắm". Cụ lý thấy có dịp gặp người mình ao ước, lật đật đi ngay.

Đến nơi, thấy một vị sư nằm úp mặt xuống nền nhà, cụ lý ngạc nhiên lay gọi, thì ra sư đã chết tự bao giờ. Thấy cụ lý có vẻ hốt hoảng, bà bán mít nói : "Ông thầy này vào ăn mít, chẳng may trúng thực chết, em nhờ bác lo táng táng và giữ kín chuyện để khỏi rầy rà". Cụ lý bình tĩnh trở lại, đưa mắt tình tứ nhìn bà hàng mít : "Được, nhưng sau đó bà đồng ý cho tui..." Bà bán mít khẽ gật đầu. Cụ lý lúi húi đỡ sư lên, khom người công ra vườn, đào hố chôn. Xong xuôi, cụ vào nhà ngay hòng để ái ân với bà ta. Nhưng lạ lùng thay, lại một sư đang ngồi tùm hum, cái đầu im lặng.

Bà hàng mít : "Bác chôn thế nào, thầy ta sống lại được, bỏ chạy vô đây, ngồi co rúm đó kia !". Cụ lý luống cuống, sợ mang tiếng giết người, không nói không rằng, xốc sư lên vai chạy ra vườn. Chôn rồi, cụ vội quay vào. Nhưng lần này, cụ rất đổi kinh hoàng,

thấy ở chỗ cũ, thấy một vị sư đang tựa lưng vô tường, mắt đứng tròng như chọc giận. Bà nọ khích : "Thầy ta chui mồ lén nữa đó" ! Cụ lý điên tiết, lại công sứ chạy đi. Thấy hai lần chôn người không xong, trời lại sắp sáng mà chưa đạt được mục đích, cụ lý ném phăng vị sứ vào bụi rậm cho mau. Nào ngờ, ở bụi có một vị sư nữa đang ẩn nấp, chực vào nhà bà hàng mít, nhưng vị thầy chưa tiện, bỗng bị một vật nặng bổ xuống người, kinh hồn mất mật. Nhà sư la tướng lên, rồi cù giờ cạy. Cụ lý phát hoảng cũng kêu làng xóm ầm ī và chạy đuổi theo bén gót. Gặp phải ao nước, hai đàng loạng choạng ngã lăn chiêng.. bà hàng mít đứng trong nhà nhìn ra thấy hãi quá, đóng chặt cửa lại. Chả là có đến ba vị sứ bị trúng thực lận cơ, bà đưa hết một lần sơ cụ lý không giúp nổi..

Đến đó Kinh ngừng kể, bởi mọi người đã bò ra mà cười. Chỉ có Lý Quýnh, ông thầy chùa là im thin thít, mặt tái tê vì thẹn.

10. CÙNG “CHUNG CẢ ĐÁM”

Nguyễn Kinh cùng khóa Giang đi dự tiệc khâm tháng của một gia đình quen biết ở Hà Thanh. Vì đường xa nên cả hai đến muộn. Trong nhà, cô bàn bày kín hết, và mọi người đến sớm đang ngồi ăn. Chẳng có cách nào khác, chủ nhà dành mời hai người ngồi ở bàn tiệc trước hiên.

Khóa Giang rất bức bối khi ngồi ở vị trí không tương xứng này. Ông thấy tiếng tăm của một làng lại phải ngồi nơi nước giọt ! Nhưng cỗ đầy tháng đã bày trước mặt, chủ nhà lại rối rít mời, lẽ nào mình hép bụng ? Băn khoăn này của khóa ta bị mấy cụ Hà Thanh thấu hiểu. Một cụ đồ ngồi trang trọng ở mâm trên, ngoài đầu ra hiên châm một câu :

- Gia chủ coi dọn thêm cho hai cụ ở bên đó, kéo xa đường ngái sá nhé !

Khóa Giang nghe ám chỉ mình dân “nô đốc”, đỏ mặt tía tai. Kinh thấy thế đứng lên, lẽ phép nói :

- Thưa các cụ. Nhân khâm tháng cháu, tui xin được đọc mấy câu thơ làm quà :

Cứu mang chín tháng mặc ai lo

Rượu thịt nay mình đãng bữa no,

Ăn uống vui say chung cả đám,

Không riêng hai cụ ở bên đò !

Mấy câu thơ của Kinh đã đánh đồng sự có mặt của mọi người (dĩ nhiên đối tượng chính là các cụ), cốt để thỏa thuê ăn uống. Mà đã như vậy thì đâu có ngồi ở vị trí nào đi nữa, cũng chẳng có gì để huênh hoang hay xấu hổ. Bởi cái lõi của ngày vui, đó là cảnh “cứu mang chín tháng”, nhưng các bậc mà râu đã “mặc ai lo” rồi !

Có lẽ vì thấu hiểu ý nghĩa đó, mà các vị nổi tiếng khích bác đang có mặt nghe xong bài thơ, chỉ biết im lặng nhìn nhau ? Còn với khóa Giang, Kinh đã gõ cho ông ta một phen khó xử.

11. NÓ GIÀU MẶC CHA NÓ

Xóm Nguyễn Kinh có một gã nhà giàu. Chủ nhà này vốn khinh khi người nghèo khó. Mỗi lần có lẽ lạc, cúng kỵ, ông ta chỉ mời hạng khách sang và lờ đi những người láng giềng kiết xác. Kinh thuộc số sau, chẳng bao giờ được làm thực khách của người này.

Hôm nọ, Kinh dẫn vợ con lo chợ búa, nhóm bếp và gõ dao thớt cành cách y như đang làm cỗ bàn giỗ lớn. Con cái ông, đứa xách chai mua rượu, đứa chạy lạch bạch tìm vòi, khiến không khí chuẩn bị cúng cấp càng náo nức. Mọi hoạt động của gia đình Kinh không lọt khỏi tai mắt ông hàng xóm kia. Ông ta xét nét và hơi áy náy. Nhất là về chiều, thấy vợ con của Kinh liên tục bụng mâm có đầy lồng bàn rất trịnh trọng sang biếu cỗ từng nhà trong xóm. Ông nhà giàu đợi đến lượt mình, nhưng chẳng thấy. Gần tối, bỗng con của Kinh chạy đến chồ ông : "Mời bác qua nhà".

- Ra nó cũng biết điều và tôn trọng ta hơn người. Gã nhà giàu lẩm bẩm như vậy, khi bước nhanh đến nhà Kinh.

Tới nơi, ông ta được Kinh đón đả mời mọc. Trên bàn sấp sẵn có con gà luộc, đĩa xôi đầy và be rượu đế, dù chỉ có hai người, một chủ khách thôi. Kinh rót rượu mời ông nhà giàu, hăng giọng nói :

- Bác với tui chỗ gần ngõ xó cươi, tối lửa tắt đèn
cô nhau. Hôm nay tôi có giỗ, mời bác sang uống chén
rượu nghĩa tình. Bác biết đó, có thằng nhiều của mà
ngốc lăm, chỉ biết tới bọn giàu thôi. Nó giàu măc cha
nó, bác nở !

Ông nọ vừa uống lõi ngum rượu, thấy đắng họng,
bỏ về ngay.

Còn Kinh, ông gọi vợ con ngồi vào bàn. Bởi ông
bày ra thế để cả nhà có dịp bồi dưỡng và chửi xéo ông
láng giềng khinh người nọ chơi, chứ có kỵ cúng gì đâu.
Chiếc mâm đầy lồng bàn đi quanh trong xóm là
mâm không.

12. PHÚ ÔNG ĐỔI TIỀN

Có một người tên Bụi, giàu nứt đố đổ vách nhưng
tham lam, bủn xỉn. Nhờ tiền, ông ta mua được hầm
Bát phẩm, nên mọi người gọi là Bát Bụi. Ông Bát rất
muốn học làm sang.

Hôm nọ, Kinh đến nhà Bát Bụi chơi, thừa lúc trà
dư tửu hậu, mới gợi ý :

- Cụ lớn vốn nhà danh giá, làng, tổng đều kính nể,
nhưng nói cụ bỏ qua cho, cái tên nó... xấu quá ! Nên
đổi lại tên khác mới hợp. Bát Bụi bao giờ cũng chứng
tỏ mình nhìn xa thấy rộng, nói :

- Chính tôi cũng có suy nghĩ như thầy. Böyle giờ, ruộng cò bay thẳng cánh, mà còn “bụi” là không ổn rồi. Thầy chử nghĩa đầy bụng, tìm được cho tôi một cái tên khác thì quý hóa quá !

Kinh vò vò đâu suy nghĩ và hẹn Bụi vài ngày nữa, đồng thời dặn mua sắm trước lễ vật để cúng kiêng khi đặt lại tên.

Đúng hẹn, Kinh trở lại.

- Tui nghĩ ra cho cụ lớn một cái tên rất hay, là Bạch.

Ông Bụi hỏi :

- Bạch nghĩa là gì ?
- Là trắng, là sáng sủa, trong sạch...
- Hay quá !!!

Mừng rỡ, chủ nhà bày xôi, gà, cua, trứng... ra bàn đặt trước sân, để Kinh làm lễ tấu trời đất, chính thức cải đổi tên.

Kinh đốt nén hương, chắp tay khấn to lên rằng :

“Chư thần liệt thánh

Bắc đầu, Nam tào

Gia cư, trổ thạch

Tất cả lắng tai :

Bụi này thành... Bạch !”

Lễ xong, Kinh xin keo một lần là được ngay.

Chủ khách đều hể hả, xé thịt gà, uống cạn bầu rượu tăm, hết lời chúc tụng nhau. Bấy giờ, Kinh mới xin tạm biệt chủ nhà, đi ra cổng, nơi đám người hiểu kỳ chen nhau xem từ lâu vẫn còn ngấp ngó. Bỗng Kinh cười to như pháo nổ !

Nghe tiếng cười của Kinh, mọi người bên ngoài xúm lại nghe ông giải thích. Nghe xong, họ cười ồ cả lên. Lúc ấy, dường như Bát Bụi (nay là Bạch) cũng đã giật mình hiểu ra cơ sự.

Bởi vì, vợ ông ta có tên cúng cơm là Tuyết. Lâu nay, quen gọi theo tên chồng, sau đó lên chức "Bà" khiến ngay cả người thân cũng quên bẵng đi. Nay cái tên Bạch của phú ông, gọi người ta liên hệ đến tên Tuyết của phú bà ngày xưa, đem ghép lại thành Bạch Tuyết. Mà trong bộ bài tới, mọi người đều biết, đó là tên một quân bài mang hình tượng "chiếc rong ba lá" của phụ nữ !

Khốn nỗi, chuyện đã lỡ rồi, trời đất đã chứng tri, hàng xóm đều nghe thấy, biết làm sao bây giờ ? Bát Bụi, gã trọc phú thích học làm sang, đành ngậm bồ hòn làm ngọt.

13. HỌC KHÔN, HỌC KHÉO

Làng nọ có người đỗ đạt, không biết là bằng cấp gì, nhưng xem ra ai cũng hãnh diện nhắc đến người này. Kinh lại chơi, nghe chuyện, biết con

người đó thuộc hạng giá áo túi cơm, chẳng giỏi giang gì, mới kể cho mọi người nghe chuyện "Học khôn học khéo" dưới đây :

"Ngày xưa, có một làng kia rất chuộng văn hóa, nhưng chẳng ai chịu bỏ tiền lo ăn học. Các vị đứng đầu làng họp bàn, chọn hai người được coi là sáng dạ để cử một người đi "học khôn", một người đi "học khéo" và cấp cho hai mâu ruộng làng. Người học khéo nhận tiền bán ruộng, la cà ở các quán hàng thịt heo, chả chó, chưa biết được nghề ngỗng gì thì đã gần nhẵn túi. Hôm nọ, anh ta tới nhà người mổ heo, vốn là khách hàng quen biết nên được cho ngồi xem. Anh ngồi miết, nên buồn ngủ, ngáy khò. Khi thức giấc, thịt heo đã chín. Nhìn món đồ lợn, anh ta hỏi :

- Cái gì vậy ?

- Ruột lợn. Người chủ hàng trả lời.

Thấy đồ nóng hổi, bốc mùi thơm phức, anh chàng mua một khúc ăn, khen ngon đáo để, rồi phán khởi ra về.

Trong thời gian đó, người được làng cử đi học khôn lại lê la nơi đô hội, nay sòng bài, mai túu quán. Có lần, người này lang thang trước cửa một công đường, thấy quan đang ngồi xử kiện, mới chen chân vào nghe thử. Đúng lúc ấy, ông quan phán rằng : "Bạch nhật tiểu thâu⁽¹⁾, tối cả thế gian chứ chắc chỉ làng bậy mà nói thế !". Hóa ra, quan ngoài đang xử

⁽¹⁾ Mặt trời thu nhỏ lại.

tranh chấp về một lỗ tết Trời giữa hai làng gần nhau. Họ đổ lỗi cho nhau vì đã thất lễ, nên mặt trời vừa rồi bị biến mất giữa ban ngày⁽¹⁾. Nhưng anh đi học khôn chỉ có nhớ cho được câu nói đã là khó lắm rồi, cần gì hay dở.

Hai du học sinh trở về làng gặp dịp tết Thành hoàng. Dân làng mổ bò, heo sai rước người học khéo đến bày vẽ cách chế biến. Chàng này xăng xái đến, thấy mấy người đã mổ xong heo, định đem lòng ra giếng làm cho sạch, bèn ách lại, hỏi :

- Dân làng ta dốt nát là phải lắm ! Lâu nay cứ đem của quý ấy mà vứt đi, thật quá phí phạm. Nay ta đã được học cái khéo của người, biết làm thì ăn nó rất ngon. Hãy đem bỏ vào nồi mà luộc đi !

Nghe lời chàng, mấy người làm thịt heo bỏ nguyên bộ lòng ấy vào nồi, rồi bàn nhau làm sạch những bộ lòng khác để giấu ăn riêng.

Lỗ tết xong, mấy vị hương trưởng, đầu mục ngồi lại thưởng thức món đồ đặc biệt ấy, cứ khít khít mũi hoài. Họ gọi anh chàng đi học khéo đến hỏi. Nhưng để giữ đúng phong tục, làng cho triệu người học khôn ra, đóng vai quan phân xử. Chàng ta nhớ lõm bõm câu nói của viên quan hôm nào, mới hùng hổ đập bàn, dõng dạc nói :

- "Bạch nhật tiểu thâu, đã cắt lát ra, tau sắp đầy đĩa mà bay còn nói thế !"

⁽¹⁾ Nhật thực.

Mấy vị chức sác hoảng hồn, ngỡ thần Mặt trời hiện lên ở anh ta, mới van lạy đủ điều và tha bổng cho chàng học khéo kia. Ai cũng cả quyết rằng : làng ta có hai người thông kim bác cổ, đến trời đất, thành hoàng đều cảm thấu!".

Kinh kể xong, dân làng khen hay, người mời trầu, kẻ mang thuốc. Nhưng đến khi con người hùng biện đi khỏi ngõ, mọi người sức nhớ kẻ đỗ đạt ở làng mình, và ngâm ra ngậm đắng nuốt cay... thì sự đã rồi.

14. BÀ CON GẦN LẮM !

Một anh bạn phu lục lộ rủ Kinh đi dạo phố chơi. Cả hai xuôi ngược giữa cơ man xe ngựa dập dùi. Anh bạn không quen đường sá, nhưng thấy gì lạ cũng háo hức lại xem. Chẳng may, anh ta bị viên cảnh sát công lô chấn giữ, vì đi lăng xăng phạm luật giao thông. Thấy bạn gặp nạn, Kinh vội chạy đến. Viên cu-lít⁽¹⁾ người An Nam định rút sổ phạt ra, bỗng nghe tiếng reo mừng rõ của Kinh.

- Chú ! Trời ơi, chú đây sao ? Anh em xa nhau lâu ngày, bỗng tình cờ gặp lại, tui mừng quá !

⁽¹⁾ Cu lít : Police (cảnh sát).

Viên cu-lít ngơ ngác. Trong thoáng chốc, cỗ moi trí nhớ, xem mình đã gặp người này lần nào chưa, và lắc đầu nói :

- Thật tình, tôi từ quê lên đây lâu ngày, bà con dưới nơ cũng nhiều mà quên bắt. Xin bác cho biết bác với tôi anh em ra sao ?

- Bà con rất gần, gần lắm. Kinh nói với vẻ mặt thỏa thuê, sung sướng và làm như bất chợt nhìn thấy cánh tay viên cu-lít đang túm cổ áo anh kia hỏi : "Chuyện gì vậy chú ?"

Viên cu-lít cảm thấy ngượng, lơi tay một chút với anh nọ. Kinh thừa dịp nắm lấy cánh tay anh nhân viên "công vụ" rồi phân trần :

- Thôi tha cho người ta, làm ơn đi chú. Anh em mình cần nói chuyện nhà một lát mà !

Ai nỡ từ chối trước tình cảm thăm thiết bất chợt này ? Viên cu-lit buông mồi. Còn Kinh thì huyên thuyên, hỏi từ chuyện nhà ra chuyện nước, đủ cả. Đợi người "bà con" ngừng lời, viên cu-lít mới nhắc lại nỗi băn khoăn của mình :

- Xin bác nói rõ cho em biết : Ta bà con với nhau ra làm sao ?

- Gần lắm ! Kinh cười to : Tui là cu-li, còn chú là cu-lít cùng họ Cu với nhau cả, chỉ khác có mỗi chữ "lờ" ở cuối tên của chú mà thôi !

15. VÂNG LỜI BỐ VỢ

Hôm nọ, bố vợ Kinh bất chợt ghé thăm. Người bố thấy ông rẽ quý nằm chỏng chân trên phản nghêu ngao hát, bèn quở trách :

- Khắp nơi, người ta làm rầm rầm rộ rộ, còn mày thì cứ nằm ngửa mãi ra, là nghĩa làm sao ?

Kinh không dám đáp lại bố vợ nửa lời.

Lần khác, chừng tháng sau, Kinh cũng đang luyện giọng cho mấy câu hò mới kiến⁽¹⁾ được, bỗng ông thoáng thấy bóng bố vợ ngoài ngõ, bèn lùa vội ly tách trên phản sang một bên để có chỗ mà nằm. Nhưng lần này ông không nằm ngửa mà nằm sấp, mặt úp xuống, tay chân buông thõng

Người bố bước vào, thấy rể nằm im ỉm, ngõ có chuyện đau ốm gì, hỏi rối rít :

- Ôi, chao !... Mày làm sao thế, hở Kinh ?

Kinh ngẩng đầu :

- Con có làm sao đâu ?

- Không sao mà nằm sấp vậy ư ?

⁽¹⁾ Sáng tác miệng.

Kinh lấy giọng thiểu nãy đáp :

- Bố chẳng rầy con "cứ nằm ngửa mãi ra" là gì ? Nay con vâng lời, chỉ có nằm sấp thôi, bố còn cẩn văn làm chi nữa ?

16. LO XA

Thấy vợ con chạy đôn chạy đáo, chân không bén đất, sau bữa cơm ăn vội, bà toan đi, Kinh gọi lại :

- Nè, mạ mày mần chi mà cuống lên rúa ? Hãy từ từ thôi...

Bà Sử vốn bức tinh thờ ơ của chồng, được thề nói:

- Ngồi đó mà từ từ, để chợ tan, quán hết thì bán buôn với ai ? Đúng ra, ông phải giúp tui việc bếp núc để tui còn rảnh tay chạy chợ, chứ đằng này...

- Thôi, Kinh ngắt lời vợ. Từ nay, tui đảm việc nấu nướng cho.

Bà quay lưng đi, nhưng cũng nói với lại một câu :

- Ăn bữa ni phải nghĩ tới bữa mai. Ăn no lo xa mà !

Người vợ tan chợ về, mang thúng gióng vào nhà, thấy cơm canh đã nấu xong đâu vào đó, định gọi chồng vào cùng ăn, nhưng thấy ông đang ngồi chõ vại nước, mới đến gần xem thử.

- Ông còn mần chi nữa ? Bà hỏi.
- Vo gạo chứ làm chi ?
- Ông điên rồi à ? Cơm canh tôi thấy ông làm xong, còn vo thêm gạo nấu cho ai ăn nữa ?

Kinh ngược mắt nhìn vợ :

- Mạ mày cái chi cũng bắt bẻ được. Xong bữa ni phải tính tới bữa mai, ăn no lo xa, mạ mày chẳng vừa giảng giải lúc sáng đó ư ?

Bà Sử biết chồng không muốn đánh bạn với bếp núc nên sau đó phải tự mình đảm đang lấy.

17. CON CÚI

Kinh sang nhà hàng xóm xin rơm. Thấy chủ nhà tỏ ý không muốn cho, ông nói :

- Tui chỉ xin một con cúi⁽¹⁾ thôi mà.
- Rứa thì được. Chú ra ngoài dụn tha hồ mà bện.

Kinh tới đụn rơm, bện con cúi to bằng cái cối giã gạo rồi vác về. Chủ nhà thấy gai mắt, nhưng chẳng biết nói thế nào được, đành chịu.

Ít hôm sau, Kinh lại tới nhà xin rơm. Chủ nhà bảo :

⁽¹⁾ Vát hàng rơm bện, hình con rắn, dùng để giữ lửa.

- Chú định vác con cúi to bằng cả bó rơm nữa ư ?
- Lần này chỉ xin bằng bắp chân thôi.
- Được ! Cứ ra mà lấy.

Kinh ra bện một con cúi nhỏ bằng bắp chân thật, nhưng dài đến mức, ông cầm đầu lôi ra tới cổng, mà cái đuôi con cúi hấy còn ngo ngoe ở giữa sân, khiến chủ nhà dù tiếc của cũng phải ngoác miệng ra cười.

18. MỪNG NHÀ MỚI

Anh Bình, người hàng xóm của Kinh vừa dựng được nhà mới. Ông lăm xăm tới chúc mừng. Bà con, thầy thợ thấy Kinh đến, mời ông uống rượu và nài kể chuyện vui cho bằng được. Ông bước ra sân, ngắm nghía cái nhà mới, nói :

- Chuyện thì chẳng thiếu. Nhưng nay anh Bình làm nhà, tạm gác đó, để tui nghĩ vài câu gọi chút quà mừng nhà mới.

Chủ nhà từ mái tuột thang xuống, rối rit :

- Được bác chiếu cố thế, còn chi bằng.

Kinh từ tốn đọc :

Cái nhà hai căn không chái

Phá ra làm lại, rộng rãi ba căn

Vợ chồng anh Bình gắng sức mần ăn.

Ngày sau không như cùu Kiếm, cũng bằng
cậu Thông.

Chủ khách đều hớn hở trước lời chúc chí tình, và
phục tài xuất khẩu thành chương của Kinh. Không
thích thú sao được khi Kinh đem cùu Kiếm với cậu
Thông, hai nhà giàu có ở nơi đây, để làm cái hình ảnh
ngày mai của đôi vợ chồng xuất thân nghèo khó, đang
cố n蛾i lên vượt khỏi cảnh bần cùng.

19. ĂN CỖ MỜI KHÁCH XA, CHÁY NHÀ LA HÀNG XÓM

Nhà kia sống với xóm giềng rất lạnh nhạt, lúc có
việc cỗ bàn, chủ yếu họ mời mọc khách xa, còn bà
con lân cận chỉ mời đôi ba người chiếu lệ. Chẳng may
cho họ, hôm ấy nhà bị cháy. Già, trẻ, gái, trai nhà kia
vừa ra sức chữa lửa, vừa la to:

- Ối làng xóm ơi ! Nhà cháy !... Cháy !...

- Làng xóm ơi ! Cứu tôi với !

Bà con khắp nơi kề gác người thùng hùa nhau chạy tới. Kinh ở gần đấy, xông vào dập lửa túi bụi, và vờ kinh hoảng kêu lên :

- Cháy... Ơi làng ơi xóm, chọn người mà chạy ! Ơi làng ơi xóm, chọn người mà cứu !...

Thoạt đầu, người ta ngỡ ông hải quá mà ơi nhầm. Nhưng rồi mọi người hiểu ra dụng ý phê phán của ông, nên lặng lẽ giấu đi nụ cười. Còn chủ nhà kia nghe vậy cũng nhận được bài học lớn về cách xử thế, trong lúc sơ gân mất mặt, nên càng nhớ đời.

20. TRÚT TƯỢNG LÀ ĐỖ TRỌNG

Hôm nọ, Kinh tìm đến thầy lang khai bệnh của vợ. Ông thầy thuốc ngạc nhiên hỏi :

- Eng đem chị ấy đến có phải tiện hơn không ? Tôi làm răng bắt mạch eng, mà cho thuốc chị được ?

Kinh nói :

- Xin thầy yên tâm. Tui biết rõ bệnh này, duy gia giảm thì chịu. Thầy cắt cho thang có các vị đương quy, thực địa, cam thảo, ngưu tất và đỗ trọng là được.

Thầy Kinh tỏ ra sành sỏi, thầy thuốc an tâm kê đơn. Đến chữ đỗ trọng, Kinh yêu cầu thầy viết thành trút tượng, thầy thuốc hỏi lý do, Kinh cười đáp :

- Chả là, bố của khóa Vận, bán thuốc tên là Đỗ, còn ông già lại tên Trọng, mình ghi như thế để kiêng cho ông khóa, ông ấy tính hay kiêng khem và nồng nảy lắm.

Ông thầy thuốc gật đầu đưa đơn thuốc cho Kinh đang vội.

Ở chỗ khóa Vận, ông này chăm chú cân bốc từng vị thuốc cho Kinh, chợt dừng tay, hết nghĩ ngợi lại lật chồng sách ra tra cứu. Sau một hồi lâu, Kinh mới lên tiếng :

- Có chi rắc rối mà eng lúa khua như thầy chùa mất sơ điệp rửa ?

- Cái chỗ này đây. Khóa Vận thật thà chỉ vào chữ "trút tượng". Có vị nào tên trút tượng nhỉ ? Quái thật !

Kinh cười to lên mà rằng :

- Ôi, eng khóa ơi ! Eng học thì nhiều mà dốt bỏ cha. Tui vì kính nể eng mà kiêng hộ cái tên hai ông cha cho eng, rửa mà eng không biết !?

Trút tượng là... đỗ trọng đây nè !

21. ĂN LƯƠN NÓI LẸO

Nhà nọ, chị vợ bị anh chồng đánh, kêu lảng dối xóm ầm ĩ. Nhiều người cùng chạy đến. Kinh cũng lon ton băng rào sang. Khi hỏi ra mới hay : chị vợ ăn vụng bị chồng hạnh họe bèn chối quanh, nên anh ta nổé đóa nện cho.

Kinh can ngăn anh chồng, nói :

- Tưởng chuyện gì, chứ cái việc ăn vụng vì thèm khát, phải thương chứ răng lại đánh ? Tui có câu chuyện vợ đã ăn vụng còn nói điêu, suýt làm anh chồng mất mạng, nhưng chẳng biết đường nào mà mò. Muốn nghe, hãy im lặng hết để tui kể. Rồi sau đó, Kinh bắt đầu :

"Có một ông nọ đóm được con chim to, mang về dặn vợ nhổ lông, còn mình đi tìm cái chai. Trước khi ra đường đi mua rượu, còn ngoái lại nói : "Mình làm cho tủ tế, tui kiêm ti chất cay và tiện thể mời người bạn sang nhắm cho vui". Người vợ nấu nướng xong, nghĩ bụng : "Có khách, chắc mình chẳng còn phần. Chỉ bằng ta ăn trước bớt cái đùi". Chị ta xơi cái đùi xong, thấy thòm thèm, lẩm bẩm : "Chim gì chim một đùi?", bèn ăn nốt đùi còn lại cho cân. Nhìn thấy đôi cánh, chị ta cầm lòng không đậu, bốc nhai riến rau. Lại nghĩ : "Chim gì không đùi, không cánh?". Chị ta bèn xé thịt còn lại, ăn nốt.

Khi con chim nằm gọn trong bụng rồi, người vợ thấy chồng dẫn bạn về nhà. Chị ta nhanh nhẩu bảo riêng chồng : "Tôi nhổ rồi, coi bộ chim này cứng xương lầm, mình mài dao để chặt". Anh chồng nghe lời vợ, lấy dao mài sàn sạt. Bấy giờ, chị ta lên nhà trên, nói nhỏ với khách : "Không hiểu chồng tôi giận bác thế nào, mà lầm bầm mài dao định chém đó". Người bạn há hốc mồm, tỏ vẻ không tin, bị chị ta kéo xuống nhà sau xem. Thấy dáng hung tợn của bạn lúc liếc dao, ông này phát sợ hoảng lên, co giò chạy. Cũng lúc ấy, người vợ đến bảo chồng : "Mình ơi, anh bạn của mình

trông con chim béo quá, tham lam cắp đi rồi !". Người chồng hốt hãi cầm dao ra sân, quả thấy ông kia đang lúi xúi chạy thật. Không nói không rằng, ông nẹ ba chân bốn cẳng rượt theo. Khi gần đuổi kịp bạn, ông ta nói : "Công của tao, để tao chặt cái cổ !". Người kia nghe loáng thoảng tiếng "chặt... cổ", kinh hồn phóng mau hơn nữa. Ngỡ bạn ham ăn không chịu để mình cái cổ, ông nẹ huơ dao, thét lớn : "Tao lấy cái gì ?" Người kia sợ chặt mất chân, lấy hết sức bình sinh mà... tẩu ! Ông nẹ đuổi đứt hơi vẫn không kịp đành lủi thủi trở về.

Kinh ngưng câu chuyện ngang đó. Thấy vợ chồng nhà ấy cùng bà con đã cười lăn ra, không khí trong nhà đã dịu lại, Kinh bèn bảo :

- Còn đoạn sau, xin để bà con nghĩ lấy... miễn đừng để họ đánh nhau là tốt rồi.

22. CÂY CHI KHÔNG TRÁI, GÁI CHI KHÔNG CHỒNG ?

Kinh đi chơi với người bạn, bất ngờ gặp cô Kiền, một cô gái sinh hò ở Mộc Trụ. Cô Kiền thấy trai làng lạ, cất lời hò ghẹo :

Hò ơi...

Trăm cây, cây chi không trái ?

Trăm gái, gái chi không chồng ?

Trai nam nhơn đổi đặng, cắp đèn lồng⁽¹⁾ em trao.

Anh bạn lúng túng, níu áo Kinh. Kinh bước đến
gần cô gái hò đáp :

Hò o...

Trăm cây, cây hương không trái,

Trăm gái, gái tố nữ⁽²⁾ không chồng

Trai nam nhơn đổi đặng, cắp đèn lồng em đưa đây !

Kinh với tay đeo "cắp đèn lồng", khiến cô gái mắc
cõi, bỏ chạy biến vào trong thôn.

23. HAI BÂY MƯỜI MỘT

Vào một buổi chiều mùa xuân nắng ấm, Kinh dạo
phố Huế xong, xuống bến đò về quê, chợt thấy
quan tri huyện cùng người lính lê xách khăn gói đi
cùng một hướng. Thì ra quan lớn cũng chờ đò về thăm
quê vợ ở cùng làng Kinh. Chủ đò dành riêng quan
khoang trước, có kê đệm lót vải bông hẳn hoi. Đò nhỏ
sào rời bến. Quan khẽ nệ ngồi tréo chân chữ ngū, rồi
gật gù nhìn sông nước và làng mạc hai bên bờ.

⁽¹⁾ Nghĩa bóng chỉ đôi vú.

⁽²⁾ Cô gái trong bức tranh "tố nữ".

Vì đò có quan huyện đi, nên không một ai ngồi phía sau nói điều gì to tiếng cả. Kinh muốn phá vỡ cảnh im lặng khác thường ấy, bèn cất tiếng gọi với chiếc ghe đang chèo tới phía sau.

- Bé ơ ơ... o tê ! O giỏi hò hay hát, gấp trời nắng êm, gió mát, răng không cát đỗi câu cho đỡ buồn !

Nghe Kinh thách thức, chị phụ nữ ngồi ghe sau ngửa cổ cất lời hò rằng :

- Hò ơ ơ ơ...

Tiếng đồn anh chữ tốt văn hay

Hai bảy mười một, anh tính rày có ra

*Tính ra, thì em xin về làm vợ, không đợi mà
cưới cheo !*

Cả đò im phăng phắc, nghĩ ngợi, Kinh cũng làm ra vẻ bí, ôm đầu trong hai đùi bị chèn bó lại. Chị phụ nữ chống ghe bên kia thấy thế, được thế nhắc lại câu hò. Còn quan huyện thì dăng hăng, quay mặt về khoang sau, nói :

- Nay ! Giỏi thách người ta hò thì trả lại đi ?

- Bẩm quan bảo tui à ? Kinh hỏi lại.

- Chớ không anh, thì ai vào đây ? Quan bĩu môi.

Kinh đáp từ tốn :

- Nhưng ý chị ta muốn thách quan lớn đó thôi, vì người chữ tốt văn hay ở đây không ai ngoài ngoài ra. Chị ta chơi cao, đâu thèm đối đáp với kẻ thường dân hạ tiện chúng tôi. Đó, chị ta lại thách quan lớn nữa kia !

Người phụ nữ lắp lại câu hò với tràng cười gheo. Chị ta đi sau, đâu có biết trên đò có quan to. Còn quan, mặt đang háo hức thế là bỗng nhiên chau mày ngẫm nghĩ. Anh nào đó nói đúng. Chữ tốt, văn hay không phải quan tri huyện, thì còn ai ở đây nữa ?

Nhưng câu hò hóc hiểm quá, không sao "trả" lại được. Hay là ...

- Nay ! Quan quay lại gọi Kinh : Anh trả được, ta thưởng cho.

- Vậy là tui thay quan đáp lại. Kinh nói. Nhưng quan thưởng cho nhiều ít, để tui còn lựa câu ạ ?

Quan biết gấp phải tay chẵng vừa, vì sĩ diện, đành phải trả lời.

Một quan tiền, nếu chú đổi được. Nói xong, quan huyện móc túi lấy một quan tiền, bảo lính lệ đặt ra trước mặt.

Kinh nhận tiền bỏ túi, rồi hắng giọng, hò :

- *Ói o tê ơi ! Lắng nghe tui tính cho này.*

Mồng bảy đến mười bảy là mười một ngày,

*Vậy o cầm cái sàng mà sàng gạo, mấy lỗ sưa dày
có biết không ?*

Chị phụ nữ kia chịu bí, bẻ ghe sang lối khác. Mọi người trên đò xôn xao bàn tán, tỏ thái độ phục tài Kinh, còn quan huyện lúc này không thiết ngắm trời mây nữa, ngài cảm thấy bức bối và lúng túng, vừa tiếc rẻ quan tiền.

24. GIỜ CÚNG ÂM HỒN

Các vị bô lão của Phổ⁽¹⁾ tổ chức lễ cúng âm hôn hàng năm. Mọi nghi thức, lễ vật đã chiết lệ thông qua, riêng giờ cúng thì chưa thống nhất. Mỗi giới, mỗi ngành đều muốn giờ cúng phù hợp với yêu cầu tuổi tác, ngành nghề của mình. Thấy có nguy cơ bất hòa, Kinh đề nghị :

- Thưa các bác, các mẹ, tui tính đi tinh lại kỹ rồi, buổi tối mà cúng là tốt nhất.
- Thầy bảo tốt là tốt làm sao ? - Có người thắc mắc.

Kinh cười mà thưa rằng :

- Bởi “âm hôn là ôn hầm”.

Ôn là ông, *hầm* tức hùm (cọp) đây là cách nói lái theo âm địa phương. *Ôn hầm là con coọc*⁽²⁾ mà trăng mọc thì coọc ra. Như rửa có phải cúng vào buổi tối là tốt hơn không ? Mọi người cười ồ lên, vì họ thấy Kinh nói có lý. Không phải chuyện con cọp có ra hay

⁽¹⁾ Phổ : Một tổ chức quần chúng, chuyên lo đưa tang, tảo mộ vô danh, cúng tế các oan hồn, tử sĩ và lễ tế hàng năm ở các đền miếu ở nông thôn.

⁽²⁾ Coọc : cọp. Âm địa phương (đọc trại).

không, mà chính vào buổi tối, ai cũng rảnh rang, chẳng ai kèn cựa nhau để áp đặt ý muốn chủ quan của mình được.

Còn một vị bô lão có ít nhiều chữ nghĩa, thì thốt lên với mọi người rằng :

- Kinh chỉ nói trót⁽¹⁾ thế mà rất hay. Vì cái lẽ đương nhiên là đúng, là phù hợp. Đôi lúc cũng cần phải bọc bằng cái vỏ khôi hài, thông minh, ý kiến dễ nghe dễ chấp nhận hơn. Lão này xin bái phục !

25. BÀI VĂN CHIÊU HỒN

Ngày nọ, Nguyễn Kinh đi chơi xa về, thấy xóm chợ Trường Hà tấp nập người qua lại. Hỏi ra mới biết họ sắp sửa lễ trai đàn, cầu siêu, cho những oan hồn vất vưởng. Trước khói hương thơm ngát, đèn lửa rạng ngời, từng người một bước vào chiếu cúng tiền bạc và thi lê, Kinh thấy cũng hay hay, mới tiến lại giữa chiếu, vái một vái dài và nói :

⁽¹⁾ Trót : hư hư thực thực. Nói trót : nói vừa đùa vừa thật, hầu như không nhầm chủ đích nào.

- Tui không có lẽ vật, xin được đọc bài văn, gọi hồn để thay. Bởi lẽ vật ở đây đã nhiều, nếu không gọi hồn về thì ai hưởng ?

Vị sư được mời chủ trì buổi lễ trai đàn, đứng cạnh đó, thầy Kinh ăn nói lễ phép bèn đáp lại :

- Nam mô a di đà Phật, xin thầy cứ tự nhiên cho.

Kinh dõng dạc đọc bài văn chiêu hồn, ứng tác tại chỗ như sau :

Tam hồn thất phách

Bát trại môn đồ

Cấp hồi nhập xác !

Hoặc hồn lưu lạc

Ở tại hà phương

Hoặc vô trong phường⁽¹⁾

Đánh sòng bài điếm

Hoặc ra Cửu Kiếm⁽²⁾

Hẹn nợ hẹn nần

Hoặc qua thợ hân

Ăn chè ăn cháo,

Hoặc hồn thiếu gạo

⁽¹⁾ *Phường* : phường hội, chỉ phường bài bạc.

⁽²⁾ *Cửu kiếm* : một nhà giàu có trong làng.

Vô vay cô Ba,
Hoặc hồn về nhà
Thăm con thăm vợ,
Hoặc hồn đang dạo
Đọc sá đọc đường !
Hoặc hồn chơi hoang
Vô ve Cửu Chút⁽¹⁾
Thấy hương nghi ngút
Thì chạy mà về
Chờ chơi sa đà
Mà làng ta giác !⁽²⁾

Kinh đọc xong bài văn chiêu hồn, mọi người cười vang như phá cỗ. Ngay sự cụ, nỗi tiếng nghiêm khắc là thế mà cũng không nhịn được cười. Vì lối gọi hồn của Kinh nó xác đáng và cụ thể quá. Ông không hề che dấu thói hư tật xấu cùng nỗi khốn khó của người dân. Ông cũng đưa cả tên tuổi, những tập tục, những con người cho vay lãi, hoặc phụ nữ thiếu bê đoan chính bằng lời lẽ phê phán nhẹ nhàng.

Do cảm nhận được điều đó, mà bà con thấy buồn lẽ trai đàn trở nên có ý nghĩa làm sao !

⁽¹⁾ Một bà góa chồng không được đoan chính lăm trong làng.

⁽²⁾ Giác : biết mà tố cáo.

26. TÀI BIẾN BÁO TRƯỚC THẦN LINH

Gần làng Thanh Lam, có cái miếu Bà tiếng đồn thiêng lắm. Nhiều người trong vùng phải khi ốm đau, thường đến cầu xin, cúng bái. Hôm nọ, cô con gái của Kinh chẳng may bị đau bụng, kêu rên ầm ĩ. Vợ ông hốt hoảng, bảo :

- Ông đi ngay đến miếu Bà xin phép⁽¹⁾ về cho nó uống. Nhanh lên ! Đau như ri, con tui chịu sao thấu !

Kinh cố ý lùng chừng, nhưng thấy vợ giục quá, đành chấp thuận :

- Đi thì đi ! Nhưng mạ mày đi cùng để bưng phép và lo khoản hương đèn cho tui, nghe.

Hai vợ chồng lật đật ra đi. Đến miếu, thắp hương đèn xong, Kinh chấp hai tay khấn to rằng :

- Tui có đứa con gái đau bụng chạy chữa mấy nơi mà không khỏi. Bà quả thật linh thiêng, cho phép con tui uống lành, tui xin hậu tạ một con heo béo, hai thúng xôi đầy. Tui có làm sai, xin Bà vặt cổ.

⁽¹⁾ Phép : bùa phép.

Khấn xong theo lê, Kinh dút hương và giấy vàng mã đốt cháy vào bát nước lᾶ mà vợ mực nơi giếng gần miếu, đem về. Trên đường đi, người vợ lo lắng hỏi chồng :

- Ông bao miệng hứa trả lê to như rúa, nhà mình lấy chi mà lo đủ ?

Kinh cười :

- Lúc đi thì mong cho con chóng lành, khi về, lại sợ nó khỏi thật, mạ mày cũng hay đó.

Người đàn bà im lặng đi theo chồng. Cô con gái, sau đó qua khỏi cơn đau. Người mẹ lại càng lo tợn. Đã trót hứa với thần linh, làm sao mà thực hiện cho được đây ? Bà lại giục chồng :

- Ông đi tạ ngài cho xong. Tui ăn ngủ không yên vì lo sợ đó.

Kinh bảo vợ mọi thứ đã có đủ, ngày mai hãy đi, và khuyên vợ an tâm. Hôm sau cả hai vợ chồng, cô con gái, đến miếu Bà. Một số người hàng xóm biết chuyện cũng muốn đến xem thực hư ra sao.

Người vợ ngờ chồng đã vay mượn của bạn bè và nhờ ai đó làm hộ heo, xôi gánh tới, vì bà chẳng có cách gì hơn được. Nhưng đến nơi, bà mới ngạc nhiên, khi thấy miếu vắng hoe. Và càng ngạc nhiên hơn, khi thấy chồng rút trong áo ra một tờ giấy hồng đơn, có vẻ săn trên đó một con heo to bự và hai thúng xôi đầy ắp. Kinh đốt hương đèn, đặt tờ giấy lên bàn thờ, bắt đầu khấn :

- Giữ đúng lời hứa với Bà, nay tui mang đù heo và xôi đến lê tạ. Chỉ có điều này là khác : mọi người cúng Bà xong, lại mang phần Bà không hưởng hết về nhà ăn, còn tui xin hiến tất cả cho Bà.

Nói xong, Kinh quẹt lửa đốt tờ giấy có vẽ heo, xôi, miệng hô : "hóa... hóa !...". Xong rồi, Kinh giục vợ con ra về.

Nhưng nào có ai chịu về ngay. Thoạt đầu, vợ con Kinh và đám người tò mò đi theo thấy thế sợ Bà xanh mặt. Nhưng đến khi họ thấy ông làm mặt nghiêm đốt tờ giấy rồi hô "hóa... hóa..." thì tất cả đều che miệng cười, phục tài biến báo của Kinh trước thần linh.

27. CHÁO LÚT

Một họ lớn trong làng làm chay to lăm, mời thầy pháp Chứt tới cúng. Đến khi cúng mâm "thí thực" cho mười hai con giáp, Chứt thấy Kinh lù lù xuất hiện, đòi được ngồi đồng. Lệ xưa : người đồng đóng vai các con vật để thầy pháp khảo tra, được hưởng tất cả chiếu cỗ, chủ cúng không lấy lại thứ gì. Thầy pháp Chứt vốn quen biết Kinh và cũng kiêng mặt ông. Thấy từ chối khó lòng, thầy Chứt dành mời ông ngồi đồng. Kinh được trùm khăn điếu kín nửa người, trong lúc Chứt lên chuông, mõ niệm chú, bắt quyết.

Đến lượt khảo đồng, Chứt hỏi :

- Con đứng đầu mười hai con giáp, là con gì ?

- Chuột
- Chuột ! Mày kêu thế nào ?
- Chút chít !... Chút chít !

Thầy pháp Chứt gõ kẽng, đọc nhanh :

- Chút chít, chút chít, tao chặt lấy đầu, tao xâu lấy mõ, tao xỏ lấy gan, tao càn lấy ruột, tao tuột lấy da, tao thả sông giang hà, mỗi ngày một ngái một xa. Phà!...⁽¹⁾

Lần lượt con thứ hai, trâu; thứ ba, cọp... cho tới xong con thứ mười một. Thầy Pháp Chứt đã hơi yên bụng, khảo tiếp :

- Con cuối cùng là con gì ?

- Heo.

- Heo !... Mày kêu thế nào ?

- Cháo lứt ! Cháo lứt !

Thầy pháp Chứt gõ kẽng đọc to :

- Cháo lứt ! Cháo lứt, tao chặt lấy đầu, tao xâu lấy mõ, tao xỏ... Phà !...

Lúc này, Kinh có quyền ôm chiếu cõi chạy đi và ông cười sảng sặc. Lúc này vị pháp sư "phà" xong mới nhận ra "cháo lứt" có nghĩa là Chứt láo (nói lái). Cơn giận trong người thầy sôi lên, cái kẽng cầm trên tay rơi xuống đất, mặt mày tái mét, run rẩy.

⁽¹⁾ Phà : có nghĩa là cút xéo đi !

28. NGUYỄN KINH LÀM THƠ

Vào đầu những năm 40 vùng Thanh Lam, Trường Hà, bài về "DU LỊCH THIỀN ĐÀNG" của Nguyễn Kinh được lưu truyền khá rộng. Nội dung bài về nói lên nỗi thống khổ của nhân dân và xin trời "can thiệp" để cho dân bớt khổ.

Bên cạnh đồng đảo bà con yêu thích, truyền tụng cũng có một số người thuộc giới có chút chữ nghĩa trong làng vẫn tỏ ý coi thường, cho đó là thứ vè vè (nôm na). Nguyễn Kinh cũng biết điều đó. Nhân ngày nhóm làng té Xuân, các cụ chắc sắc trong làng mời Kinh vào, bảo có gì mới hãy kể cho họ nghe chơi. Kinh lên tiếng :

- Thưa làng, hôm nay tôi kể bài thơ vừa sáng tác theo luật thơ Đường có được không ạ ?

- Các cụ đây tai đã nghe quen loại thơ này, thầy làm được như rửa thì còn chi bằng. Một người nói, với thái độ vừa ngờ vực, vừa có vẻ mỉa mai.

- Tui xin phép đọc. Kinh e hèm, lấy giọng, đọc to rằng :

Năm tê, năm tể, tờ lên Trời

Gặp cậu Thiên lôi đón ngõ mời

Khiến dương Tơ Hồng pha nước uống

Sai dì Nguyệt Lão lấy trầu xơi.

Nam tào đem lít sâm banh dọn

Bắc đầu dâng bao Cẩm Lệ mời.

Bảy cậu, một cô ra tiếp rước

Chị Hằng cầm ở lại đây chơi.

- Ối chà ! Hay ! - Một cụ thốt lên.

Kinh cười, thưa tiếp :

- Nhưng đó là chuyện xưa lắc. Mới đây thôi, tui đi
đạo khắp hoàn cầu chỉ trong một ngày...

- Một ngày ?

- Dạ, một ngày, nhưng không bỏ sót nơi nào. Xin
phép các cụ cho đọc tiếp :

Một ngày đi đạo khắp hoàn cầu

Mai : Mỹ, Úc, Phi; chiều : Á, Âu

Đốn sạch Thái Sơn không nặng gánh

Múc khô Bắc Hải chẳng đầy gầu

Đem cõm lên miếu nuôi thần đói

Lấy thuốc đến chùa chữa Phật đau

Cưỡi ngựa hai sừng qua cửa sổ

Thành hoàng, Thổ địa chạy theo hầu.

Kinh đọc xong bài thơ, nhiều cụ vỗ đùi khen. Rồi họ lẩm nhẩm lại từng câu, chữ, phẩm bình. Kẻ cho là Kinh ngạo mạn, người cho đó là giọng "bạo thiên, nghịch địa".

Trong khi đó, Kinh lẻn ra ngoài đi dạo chơi, mặc cho những kẻ sinh chử nghĩa ngồi bình luận, cãi vã với nhau.

29. CHỌN CHO MÌNH MỘT CÁCH CHẾT

Sau ngày toàn quốc kháng chiến (20-12-1946) Nguyễn Kinh tham gia chống Pháp ngay tại quê nhà, huyện Phú Vang. Do chỉ điểm, ông bị bọn lính bảo vệ đồn Trường Hà bắt giữ lúc đang cải trang làm người gặt lúa. Bấy giờ Nguyễn Kinh mới gần tuổi năm mươi, nhưng dáng người đã hom hen lắm. Bọn lính và sếp Tây thay nhau tra khảo, giam ông trong hầm tối, buộc ông phải chỉ chỗ chôn vũ khí của du kích. Sau những trận đòn thù, biết mình không thể sống nổi, ông nói với tên lính gác :

- Vào bảo lại với sếp của mày, tao sẽ chỉ chỗ chôn giấu vũ khí.

Bọn lính mừng rỡ, hứa sẽ tha bổng và sẽ thưởng ông nhiều thứ. Ông chỉ yêu cầu được tắm rửa và mặc bộ áo quần sạch sẽ. Dĩ nhiên, yêu cầu đó được thỏa

mặc ngay. Nguyễn Kinh dẫn bọn lính và sếp Tây đi tìm điều chúng mong muốn : kho đạn. Ông chỉ nơi lùm cây gai rậm rạp ở rìa làng, khiến bọn lính Pháp, đào đến cát lực mà vẫn không thấy gì. Bọn chúng lại tiếp tục đào bới và rồi cũng chỉ có đất với cát. Chúng chĩa súng vào người ông dọa bắn. Ông bảo : Hãy khoan ! Tao nhớ lại chính xác chỗ này... Đi theo tao !

Nguyễn Kinh dắt chúng đi một quãng đường cái ở thôn Dưỡng Mong, nằm giữa Trường Hà và Thanh Lam Bồ, con đường hằng ngày vẫn thường in bóng ông, rồi dừng chân ở chỗ trống trải và bảo :

- Đây rồi ! Đào sâu chừng thước là gặp vũ khí. Chỗ đất cát dễ đào, bọn lính ra tay một loáng đã xong cái hố. Thấy không có dấu hiệu chôn giấu gì, tất cả bọn lính và tên sếp Tây nổi khùng, hét :

- Đâu ? Súng đạn bọn mày chôn ở đâu ?

Kinh nhảy xuống hố, tuột quần, chỉ tay vào hạ bộ của mình bảo :

- Đây này, hãy cúi xuống mà lấy đi !

Và ông cười sảng khoái.

Bọn lính bắn ông ngay, vì cơn tức lên cao độ. Xong, chúng vùi xác ông trong hố. Nguyễn Kinh đã chọn cho mình cách chết can trường bất khuất ở ngay giữa lòng đất mẹ.

KHO TÀNG

TRUYỀN TRẠNG

VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI